

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**LUẬN VĂN THẠC SĨ
TRẦN THỊ THU TRANG**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TẠI THÀNH PHỐ
CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10/2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
TRẦN THỊ THU TRANG**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO
LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TẠI THÀNH PHỐ
CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110

Người hướng dẫn khoa học:
TS. TRẦN ĐĂNG THỊNH

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10/2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đề tài luận văn tốt nghiệp và người hướng dẫn năm 2019 HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào Biên bản bảo vệ Chuyên đề của ngành Quản lý kinh tế vào ngày 16/02/2019;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ và người hướng dẫn Cao học năm 2019 cho:

Học viên : *Trần Thị Thu Trang*

MSHV: 1881438

Ngành : *Quản lý kinh tế*

Tên đề tài : *Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn Thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang*

Người hướng dẫn : *TS. Trần Đăng Thịnh*

Thời gian thực hiện: *Từ ngày 28/02/2019 đến ngày 28/8/2019*

Điều 2. Giao cho Phòng Đào tạo quản lý, thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, phòng Đào tạo, các Khoa quản ngành cao học và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, SĐH (3b).



PGS.TS. Lê Hiếu Giang

BIÊN BẢN CHẤM LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NĂM 2019
NGÀNH: Quản lý kinh tế_KHÓA 2018-2020

Hội đồng chấm LVTN theo QĐ số: 2168/QĐ-ĐHSPKT-SĐH, ngày 09/10/2019

Có mặt : Vắng mặt:

Chủ tịch Hội đồng : TS. Vòng Thành Nam

Thư ký Hội đồng : TS. Trần Độc Lập

Học viên bảo vệ LVTN : **Trần Thị Thu Trang**

MSHV: 1881438

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Đăng Thịnh

Giảng viên phản biện : TS. Đàng Quang Vãng

TS. Hoàng Văn Long

Tên đề tài LVTN : **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC TỈNH AN GIANG**

I. KẾT QUẢ BẢO VỆ:

TT	Thành viên hội đồng	Kết quả bảo vệ	Ghi chú
1	TS. Vòng Thành Nam	7.0	
2	TS. Trần Độc Lập	7.0	
3	TS. Đàng Quang Vãng	7.5	
4	TS. Hoàng Văn Long	7.0	
5	TS. Nguyễn Giác Trí	7.0	
Tổng điểm		35.5	
Điểm trung bình		7.1 (7.0)	

II. KẾT LUẬN:

(Thu lý hội đồng ghi rõ các ý kiến của thành viên hội đồng về việc chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì trong LVTN)

- Sửa lỗi chính tả, văn phong.
- Đề mục: như câu và cơ cấu đồng theo trình độ.
- Chính xác liệt kê (in thưa).
- Trình bày phân lý, do chưa đề tài.
- Bổ sung 2 chương mẫu, 1 mẫu nghiên cứu thực địa.
- Bổ sung tiêu chí đánh giá.
- Hiện chỉnh ở số lý luận về năng lực chất lượng DT là
- Sửa theo góp ý bản kết của hai phản biện.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

TS. Vòng Thành Nam

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

TS. Trần Độc Lập



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU NHẬN XÉT
LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG
(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sỹ: **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC TỈNH AN GIANG**

Tên tác giả: **Trần Thị Thu Trang**

MSHV: **1881438**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phản biện: **TS. Hoàng Văn Long**

Chức danh: **Giảng viên**

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: **Kinh tế**

Điện thoại liên hệ: **0918202040**

I. Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về hình thức & kết cấu luận văn.

Luận văn được trình bày theo thể thức 3 chương với phần mở đầu, các chương; danh mục tài liệu tham khảo; phụ lục với tổng số 102 trang phù hợp với kết cấu của một luận văn thạc sỹ Quản lý kinh tế và đúng theo qui định của Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung

2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.

- Luận văn được trình bày rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ được trình bày trong luận văn là ngôn ngữ viết theo văn phong khoa học;

- Công trình mang tính khoa học cao xuyên suốt qua cấu trúc của luận văn, phần mở đầu (lý do lựa chọn đề tài, phương pháp, đối tượng, phạm vi nghiên cứu..) lần lượt được thể hiện; cơ sở lý luận, lý thuyết được trình bày ở chương 1, từ đó tác giả phân tích thực trạng (chương 2) dựa vào khung lý thuyết; cuối cùng là những kiến nghị, giải pháp cho vấn đề nghiên cứu

2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Trích dẫn tài liệu tham khảo và trích dẫn các nghiên cứu khác cơ bản là phù hợp, tuy nhiên cần chi tiết hơn nữa ở một số mục, chương trong luận văn và cần cập nhật một số nghiên cứu mới nhất hiện nay.

2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.

- Mục tiêu nghiên cứu: trong phần mục tiêu tác giả nên chia thành mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể sẽ rõ ràng hơn.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để

giải quyết vấn đề thông qua các phương pháp như: Phương pháp thu thập dữ liệu (dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp); Phương pháp phân tích dữ liệu (thống kê, so sánh...). Các phương pháp trên phù hợp để giải quyết mục tiêu nghiên cứu của luận văn.

2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.

Đề tài đáp ứng tốt theo yêu cầu của một luận văn thạc sỹ với các tổng quan nghiên cứu của các tác giả, các bài nghiên cứu có liên quan, tuy nhiên số lượng còn hạn chế (05 tài liệu) và bổ sung một số nghiên cứu của nước ngoài nếu được.

2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.

Nội dung phù hợp với tên đề tài và phù hợp với chuyên ngành Quản lý kinh tế, chất lượng của luận văn cơ bản đáp ứng được theo yêu cầu của một luận văn thạc sỹ

2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.

Đề tài “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang” mang tính thực tiễn cao, kết quả nghiên cứu giúp các nhà quản lý của thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang xây dựng định hướng, chính sách các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng góp phần vào quá trình phát triển của thành phố.

2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).

- Phần mở đầu
- Lý do lựa chọn đề tài quá dài, cần cô đọng và hướng tới trọng tâm hơn;
- Mục tiêu nghiên cứu: có thể được thể hiện từ mục tiêu tổng quát sau đó đưa ra các mục tiêu cụ thể cho luận văn;
- Đối tượng nghiên cứu: cần chỉnh sửa và bổ sung, đối tượng nghiên cứu phải là “đào tạo nghề...”
- Phạm vi nghiên cứu: xem lại về phạm vi về nội dung (lý thuyết; thực trạng về đào tạo nghề...)
- Câu hỏi nghiên cứu: có thể bỏ
- Phương pháp nghiên cứu: tác giả cần chỉnh sửa lại cho phù hợp, ví dụ (trang 9) PP thu thập dữ liệu thứ cấp, tác giả cho rằng thực thi các văn bản....
- Chương 1:
 - Một số khái niệm tác giả sử dụng cần làm rõ nguồn (Anh; Pháp, Nga...);
 - Trang 13, tác giả nên cập nhật văn bản qui phạm pháp luật mới nhất, cụ thể tác giả nên sử dụng khái niệm của Luật giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 thay cho Luật dạy nghề (Luật dạy nghề đã hết hiệu lực từ ngày 1/7/2015);
 - Chương 1, thiếu tiêu chí đánh giá về đào tạo nghề cho nông thôn, đề xuất tác giả tham khảo
 - + Quyết định số 736/QĐ-LĐTĐ ngày 29 tháng 05 năm 2019 về việc chi tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;
 - + Quyết định số 1952/QĐ-LĐTĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 ban hành Kế hoạch thực hiện “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Chương 2
 - Mục 1.5 (chương 1) trang 26, tác giả đưa ra 6 yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT, tuy nhiên ở mục 2.3 (trang 71) khi phân tích yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT thì còn có 5 yếu tố và một số yếu tố không giống như mục 1.5.;
 - Tác giả có 2 bảng khảo sát (01 người lao động, 01 chủ hộ, CBQL...) tuy nhiên khi

phân tích thực trạng tác giả ít đề cập đến kết quả khảo sát để minh chứng.

- Chương 3
- Xem lại các giải pháp mục 3.2 và 3.3

- Một số ý kiến khác
- Ở cuối mỗi chương nên có phần kết luận chương (tiểu kết chương);
- Bổ sung vào danh mục tài liệu tham khảo những tác giả có sử dụng trong luận văn;
- Danh mục tài liệu tham khảo cần bổ sung và chỉnh sửa theo đúng qui định của Nhà trường;

II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ

(Các câu hỏi của giảng viên phân biện)

1. Trong các giải pháp, theo tác giả giải pháp nào quan trọng và cấp bách nhất hiện nay của luận văn? Tại sao?

III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.	x	
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.	x	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

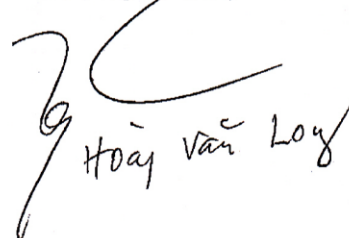
IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phân biện ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Mặc dù một số vấn đề cần bổ sung và chỉnh sửa, tuy nhiên luận văn "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang" của học viên Trần Thị Thu Trang đáp ứng được yêu cầu của một luận văn thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế và tôi đồng ý cho bảo vệ trước hội đồng để nhận học vị thạc sỹ.

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét
(Ký & ghi rõ họ tên)


Hoai Van Loy



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU NHẬN XÉT
LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG
(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sỹ: **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC TỈNH AN GIANG**

Tên tác giả: **Trần Thị Thu Trang**

MSHV: **1881438**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phản biện: **TS. Đàm Quang Vắng**

Chức danh:

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: **SPKT**

Điện thoại liên hệ:

I. Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về hình thức & kết cấu luận văn.

- Nhiều lỗi chính tả
- Tên luận văn không nên viết tắt
- Xuống hàng và khoảng cách các hàng còn tùy tiện
- Kết cấu của đề tài theo cách viết truyền thống gồm 3 chương phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu

2. Về nội dung

2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.

Luận văn có tính khoa học cao và được trình bày rõ ràng

2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

- Tài liệu tham khảo cũ (từ năm 1993)
- Số liệu tham khảo cũ (từ năm 1999, trang 37)
- Mục số tài liệu được sử dụng trong nội dung của luận văn nhưng không tìm thấy ở tài liệu tham khảo

2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.

- Cần phải nêu mục tiêu nghiên cứu chung và mục tiêu nghiên cứu cụ thể (mục tiêu tác giả trình bày cần phải ghi rõ ràng hơn, nên sử dụng các động từ để ghi mục tiêu nghiên cứu).

- Phương pháp, đối tượng và phạm vi nghiên cứu được xác định rõ ràng.

2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.

Tổng quan nghiên cứu tác giả vẫn chưa dứt kết và kế thừa hoặc phát triển những nội

✓

dung gì?

2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.

Một số nhận định của tác giả rất chú quan:

- Mục 1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tác giả dựa trên cơ sở nào để đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho lao động,

- Mục 2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, tác giả chưa nên được đặc điểm tự nhiên này ảnh hưởng như thế nào đến đào tạo nghề tại nông thôn (Châu đốc hiện nay có 05 phường, 02 xã)

2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.

Đề tài có khả năng ứng dụng vào thực tiễn tương đối cao

2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).

Cần bổ sung phân giải pháp

- Cần phải nghiên cứu bổ sung nhu cầu về lao động và cơ cấu lao động theo trình độ và nghề nghiệp tại các địa phương để có chiến lược đào tạo nghề phù hợp.

- Nâng cao nhận thức của người dân, xã hội về lao động được đào tạo nghề

- Tìm các nguồn tài trợ tài về tài chính từ và con người từ nhưng tổ chức phi chính phủ NGOs, tổ chức từ thiện, các khoản viện trợ không hoàn lại.

- Cần phân tích thêm 2.1 Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc có ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề như thế nào?

II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ

(Các câu hỏi của giảng viên phản biện)

1. Tại sao tác giả chọn những quốc gia Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc làm bài học kinh nghiệm?
2. Chất lượng đào tạo nghề nói chung và chất lượng đào tạo nghề cho người nông thôn có gì khác nhau?
3. Tiêu chí để đánh giá hiệu quả của việc đào tạo nghề?

III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.	x	
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.	x	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phân biệt ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Luận văn đạt yêu cầu nhưng cần phải chỉnh sửa theo góp ý ở trên.

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét
(Ký & ghi rõ họ tên)



TS. Đặng Quang Vãng

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho nghiên cứu sinh & học viên cao học)

Dán hình
3x4 & đóng
mộc giáp lại
hình

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ & tên: TRẦN THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 27/11/1973

Nơi sinh: Châu Đốc, An Giang

Quê quán: Châu Đốc, An Giang

Dân tộc: Kinh

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi học tập, nghiên cứu: Trưởng Phòng Đào tạo, Trường Trung cấp nghề Châu Đốc.

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Đường Mậu Thân, khóm Châu Long 8, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Điện thoại cơ quan: 02963 550409

Điện thoại nhà riêng: 0939 936336

Fax:

E-mail: tttrangcd@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Trung học chuyên nghiệp:

Hệ đào tạo:

Thời gian đào tạo từ .../.... đến .../

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

2. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo từ tháng 8/1993 đến tháng 8/1998

Nơi học: Trường Đại học Cần Thơ

Ngành học: Chế biến công nghệ thực phẩm

Tên đề án, luận văn hoặc môn thi tốt nghiệp: Môn cơ sở và môn chuyên ngành

Ngày & nơi bảo vệ đề án, luận văn hoặc thi tốt nghiệp: Tháng 8/1998, Trường Đại học Cần Thơ

Người hướng dẫn:

3. Thạc sĩ:

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2020

Nơi học: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - TP. Hồ Chí Minh.

Ngành học: Quản lý kinh tế

Tên luận văn: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ngày & nơi bảo vệ luận văn: Ngày 26/10/2019, tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - TP. Hồ Chí Minh.

Người hướng dẫn: TS. TRẦN ĐĂNG THỊNH

4. Tiến sĩ:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ/..... đến/

Tại (trường, viện, nước):

Tên luận án:

Người hướng dẫn:

Ngày & nơi bảo vệ:

5. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ): B1**6. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày & nơi cấp:****III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:**

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Tháng 8/1998 - 5/2002	Đài PT-TH An Giang	Phóng viên
Tháng 6/2002 - 8/2009	VP. HĐND&UBND thành phố Châu Đốc	Chuyên viên
Tháng 9/2009 đến 10/2013	Trường TCN Châu Đốc	CB Đào tạo
Tháng 11/2013 đến 12/2014	Trường TCN Châu Đốc	Tổ trưởng Tổ QLHS và tư vấn đối ngoại
Tháng 01/2015 đến 01/2016	Trường TCN Châu Đốc	Phó Phòng đào tạo
Từ tháng 02/2016 đến nay	Trường TCN Châu Đốc	Trưởng Phòng đào tạo

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
HIỆU TRƯỞNG**

Ngày 20 tháng 11 năm 2019
Người khai ký tên

Trần Thế Vỹ

Trần Thị Thu Trang

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp vừa qua, để hoàn thành được khóa luận tốt nghiệp, ngoài sự nỗ lực của bản thân, tôi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm giúp đỡ của các tập thể, các cá nhân trong và ngoài trường.

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy giáo, cô giáo Khoa Kinh tế - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới thầy giáo **TS. Trần Đăng Thịnh**, đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt thời gian thực tập tốt nghiệp.

Qua đây tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới các đồng chí Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế và các Phòng ban khác của thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đã giúp đỡ tôi nhiệt tình trong thời gian tôi thực tập tại địa phương.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn tới gia đình và bạn bè đã khích lệ, cổ vũ tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2019

Sinh viên

Trần Thị Thu Trang

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2019

Sinh viên

Trần Thị Thu Trang

MỤC LỤC

Trang tựa	TRANG
Quyết định giao đề tài	
LÝ LỊCH KHOA HỌC	xi
LỜI CẢM ƠN	xiii
LỜI CAM ĐOAN	xiv
MỤC LỤC	xv
DANH SÁCH CÁC HÌNH.....	xxi
DANH SÁCH CÁC BẢNG.....	xxii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
2.1. Mục tiêu tổng quát	2
2.2. Mục tiêu cụ thể	3
3. Các công trình nghiên cứu có liên quan.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Đóng góp của luận văn.....	7
7. Kết cấu luận văn.....	8
Chương 1.....	9
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG	
NÔNG THÔN	9
1.1. Một số khái niệm	9
1.1.1. Khái niệm đào tạo	9
1.1.2. Khái niệm nghề.....	9

1.1.3. Khái niệm đào tạo nghề	10
1.1.4. Khái niệm lao động và lao động nông thôn.....	11
1.1.5. Khái niệm về đào tạo nghề cho lao động nông thôn	12
1.1.6. Khái niệm chất lượng đào tạo nghề	13
1.1.7. Khái niệm về chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	15
1.1.8. Khái niệm về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn .	15
1.2. Vai trò, ý nghĩa của đào tạo nghề cho lao động nông thôn	17
1.2.1. Vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn	17
1.2.2. Ý nghĩa của đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	19
1.3. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	20
1.3.1. Một số đặc điểm của lao động nông thôn	20
1.3.2. Một số đặc điểm của hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	21
1.4. Nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn	22
1.4.1. Xác định nhu cầu đào tạo.....	22
1.4.2. Xây dựng kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo ...	23
1.4.3. Tổ chức đào tạo, lựa chọn hình thức đào tạo.....	23
1.4.4. Quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá công tác đào tạo	24
1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	25
1.5.1. Các chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề.....	25
1.5.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề.....	26
1.5.3. Chương trình, giáo trình liên quan đến đào tạo nghề	27
1.5.4. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề.....	28
1.5.5. Nguồn tài chính đầu tư cho công tác đào tạo nghề.....	29

1.5.6. Nhận thức của người học và xã hội về đào tạo nghề	29
1.6. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở một số địa phương nước ta trong thời gian qua.....	30
1.6.1 Kinh nghiệm của thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	30
1.6.2. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Trị.....	31
1.6.3. Kinh nghiệm của tỉnh Thanh Hóa.....	33
1.6.4. Bài học kinh nghiệm.....	33
1.7. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số nước Châu Á.....	34
1.7.1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc	34
1.7.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc	37
1.7.3. Kinh nghiệm của Nhật Bản.....	38
1.7.4. Bài học kinh nghiệm.....	39
Chương 2.....	41
THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2018.....	41
2.1. Tổng quan về thành phố Châu Đốc.....	41
2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên	41
2.1.2. Đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội	44
2.1.3. Tình hình triển khai chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc trong thời gian qua	47
2.1.4. Đặc điểm của LĐNT ở thành phố Châu Đốc	49
2.2. Thực trạng về công tác đào tạo nghề cho LĐNT ở thành phố Châu Đốc...50	50
2.2.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho LĐNT	50
2.2.2. Nhu cầu đào tạo nghề của địa phương.....	51

2.2.3. Quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo.....	52
2.2.4. Hình thức đào tạo.....	54
2.2.5. Tổ chức và quản lý đào tạo nghề ở thành phố Châu Đốc.....	57
2.2.6. Kết quả đào tạo.....	58
2.2.7. Đánh giá hiệu quả và chất lượng đào tạo.....	61
2.3. Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc.....	70
2.3.1. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	70
2.3.2. Hệ thống cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo nghề.....	71
2.3.3. Chương trình, giáo trình đào tạo.....	72
2.3.4. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề.....	72
2.3.5. Tài chính cho đào tạo nghề.....	74
2.3.6. Nhận thức của người dân và xã hội về việc học nghề.....	75
2.4. Đánh giá chung về chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc.....	75
2.4.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân.....	75
2.4.2. Những hạn chế và những vấn đề đặt ra.....	79
2.4.3. Bài học kinh nghiệm.....	82
Chương 3.....	84
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC HIỆN NAY.....	84
3.1. Định hướng và mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời gian tới.....	84
3.1.1. Định hướng phát triển của thành phố trong thời gian tới.....	84

3.1.2. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố trong thời gian tới.....	87
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn của thành phố Châu Đốc hiện nay và trong những năm tiếp theo...	90
3.2.1. Các giải pháp từ phía Nhà nước và chính quyền địa phương.....	90
3.2.2. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội	91
3.2.3. Mở rộng hình thức và ngành nghề đào tạo; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với tình hình phát triển hiện nay của địa phương.....	92
3.2.4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho giảng dạy, học tập.....	94
3.2.5. Nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đào tạo nghề	95
3.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình đào tạo nghề.....	96
3.2.7. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động	96
3.2.8. Xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động.....	98
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	98
1. Kết luận	98
2. Kiến nghị	100
* Với Nhà nước.....	100
* Với chính quyền địa phương thành phố Châu Đốc	100
* Với cơ sở đào tạo nghề	100
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	102
PHỤ LỤC.....	105

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNH-HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CSDN	: Cơ sở dạy nghề
CSSX	: Cơ sở sản xuất
DN	: Doanh nghiệp
ĐTĐN	: Đào tạo nghề
LĐNT	: Lao động nông thôn
KD	: Kinh doanh
KH-CN	: Khoa học công nghệ
KH-KT	: Khoa học kỹ thuật
LĐ-TB và XH	: Lao động Thương binh và Xã hội
TTCN	: Tiểu thủ công nghiệp
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH SÁCH CÁC HÌNH

HÌNH	TRANG
Hình 2.1. Sự phân bố dân cư trên địa bàn thành phố Châu Đốc.....	49
Hình 2.2. Đánh giá tay nghề của người lao động tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc sau các khóa đào tạo.	66

DANH SÁCH CÁC BẢNG

BẢNG	TRANG
Bảng 1.1. Kết quả hoạt động đào tạo trong phong trào Saemaul Udong.....	36
Bảng 2.1: Mật độ dân số năm 2018 (Phân theo xã - phường)	42
Bảng 2.2: Một số chỉ tiêu chủ yếu.....	45
Bảng 2.3: Các hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc (2016 - 2018)	54
Bảng 2.4: Số lượng lao động được đào tạo trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (2016- 2018).....	60
Bảng 2.5: Đánh giá chung của người lao động về chất lượng đào tạo nghề	62
Bảng 2.6: Đánh giá của người lao động về hình thức và nội dung chương trình đào tạo	63
Bảng 2.5: Kết quả điều tra cán bộ, giáo viên về công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố năm 2016.....	65
Bảng 2.7: Đánh giá của người lao động về việc tham gia học nghề.....	67
Bảng 2.8: Đánh giá của các cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Châu Đốc	68
Bảng 3.1. Hướng đào tạo nghề dịch vụ du lịch cho lao động thành phố đến năm 2020	88
Bảng 3.2. Hướng đào tạo các nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp khác cho lao động thành phố đến 2020	89

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-HĐH) đất nước và hội nhập quốc tế, nguồn lực con người có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới. Giáo dục và đào tạo giữ vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng thế hệ con người mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi giáo dục và đào tạo phải có chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại. Dạy nghề là một bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Ngày nay, với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ, nhiều ngành sản xuất mới xuất hiện đòi hỏi trình độ tay nghề và độ chính xác cao. Bên cạnh việc dạy nghề ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội thì việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cũng cần được chú trọng hơn nữa. Đây là nguồn nhân lực hết sức quan trọng, có năng suất lao động và trình độ tay nghề cao, mang lại hiệu quả kinh tế lâu dài, bền vững.

Để thực hiện được mục tiêu này, ngoài việc các cơ sở đào tạo chủ động, tích cực chuẩn bị thì các cơ quan quản lý Nhà nước cũng cần có chiến lược quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề và xây dựng cơ cấu ngành nghề, góp phần định hướng cho cơ sở đào tạo. Đồng thời, có chính sách khuyến khích, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tránh tình trạng “*thừa thầy thiếu thợ*” như hiện nay.

Từ thực tiễn trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*”. Đề án đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn và hoàn thành mục tiêu chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới. Theo đó, mục tiêu đến năm 2020 sẽ dạy nghề cho gần 17 triệu lao động nông thôn nhằm mở ra nhiều cơ hội việc làm và tạo thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH nông thôn.

Hiện nay, chiến lược phát triển kinh tế đất nước nói chung và phát triển kinh tế nông thôn nói riêng luôn gắn với sự phát triển của nguồn lực con người vì thực tế, dù ở giai đoạn phát triển nào con người vẫn là trọng tâm quyết định sự thay đổi của xã hội. Vì vậy, nguồn nhân lực cần phải qua đào tạo để phát triển toàn diện hơn, một trong những mảng đào tạo đặc biệt cần thiết hiện nay là đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Trong thời gian qua công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc đã đạt được những kết quả nhất định. Bước đầu đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, doanh nghiệp. Với phương châm phát huy tối đa nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài thành phố. Châu Đốc đã triển khai nhiều giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những hạn chế về chất lượng đào tạo nghề đối với lao động nông thôn (LĐNT) như: Liên kết đào tạo nghề với các doanh nghiệp; xây dựng mô hình dạy nghề mới; tổ chức dạy nghề lưu động tại các cơ sở và phường - xã và kể cả ở các huyện, thị lân cận. Nhưng thực tế việc triển khai các hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT thành phố thời gian qua diễn ra như thế nào? Có những yếu tố nào ảnh hưởng chính đến chất lượng đào tạo nghề cho người LĐNT thành phố? Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người LĐNT thành phố Châu Đốc thì trong thời gian tới cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào?

Từ thực tiễn đặt ra đó, nhận thấy đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc thực sự là vấn đề cấp thiết và quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của thành phố. Vì vậy, tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang”*** làm đề tài cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phân tích và đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT tại thành phố Châu Đốc thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT tại thành phố Châu Đốc trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xem xét, làm rõ và phát triển cơ sở lý luận, thực tiễn về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

- Đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT thành phố Châu Đốc .

- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT thành phố Châu Đốc trong thời gian tới.

3. Các công trình nghiên cứu có liên quan

Đào tạo nghề cho LĐNT là công tác vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của nguồn nhân lực và nền kinh tế nước ta hiện nay. Đây là vấn đề được rất nhiều tác giả quan tâm và chủ yếu các tác giả tập trung vào giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động ở nhiều khía cạnh khác nhau. Từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, liên quan đến vấn đề của luận văn đã có nhiều công trình khoa học, nhiều nhà nghiên cứu có bài viết xoay quanh vấn đề này, tiêu biểu như:

- Bùi Thị Ngọc Thoa, *“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội*, tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp. Đã xác định đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng và Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH nông thôn và thực hiện đồng bộ hóa một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

- *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở nước ta hiện nay: Vấn đề cần quan tâm”* của Hoàng Văn Phai (2011) đã đề cập đến vấn đề CNH-HĐH thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra nhanh, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch mạnh mẽ. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều hộ nông nghiệp bị mất đất sản xuất, phải tìm cách chuyển đổi lao động sang lĩnh vực phi nông nghiệp nên rất cần được hưởng chính sách ưu đãi về đào tạo nghề. Bên cạnh đó,

chất lượng lao động ở nông thôn nước ta còn quá thấp. Chất lượng lao động nông thôn thấp đã làm cho thu nhập của người lao động không thể tăng nhanh; gây ra chênh lệch khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn ngày càng tăng. Chính vì vậy, đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Việt Nam đang là một yêu cầu cấp bách.

- Nguyễn Tiến Dũng, “*Đào tạo nghề cho nông dân trong thời kỳ hội nhập quốc tế*” đề cập đến vấn đề thiếu việc làm trong nông thôn hiện nay, qua đó đề ra giải pháp và phương pháp đào tạo nghề nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, bổ sung nguồn lực có tay nghề cho đất nước.

- Nguyễn Tiệp (2005) đã nêu những vấn đề lý luận và thực tiễn về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nông thôn trong quá trình CNH-HĐH trên địa bàn thành phố Hà Nội. Những đặc trưng cơ bản của nguồn nhân lực nông thôn trong quá trình đô thị hóa tác động chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn sang làm các công việc công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, quá trình đô thị hóa và hội nhập toàn cầu hóa kinh tế góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp dịch vụ. Sự xuất hiện nhiều ngành nghề mới đòi hỏi nguồn nhân lực nông thôn phải có sự đổi mới nâng cao chất lượng để thích ứng, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đô thị hóa và di chuyển lao động nông thôn ra thành thị trở thành xu hướng không thể cưỡng nổi, nó có tác dụng giảm sức ép căng thẳng về việc làm ở các vùng nông thôn và cung ứng lao động cho thị trường lao động ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, khu du lịch. Dòng lao động di chuyển từ nông thôn ra thành thị bao gồm có lao động nhập cư và sinh sống làm việc tại các thành phố và lao động nông thôn đến thành phố làm việc mang tính chất thời vụ. Cuốn sách đã phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến nguồn nhân lực nông thôn như động thái dân số, mức sống dân cư, giáo dục và đào tạo, tăng trưởng và phát triển kinh tế, việc làm và thu nhập, sự phát triển hệ thống giao thông và công nghệ thông tin, các chính sách của chính phủ. Cuốn sách khẳng định phát triển nguồn nhân lực là nhân tố quyết định đẩy mạnh CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn, khẳng định vai

trò trọng tâm của đào tạo phát triển nguồn nhân lực nông thôn trong quá trình đô thị hóa gắn với CNH-HĐH.

- Trần Việt Dũng, “*Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn*” đã đưa ra những giải pháp thiết thực làm thế nào để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhằm góp phần thực hiện khâu đột phá trong phát triển nguồn nhân lực mà Nghị quyết của Đảng đã xác định.

Công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn hiện nay càng có ý nghĩa trong bối cảnh cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp trong quá trình hội nhập. Cả hai phương diện trên đều đòi hỏi phải tăng cường đào tạo và đào tạo lại nghề trong xã hội, trước tiên là cho lao động ở nông thôn cả về số lượng và chất lượng.

Đề tài này đi sâu vào thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc, trên cơ sở đó đưa ra nhận xét, đánh giá mặt mạnh, hạn chế của vấn đề này để tìm hướng giải quyết tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc.

Có thể thấy rằng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn luôn nhận được sự quan tâm không chỉ của các nhà quản lý, hoạch định chính sách mà còn của các nhà khoa học vì vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của các địa phương nói riêng. Đồng thời, đây là vấn đề đòi hỏi càng phải đổi mới nếu xét theo tiến trình phát triển. Vì vậy, cần phải tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Qua các công trình vừa được đề cập có thể nhận định như sau:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về đào tạo nghề cho LĐNT đã viết cách đây khá lâu. Một số quan điểm, nội dung, hình thức đào tạo nghề không còn phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu liên quan đến đào tạo nghề cho LĐNT diễn ra ở Việt Nam nói chung hoặc ở nhiều địa phương khác nhau nói riêng. Vì vậy,

việc nghiên cứu chuyên sâu về đào tạo nghề cho LĐNT ở địa phương là vấn đề mới có ý nghĩa thực tiễn.

Tóm lại, đã có nhiều công trình nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Những công trình này có mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp và nội dung khác nhau. Song kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học và thực tiễn là cơ sở để người thực hiện đề tài tiếp thu, kế thừa trong việc phát triển và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

**** Đối tượng nghiên cứu:***

- Đối tượng nghiên cứu: Là những vấn đề lý luận, thực tiễn về chất lượng ĐTN cho LĐNT và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng ĐTN cho LĐNT.

- Đối tượng khảo sát: Là các tác nhân liên quan đến chất lượng ĐTN cho LĐNT như: các cơ quan quản lý Nhà nước về ĐTN cho LĐNT, các cơ sở dạy nghề, LĐNT đã và đang học nghề, các đơn vị và các DN sử dụng LĐNT; quá trình ĐTN cho LĐNT và sử dụng LĐNT qua ĐTN.

**** Phạm vi nghiên cứu:***

- *Phạm vi nội dung:* Nghiên cứu các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT, thực trạng về chất lượng ĐTN cho LĐNT, các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng ĐTN cho LĐNT và các giải pháp nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT của thành phố Châu Đốc.

- *Phạm vi không gian:* Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- *Phạm vi về thời gian:* Từ năm 2016 đến năm 2018

5. Phương pháp nghiên cứu

**** Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp:***

Đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như: Phân tích tổng hợp, thống kê, so sánh và khảo sát thực tế nhằm làm rõ những nội dung của luận văn.

- Phương pháp phân tích tổng hợp được sử dụng trong toàn bộ nội dung của đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý thuyết của các vấn đề và là cơ sở của việc xây dựng các giải pháp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Phương pháp thống kê được sử dụng nhằm xem xét và đánh giá những yếu tố, số liệu có liên quan về thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm đối chiếu, đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong từng giai đoạn cũng như trong tương quan với một số địa phương khác.

- Phương pháp khảo sát thu thập dữ liệu được sử dụng nhằm xác định những thông tin, ý kiến của các đối tượng có liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thông qua bảng câu hỏi, tác giả gửi đến từng đối tượng được khảo sát. Dữ liệu sơ cấp được thu thập và tổng hợp từ kết quả trả lời của đối tượng được khảo sát qua bảng câu hỏi đã được soạn sẵn.

Phương pháp này cũng hỗ trợ cho người nghiên cứu trong việc xác định thực trạng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc làm cơ sở cho việc xây dựng góp phần trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

**** Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp:***

Thực thi các văn bản hiện hành như: Thông tư, Nghị định, Quyết định, ... của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; UBND tỉnh An Giang, UBND thành phố Châu Đốc; ... có liên quan đến công tác ĐTN cho LĐNT.

Đồng thời, thu thập số liệu từ các phòng, ban có liên quan trên địa bàn thành phố Châu Đốc như: Phòng Lao động - Thương binh và xã hội; phòng Kinh tế; phòng Thống kê; ...

6. Đóng góp của luận văn

Luận văn phân tích và làm rõ thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc hiện nay. Giúp nâng cao nhận thức của người dân trong

việc học nghề, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động trong thành phố.

Đánh giá kết quả những tồn tại và nguyên nhân, đề xuất các quan điểm, giải pháp, xây dựng chương trình đào tạo cơ bản, sát thực, hữu ích nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thành phố.

Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo nghiên cứu ở các ngành, các cơ quan nghiên cứu hoạch định chính sách và chỉ đạo thực tiễn của thành phố Châu Đốc.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương.

- Chương 1: Lý luận chung về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
- Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang từ năm 2016 đến năm 2018.
- Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc hiện nay.

Chương 1.

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm đào tạo

Theo từ điển Bách khoa toàn thư, “Đào tạo đề cập đến việc dạy các kỹ năng thực hành, nghề nghiệp hay kiến thức liên quan đến một lĩnh vực cụ thể, để người học lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, nghề nghiệp một cách có hệ thống để chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng đảm nhận một công việc nhất định”.

Đào tạo được hiểu là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức, nhằm hình thành và phát triển có hệ thống các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ,... để hoàn thiện nhân cách cho mỗi cá nhân, tạo tiền đề cho họ có thể vào đời hành nghề một cách có năng suất và hiệu quả.

Đào tạo được thực hiện bởi các loại hình tổ chức chuyên ngành nhằm thay đổi hành vi và thái độ làm việc của con người, tạo cho họ khả năng đáp ứng tiêu chuẩn và hiệu quả của công việc chuyên môn.

1.1.2. Khái niệm nghề

Nghề là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử rất phổ biến gắn chặt với sự phân công lao động, với tiến bộ khoa học kỹ thuật và văn minh nhân loại.

Khái niệm “nghề” được định nghĩa hết sức đa dạng, nhiều định nghĩa nghề được đưa ra song chưa được thống nhất, tập hợp lại, nghề được quan niệm “là một tập hợp lao động do sự phân công lao động xã hội quy định mà giá trị của nó trao đổi được. Nghề mang tính tương đối, nó phát sinh, phát triển hay mất đi do trình độ của nền sản xuất và nhu cầu xã hội”. Nhưng cũng có quan niệm cho rằng, những chuyên môn có những đặc điểm chung, gần giống nhau được xếp thành một nhóm

chuyên môn và được gọi là nghề. Nghề là tập hợp của một nhóm chuyên môn cùng loại, gần giống nhau.

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

Mặc dù khái niệm nghề được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau song chúng ta có thể thấy một số nét đặc trưng nhất định:

Một là, nghề là hoạt động, là công việc lao động của con người được lặp đi lặp lại.

Hai là, nghề được hình thành do sự phân công lao động xã hội, phù hợp với yêu cầu xã hội.

Ba là, nghề là phương tiện để sinh sống.

Bốn là, nghề là lao động kỹ năng, kỹ xảo chuyên biệt có giá trị trao đổi trong xã hội, đòi hỏi phải có quá trình đào tạo nhất định.

Hiện nay, xu thế phát triển của nghề chịu tác động mạnh mẽ của Khoa học - kỹ thuật (KH-KT) và văn minh nhân loại nói chung và về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của mỗi quốc gia nói riêng. Bởi vậy phạm trù "Nghề" biến đổi một cách mạnh mẽ và gắn chặt với xu hướng phát triển KT-XH của đất nước.

1.1.3. Khái niệm đào tạo nghề

Đào tạo nghề (ĐTĐN) là thuật ngữ trong nhóm các vấn đề nâng cao chất lượng nguồn lao động. Nói đến nâng cao chất lượng nguồn lao động cho thuật ngữ đào tạo nghề. Thuật ngữ này được hiểu theo các phạm vi khác nhau.

ĐTĐN là quá trình trang bị kiến thức nhất định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động để họ có thể đảm nhận một công việc nhất định. Hay nói cách khác đó là quá trình truyền đạt, lĩnh hội những kiến thức và kỹ năng cần thiết để người lao động có thể thực hiện một công việc nào đó trong tương lai.

ĐTĐN là những hoạt động giúp cho người học có được các kiến thức về lý thuyết và kỹ năng thực hành một số nghề nào đó, sau một thời gian nhất định người học có thể đạt được một trình độ để tự hành nghề, tìm việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao tay nghề theo những chuẩn mực mới.

Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 định nghĩa: “*Đào tạo nghề nghiệp* là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp”. Nhìn chung, về cơ bản khái niệm đào tạo nghề và đào tạo nghề nghiệp không có sự khác biệt nhiều về nội dung, đều là hoạt động dạy và học, hai hoạt động không thể tách rời nhau. Vì vậy, trong nhiều trường hợp đào tạo nghề và đào tạo nghề nghiệp được đồng nhất với nhau trong diễn đạt của các văn bản.

ĐTĐN phục vụ cho mục tiêu KT-XH, trước hết là phương hướng phân công lao động mới, tạo cơ hội cho mọi người đều được học tập nghề nghiệp để dễ dàng tìm kiếm việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.1.4. Khái niệm lao động và lao động nông thôn

1.1.4.1. Khái niệm lao động

Có nhiều khái niệm về lao động:

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tác động, biến đổi các vật chất tự nhiên thành những vật phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu sinh tồn của con người.

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người để tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội.

Theo khái niệm của Liên hợp quốc thì: “*Lao động là tổng thể sức dự trữ, những tiềm năng, những lực lượng thể hiện sức mạnh và sự tác động của con người vào cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội*”.

Hay theo Tổ chức Lao động Thế giới (ILO) thì: *“Lực lượng lao động là một bộ phận dân số trong độ tuổi quy định, thực tế có tham gia lao động và những người không có việc làm đang tích cực tìm kiếm việc làm”*.

Thực tế trong từng thời kỳ và ở mỗi một nước trên thế giới quy định độ tuổi lao động khác nhau. Ở nước ta, theo Bộ Luật lao động, độ tuổi lao động được quy định đối với nam từ 15 tuổi đến 60 tuổi, đối với nữ từ 15 tuổi đến 55 tuổi. Xét về khía cạnh việc làm, lực lượng lao động gồm hai bộ phận là có việc làm và thất nghiệp.

1.1.4.2. Khái niệm về lao động nông thôn

Lao động nông thôn là những người thuộc lực lượng lao động và hoạt động trong hệ thống kinh tế nông thôn.

Lao động nông thôn là toàn bộ những hoạt động lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất của những người lao động ở nông thôn. Do đó, lao động nông thôn bao gồm: Lao động trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, dịch vụ nông thôn,...

Lao động nông thôn là những người dân không phân biệt giới tính, tổ chức, cá nhân sinh sống ở vùng nông thôn, có độ tuổi từ đủ 15 trở lên, hoạt động sản xuất ở nông thôn. Trong đó bao gồm những người đủ các yếu tố về thể chất, tâm sinh lý trong độ tuổi lao động theo quy định của Luật lao động và những người ngoài độ tuổi lao động có khả năng tham gia sản xuất, trong một thời gian nhất định họ hoàn thành công việc với kết quả đạt được một cách tốt nhất.

1.1.5. Khái niệm về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Nông thôn là vùng lãnh thổ rộng lớn, trong đó hoạt động nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu và quan trọng, nông dân là bộ phận dân cư chủ yếu của nguồn lao động nông thôn. Sự khác nhau giữa khái niệm đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn là ở đối tượng được đào tạo - là những người LĐNT và những điều kiện gắn với quá trình đào tạo đó.

Từ phân tích những điểm khác biệt trên có thể đưa ra khái niệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn như sau: *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là*

quá trình kết hợp giữa dạy nghề và học nghề, đó là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để những người LĐNT có một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thạo nhất định về nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH nông thôn”.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của LĐNT nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững.

1.1.6. Khái niệm chất lượng đào tạo nghề

1.1.6.1. Quan niệm chất lượng

Có rất nhiều định nghĩa và cách lý giải khác nhau về khái niệm chất lượng. Có ý kiến cho rằng chất lượng là sự xuất chúng, tuyệt hảo, là giá trị bằng tiền, là sự biến đổi về chất và là sự phù hợp với mục tiêu. Các quan niệm về chất lượng chúng ta có thể thấy qua 5 định nghĩa sau:

Theo từ điển tiếng Việt phổ thông thì chất lượng là tổng thể những tính chất, thuộc tính cơ bản của sự vật (sự việc) ... làm cho sự vật (sự việc) này phân biệt với sự vật (sự việc) khác.

Theo từ điển tiếng Việt thông dụng: Chất lượng là cái làm nên phẩm chất, giá trị của sự vật hoặc cái tạo nên bản chất sự vật, làm cho sự vật này khác sự vật kia.

Theo Oxford Pocket Dictationary: Chất lượng là mức hoàn thiện, là đặc trưng so sánh hay đặc trưng tuyệt đối, dấu hiệu đặc thù, các dữ kiện, các thông số cơ bản.

Theo tiêu chuẩn Pháp - NFX50-109: Chất lượng là tiềm năng của một sản phẩm hay dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu người sử dụng.

Theo TCVN-ISO8402: Chất lượng là tập hợp các đặc tính của một thực thể (đối tượng) tạo cho thực thể (đối tượng) đó khả năng thỏa mãn những nhu cầu đã nêu ra hoặc nhu cầu tiềm ẩn.

Nói tóm lại: Chất lượng là khái niệm trừu tượng, phức tạp và là khái niệm đa chiều, nhưng chung nhất đó là khái niệm phản ánh bản chất của sự vật và dùng để so sánh sự vật này với sự vật khác.

1.1.6.2. Chất lượng đào tạo nghề

Khái niệm “chất lượng” đã trừu tượng và phức tạp thì khái niệm về “chất lượng đào tạo nghề” càng phức tạp hơn bởi liên quan đến sản phẩm là giá trị của con người, một sự vật, sự việc. Như vậy có thể hiểu chất lượng là để chỉ sự hoàn hảo, phù hợp, tốt đẹp.

Chất lượng đào tạo nghề là khái niệm đa chiều, không thể trực tiếp đo đếm và cảm nhận được và luôn luôn biến đổi theo thời gian và theo không gian.

Chất lượng đào tạo nghề phản ánh trạng thái đào tạo nghề nhất định và trạng thái đó thay đổi phụ thuộc vào các yếu tố tác động đến nó. Sẽ không thể biết được chất lượng đào tạo nếu chúng ta không đánh giá thông qua một hệ thống các chỉ tiêu và các yếu tố ảnh hưởng.

Khái niệm chất lượng đào tạo nghề là để chỉ chất lượng của người lao động được đào tạo trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, theo mục tiêu và chương trình đào tạo xác định trong các lĩnh vực ngành nghề khác nhau, biểu hiện một cách tổng hợp nhất ở mức độ chấp nhận của thị trường lao động, của xã hội đối với kết

quả đào tạo. Đồng thời, chất lượng đào tạo nghề còn phản ánh cả kết quả đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề và hệ thống đào tạo nghề.

1.1.7. Khái niệm về chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Chất lượng ĐTN cho LĐNT chính là sự phù hợp giữa kết quả đạt được với mục tiêu đề ra mà các bên liên quan đến hoạt động ĐTN cho LĐNT hướng tới trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Gồm: Cán bộ quản lý nhà nước về ĐTN cho LĐNT, cán bộ quản lý đào tạo tại các CSDN tham gia hoạt động ĐTN cho LĐNT, đội ngũ giáo viên dạy nghề, LĐNT học nghề và người sử dụng LĐNT qua đã qua ĐTN.

Việc có đạt được mục tiêu hay không thể hiện khả năng tập hợp kiến thức nghề nghiệp, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của người LĐNT sau quá trình học nghề. Quá trình ĐTN cho LĐNT có chất lượng sẽ bảo đảm cho những LĐNT tích lũy và hình thành nên phẩm chất và năng lực mới để hoàn thành công việc hiện tại một cách tốt hơn hoặc thích ứng và làm được những công việc mới có hiệu quả.

Do đó, chất lượng ĐTN cho LĐNT là sự tổng hòa những phẩm chất, năng lực được tạo ra trong quá trình ĐTN và được thể hiện thông qua mức độ kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp mà LĐNT có được sau quá trình học nghề, nhằm giúp cho LĐNT qua ĐTN được TTLĐ thừa nhận, chấp nhận và phù hợp với các chuẩn mực mà Nhà nước, xã hội quy định.

1.1.8. Khái niệm về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT là quá trình tác động làm tăng kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp của người được ĐTN nhằm đáp ứng tốt nhất đòi hỏi, yêu cầu của người sử dụng LĐ trong từng thời kỳ nhất định; từ đó giúp cho người học nghề sau khi tốt nghiệp tăng cơ hội tìm kiếm được việc làm, có khả năng thích ứng tốt hơn với công việc, giúp LĐNT cải thiện được thu nhập hoặc thậm chí là có thu nhập cao, LĐNT học nghề có thể đạt được sự thăng tiến trong công việc với nghề đã học và nếu không muốn đi “làm thuê” thì LĐNT hoàn toàn có thể tự tổ chức SXKD thành công.

Để nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT, có thể thực hiện những tác động ở phạm vi vĩ mô và phạm vi vi mô. Cụ thể như sau:

- Tác động ở phạm vi vĩ mô:

Tác động ở phạm vi vĩ mô được hiểu là việc thực hiện những thay đổi, điều chỉnh theo chiều hướng tích cực đối với môi trường của hoạt động ĐTN cho LĐNT. Mức độ ảnh hưởng của các tác động ở phạm vi vĩ mô không chỉ riêng đối với hoạt động ĐTN tại một CSDN hoặc một địa phương cụ thể mà có thể ảnh hưởng đến phạm vi toàn bộ hệ thống các CSDN của cả quốc gia. Hạn chế của những tác động ở phạm vi vĩ mô thường chậm so với nhu cầu thay đổi và nhiều khi không có nhiều ảnh hưởng đối với một đối tượng cụ thể do mục tiêu đề ra tác động là giải quyết các vấn đề chung của cả hệ thống trong việc nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT. Tác động ở phạm vi vĩ mô nhằm nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT thường được thực hiện thông qua những điều chỉnh trong Luật Dạy nghề; những chủ trương, chính sách, chương trình, dự án mới về ĐTN cho LĐNT áp dụng trên phạm vi cả nước; các chính sách phát triển kinh tế - xã hội; các chủ trương, chính sách tác động đến vấn đề LĐ, việc làm, thu nhập...

- Tác động ở phạm vi vi mô:

Tác động ở phạm vi vi mô được hiểu là việc thực hiện những thay đổi, điều chỉnh theo chiều hướng tích cực đối với hoạt động ĐTN cho LĐNT bên trong mỗi CSDN hoặc tại một địa phương cụ thể. Khi gắn với một “địa chỉ” cụ thể, các tác động sẽ sát với đòi hỏi thực tế hơn và hiệu quả tác động cũng nhanh hơn do phạm vi điều chỉnh hẹp hơn. Để nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT, các tác động ở phạm vi vi mô sẽ tập trung vào phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng ĐTN cho LĐNT và có những điều chỉnh phù hợp. Như điều chỉnh về cơ chế tổ chức quản lý của CSDN; chương trình đào tạo; đội ngũ giáo viên; CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo; công tác tổ chức đào tạo...

Như vậy, để nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT có thể tác động ở phạm vi vĩ mô hay phạm vi vi mô hoặc đồng thời. Tuy nhiên, khi giới hạn việc nghiên cứu nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT tại một địa phương cụ thể cần đặc biệt quan tâm đến những tác động ở phạm vi vi mô; bởi ngoài hiệu quả tức thời hơn, hướng

giải quyết gần sát với nhu cầu thay đổi hơn còn có một ý nghĩa khác là tính chủ động trong việc thay đổi, điều chỉnh cao hơn.

1.2. Vai trò, ý nghĩa của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.2.1. Vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đào tạo nghề cho LĐNT có vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt đối với phát triển vốn con người, nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, giảm nghèo, thực hiện công bằng, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở khu vực nông thôn.

Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Cơ sở tham gia đào tạo nghề phải có đủ điều kiện, được hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học”.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo sự chuyển biến sâu sắc về mặt chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng; nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức, đủ trình độ, bản lĩnh lãnh đạo, quản lý và thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở xã phục vụ cho CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Garry Becker, người Mỹ được giải thưởng Nobel kinh tế năm 1992 khẳng định: “*Không có đầu tư nào mang lại nguồn lợi lớn như đầu tư vào nhân lực*”.

Chúng ta tiến hành CNH-HĐH đất nước với thế mạnh lớn nhất hiện có là nguồn lực lao động dồi dào. Nhưng chỉ với nguồn lực lao động hiện có thì chưa thể đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế trong thời kỳ cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại; thời kỳ trí tuệ hóa lao động, mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại quốc tế, hội nhập quốc tế hiện nay. Hiện nay khi lượng lao động của nước ta chưa được đào tạo còn khá lớn, chính vì vậy chúng ta không còn sự lựa chọn nào khác,

hoặc là đào tạo nguồn nhân lực quý giá để phát triển đất nước hoặc là phải chịu tụt hậu so với các nước khác.

1.2.1.1. Vai trò cơ bản nhất của đào tạo nghề là đào tạo lực lượng lao động có trí tuệ, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề cao.

Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng trí thức luôn có vai trò to lớn đối với cuộc sống con người và sự phát triển xã hội. Trong sự phát triển của lịch sử xã hội, sức mạnh của trí thức được thể hiện ở sự phát triển KH-KT và công nghệ được vật chất hóa qua sự phát triển không ngừng và mạnh mẽ của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất càng tiên tiến, hiện đại bao nhiêu thì càng nói lên sức mạnh của trí tuệ con người bấy nhiêu. Nghĩa là, trí tuệ con người có sức mạnh vô cùng to lớn một khi nó được vật thể hóa trở thành lực lượng vật chất.

Yếu tố trí lực trong sức lao động đặc trưng cho lao động hiện đại. Lao động hiện đại không còn là kinh nghiệm và thói quen của họ mà là trí thức khoa học. Điều này được thể hiện qua hàm lượng chất xám chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm; sự dịch chuyển mạnh mẽ cơ cấu kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu; các ngành nghề có trình độ công nghệ cao được tập trung phát triển; các lĩnh vực sản xuất phi vật chất ngày càng chiếm tỷ trọng đáng kể trong nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu lao động cũng thay đổi theo hướng lao động trí tuệ tăng nhanh, tầng lớp trí thức, nhân viên và công nhân có trí thức ngày càng đông đảo. Phương thức hoạt động của con người đã chuyển từ nguồn lực tự nhiên, lao động cơ bắp sang khai thác phổ biến nguồn lao động trí tuệ.

1.2.1.2. Đào tạo lực lượng lao động có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp

Phẩm chất đạo đức làm cho người ta biết sống cao đẹp, lành mạnh, văn minh sống có ý nghĩa; biết hướng tới cái đúng, cái hợp lý, chân, thiện, mỹ; biết cần cù, tiết kiệm, đoàn kết hợp tác trong lao động để nhân thêm sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

1.2.1.3. Đào tạo lao động hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu lực lượng lao động hợp lý sẽ cho phép sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động. Còn ngược lại, tất yếu sẽ gây lãng phí sức lao động, hơn nữa còn gây ra hiệu quả tiêu cực về kinh tế - xã hội.

1.2.2. Ý nghĩa của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.2.2.1. Ý nghĩa về phát triển kinh tế

Để đạt được mục tiêu đến năm 2020 nước ta còn khoảng 30% lao động làm nông nghiệp, còn lại phải chuyển sang ngành nghề phi nông nghiệp, không còn con đường nào khác là chúng ta là chúng ta phải đào tạo nghề cho LĐNT.

Đào tạo nghề cho LĐNT là việc làm thiết thực góp phần giải quyết công ăn việc làm cho số LĐNT nhàn rỗi do không có nghề; một số do không thi vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp hoặc do thi trượt, hoàn cảnh không thể có khả năng thi tiếp; một số khác là bộ đội xuất ngũ trở về địa phương, nông dân bị thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp. Đối với những LĐNT, người có trình độ văn hóa thấp thì học nghề là biện pháp duy nhất để nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng, tay nghề cho người lao động vì họ không thể đáp ứng được các yêu cầu của giáo dục chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, đào tạo nghề cho LĐNT sẽ huy động được tối đa lực lượng lao động của xã hội và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển lực lượng lao động thông qua đào tạo sẽ phát huy được năng lực, sở trường của từng người lao động và nhờ vậy hiệu quả kinh tế của sản xuất kinh doanh ngày một nâng cao.

Không những thế đào tạo nghề cho LĐNT sẽ khai thác tốt hơn các nguồn lực. Đó là khai thác các nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên, vốn, khoa học công nghệ, làm cho kinh tế nông thôn hoạt động có hiệu quả hơn.

Khoảng trên 90% hộ nghèo của cả nước sinh sống ở các khu vực nông thôn, vì vậy đào tạo nghề cho LĐNT quyết định sự thành công của các chương trình xóa đói, giảm nghèo.

Đào tạo nghề cho LĐNT đáp ứng được những đòi hỏi về kỹ năng, công nghệ về quản lý trong thời đại bước sang nền kinh tế tri thức; đáp ứng được nhu cầu hội nhập được kinh tế thế giới và toàn cầu hóa nền kinh tế và góp phần quan trọng vào quá trình tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

1.2.2.2. Ý nghĩa về chính trị - xã hội

Đào tạo nghề cho LĐNT góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” của Đảng và Nhà nước ta. Dân muốn giàu, trước hết phải có đầy đủ việc làm, sau đó là chất lượng việc làm ngày càng một nâng cao, thu nhập của người lao động ngày càng tăng.

Đào tạo nghề cho LĐNT góp phần nâng cao trí tuệ, chất lượng lực lượng lao động, làm giảm các tội phạm về tệ nạn xã hội.

1.3. Đặc điểm của đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.3.1. Một số đặc điểm của lao động nông thôn

Do lao động nông thôn sống chủ yếu tham gia sản xuất trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và do tính chất riêng của ngành nông nghiệp nên chúng tôi đưa ra một số đặc điểm của người lao động nông thôn như sau:

Một là, LĐNT có tính thời vụ, có thời kỳ căng thẳng, có thời kỳ nhàn rỗi. Điều này ảnh hưởng đến nhu cầu trong từng thời kỳ; đời sống sản xuất và thu nhập của lao động nông nghiệp.

Hai là, do tính chất công việc trong sản xuất nông nghiệp mà hình thành nên tâm lý hay thói quen làm việc một cách không liên tục, thiếu sáng tạo của LĐNT.

Ba là, LĐNT nước ta vẫn còn mang nặng tư tưởng và tâm lý tiểu nông, sản xuất nhỏ, ngại thay đổi nên thường bảo thủ và thiếu năng động.

Bốn là, LĐNT có kết cấu phức tạp không đồng nhất và có trình độ rất khác nhau. Hoạt động sản xuất nông nghiệp được tham gia bởi nhiều người ở nhiều độ tuổi khác nhau trong đó có cả những người ở ngoài độ tuổi lao động.

Năm là, thu nhập của người LĐNT còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, đặc biệt là tại vùng ven biển, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số.

Sáu là, trình độ của LĐNT thấp khả năng tổ chức sản xuất kém, ngay thực tế cả những người trong độ tuổi lao động thì trình độ vẫn thấp hơn so với lao động trong các ngành kinh tế khác.

1.3.2. Một số đặc điểm của hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Từ đặc điểm của LĐNT kết hợp với những đặc điểm của hoạt động đào tạo nghề nói chung chúng tôi xin đưa ra đặc điểm của hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT như sau:

1.3.2.1. Về nguồn lực: Ngân sách Nhà nước bố trí cho dạy nghề nói chung và dạy nghề cho LĐNT nói riêng chưa tương xứng với nhu cầu học nghề của người lao động cũng như yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề của các cơ sở đào tạo; Mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, số lượng cơ sở dạy nghề rất ít, quy mô dạy nghề nhỏ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu.

1.3.2.2. Về đối tượng: Đối với Quyết định 1956/QĐ-TTg thì lao động nông thôn là những người từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

- + Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã;
- + Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

Trong các đối tượng nêu trên, ưu tiên đào tạo nghề cho người lao động thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân.

- + Cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, chính quyền và công chức chuyên môn xã; cán bộ nguồn bổ sung thay thế cho cán bộ, công chức xã

đến tuổi nghỉ công tác hoặc thiếu hụt do cơ học có độ tuổi phù hợp với quy hoạch cán bộ đến năm 2015 và đến năm 2020.

1.3.2.3. Về hình thức: Đào tạo nghề cho LĐNT được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như dạy tại Trường trung cấp nghề; dạy nghề theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, công ty; dạy nghề lưu động tại các phường, xã; dạy nghề tại các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; ...

1.3.2.4. Về phương pháp: Cần đa dạng hóa và phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng miền, từng ngành nghề cho phù hợp, như: Đào tạo tập trung tại trường đối với người LĐNT chuyển đổi nghề nghiệp; đào tạo nghề lưu động cho nông dân làm nông nghiệp tại các phường, xã; dạy nghề tại cơ sở sản xuất, nơi người lao động làm việc.

1.4. Nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.4.1. Xác định nhu cầu đào tạo

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường cũng như đảm bảo hiệu quả sau đào tạo nghề trong công việc giải quyết việc làm và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn, cần thiết phải xác định được nhu cầu đào tạo.

Xác định nhu cầu đào tạo là quá trình thu thập và phân tích thông tin, làm rõ khoảng cách giữa kiến thức và kỹ năng lao động hiện có so với mục tiêu cần đạt tới.

Để xác định được nhu cầu đào tạo, một biện pháp thường được sử dụng là điều tra khảo sát trên các đối tượng có liên quan. Cụ thể cần phải khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn, nhu cầu học nghề của người học nghề, của người lao động tại địa phương.

Bên cạnh đó, cũng cần quan tâm đến những yếu tố khác có ảnh hưởng đến nhu cầu đào tạo như:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Xu thế phát triển của thị trường lao động địa phương, các ngành nghề có tiềm năng phát triển của địa phương.

- Thế mạnh của địa phương về một ngành nghề, hay một sản phẩm đặc trưng so với địa phương khác.

- Các ngành nghề hiện có của địa phương.

Nhìn chung, việc xác định nhu cầu đào tạo là một công tác cần thiết để địa phương cũng như cơ sở đào tạo nghề định hướng nghề nghiệp cho người lao động. Đồng thời, cũng là những thông tin cần thiết về nhu cầu học nghề của lao động địa phương về ngành nghề đào tạo, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, ... để lập kế hoạch đào tạo phù hợp.

1.4.2. Xây dựng kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo

Xây dựng kế hoạch đào tạo là quá trình xác lập mục tiêu và quyết định những biện pháp để thực hiện mục tiêu đó. Dựa trên nhu cầu đào tạo nghề, cần xác định mục tiêu đào tạo nghề và các yếu tố cần thiết để đảm bảo người lao động sau khi được đào tạo sẽ đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Những yếu tố đảm bảo được vấn đề trên chính là số lượng đào tạo, ngành nghề đào tạo, đối tượng đào tạo, thời gian đào tạo và trình độ đào tạo của người lao động.

- Kế hoạch vĩ mô: Là loại kế hoạch mang tính định hướng, tổng quát. Loại kế hoạch này thường do cơ quan quản lý nhà nước tiến hành xây dựng, các cơ quan lý nhà nước xây dựng kế hoạch đào tạo dựa vào mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch, khả năng đầu tư của ngân sách trong từng thời kỳ thực hiện, từ đó đưa ra những chỉ đạo phù hợp cho các cơ sở đào tạo lập kế hoạch đào tạo cụ thể.

- Kế hoạch vi mô: Là loại kế hoạch mang tính cụ thể, chi tiết. Loại kế hoạch này thường do các cơ sở đào tạo lên kế hoạch để thực hiện.

Cơ sở đào tạo dựa trên các yếu tố về nhu cầu đào tạo đã khảo sát, cùng với các điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên để lập kế hoạch chi tiết về tính khả thi của từng lớp học.

1.4.3. Tổ chức đào tạo, lựa chọn hình thức đào tạo

Sau khi đã xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức chương trình đào tạo, bộ phận phụ trách đào tạo thực hiện việc tổ chức các lớp đào tạo bằng nhiều hình thức, phương pháp đào tạo phù hợp với từng đối tượng. Một số hình thức đào tạo phổ biến:

- Đào tạo tại các trung tâm, cơ sở dạy nghề.
- Kèm cặp trong sản xuất.
- Đào tạo tại doanh nghiệp.

Có thể có nhiều mô hình tổ chức dạy nghề khác nhau. Trong quá trình thực hiện cần có sự đánh giá kết quả để điều chỉnh và nhân rộng những mô hình có hiệu quả.

1.4.4. Quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá công tác đào tạo

Quản lý hoạt động đào tạo là quá trình theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động đào tạo. Kết quả đào tạo phản ánh kiến thức, kỹ năng, thái độ học viên, lĩnh hội được sau đào tạo, kết quả này có đáp ứng được mục tiêu đào tạo và yêu cầu của thực tiễn sản xuất hay không? Việc điều tra khảo sát mức độ hài lòng của người học về chương trình đào tạo, về công tác tổ chức đào tạo và tỷ lệ học viên sử dụng nghề sau đào tạo, khả năng tạo việc làm sau đào tạo của người học có thể làm sáng tỏ câu hỏi trên.

Đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo có ý nghĩa quan trọng trong đào tạo nghề cho LĐNT. Thông qua đó sẽ rút ra được những ưu điểm và hạn chế của chương trình cũng như hình thức đào tạo để từ đó có kinh nghiệm nâng cao hiệu quả cho các chương trình đào tạo lần sau.

**** Các yêu cầu và tiêu chí đánh giá đối với chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT:***

Vấn đề cấp bách hiện nay là khẩn trương bồi dưỡng về mọi mặt, số lao động chưa qua đào tạo đầy đủ tăng nhanh về quy mô với chất lượng cao. Công tác đào tạo nghề cho LĐNT phải đạt được một số yêu cầu sau:

Một là, công tác chỉ đạo và lập kế hoạch phải sát với thực tế, phù hợp với đặc điểm của đối tượng là LĐNT, cụ thể là kết quả công tác xác định nghề đào tạo và nhu cầu đào tạo.

Hai là, đào tạo phải chú trọng tính hiệu quả, dạy thật học thật, người lao động phải tiếp thu được kiến thức và kỹ năng sau khi được đào tạo.

Ba là, kết quả đào tạo phải hướng tới các mục tiêu của đào tạo nghề cho LĐNT, đào tạo phải gắn với bố trí việc làm.

Để đánh giá công tác đào tạo nghề cho LĐNT có đạt được những yêu cầu trên không, có thể dựa vào một số tiêu chí sau:

- Số lượng học viên đã được đào tạo so với số lượng trên kế hoạch của thành phố.
- Số lượng người lao động có việc làm sau quá trình đào tạo.
- Tiêu chí về năng lực của học viên sau khi được đào tạo.

Để đánh giá được các tiêu chí trên thì cần có sự tham gia đánh giá của giáo viên, của bản thân người học nghề và của những đơn vị nhận lao động sau khi được đào tạo. Những tiêu chí kể trên có thể đánh giá tương đối chính xác chất lượng đào tạo về kỹ năng của người lao động.

1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Chất lượng đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho LĐNT nói riêng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Nhưng xem xét trên nhiều khía cạnh khác nhau thì chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn chịu ảnh hưởng chính của một số yếu tố sau đây:

1.5.1. Các chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề

Đào tạo nghề có chi phí đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn chậm, vì vậy muốn đào tạo nghề phát triển thì Nhà nước phải có các chính sách đầu tư; đồng thời phải ban hành hệ thống văn bản tạo hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích đào tạo nghề phát triển.

Kể từ khi Luật dạy nghề ra đời năm 2006, các chính sách mới liên quan về đào tạo nghề cho người lao động được ban hành, phù hợp với thực tế đào tạo nghề như việc ban hành các chính sách đầu tư cho dạy nghề: Dự án nâng cao năng lực

đào tạo nghề thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo, trong đó có hợp phần đào tạo nghề cho LĐNT; Đề án phát triển đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020; Chính sách đối với người học nghề (miễn giảm học phí, cử tuyển, giới thiệu việc làm, ...); Chính sách đối với cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Chính sách đối với giáo viên, giảng viên tham gia đào tạo nghề và cán bộ quản lý dạy nghề; Chính sách đối với doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, nhận lao động sau khi được đào tạo nghề.

Nhà nước quản lý dạy nghề thông qua hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật như: Quy định về thành lập, đăng ký hoạt động dạy nghề, quy chế hoạt động của trường dạy nghề; chương trình khung; mã nghề; quy định liên thông các trình độ tay nghề; kiểm định chất lượng đào tạo nghề. Đó là những chính sách quan trọng giúp phát triển đào tạo nghề.

1.5.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề

Hệ thống cơ sở vật chất (CSVC) là điều kiện rất cần thiết cho hoạt động dạy nghề. Dạy nghề là dạy và rèn kỹ năng lao động, vì vậy dạy nghề cần có hệ thống CSVC đồng bộ, nhất là các trang thiết bị phục vụ cho dạy nghề và rèn nghề. Vì vậy, xây dựng CSVC phục vụ cho ĐTN có vai trò hết sức quan trọng. Vai trò này chủ yếu thuộc về Tổng cục dạy nghề với tư cách là đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dạy nghề, các bộ ngành, các địa phương có liên quan trong chức năng chủ quản của một số cơ sở ĐTN cho LĐNT thuộc ngành và địa phương.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề bao gồm: Phòng học, xưởng thực hành cơ bản và thực tập sản xuất, thư viện, học liệu, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập... Đây là yếu tố hết sức quan trọng, nó tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo nghề, ứng với mỗi nghề dù đơn giản hay phức tạp cũng cần phải có các máy móc, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho giảng dạy và học tập. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị nghề càng tốt, càng hiện đại bao nhiêu, theo sát với máy móc phục vụ cho sản xuất bao nhiêu thì người học viên có thể thích ứng, vận dụng nhanh chóng với sản xuất trong doanh nghiệp bấy nhiêu. Chất lượng của

cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề đòi hỏi phải theo kịp tốc độ đổi mới hiện đại hóa của máy móc, thiết bị sản xuất.

1.5.3. Chương trình, giáo trình liên quan đến đào tạo nghề

Wentling (1993) cho rằng: “*Chương trình đào tạo là một bảng thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo, đó có thể là một khóa học kéo dài vài giờ, một ngày, một tuần, hoặc một vài năm. Bảng thiết kế tổng thể đó cho biết toàn bộ nội dung cần đào tạo, chỉ rõ những gì có thể trông đợi ở người học sau khóa học, nó phác họa ra quy trình cần thiết để thực hiện nội dung đào tạo, nó cũng cho biết các phương pháp đào tạo các cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và tất cả những cái đó được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ*”.

Các chương trình ĐTN là cơ sở để các cơ sở ĐTN thực hiện các hoạt động ĐTN. Các chương trình phải rất cụ thể theo từng nghề và nhóm nghề. Các chương trình hướng đến 02 mục tiêu là trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng nghề một cách cụ thể. Để xây dựng chương trình ĐTN, các cơ sở ĐTN phải xác định được hệ thống ngành nghề cơ sở sẽ tham gia đào tạo. Từ đó xác định nhu cầu đào tạo, đây chính là sự kết hợp giữa các địa phương với các cơ sở đào tạo trên địa bàn theo mức độ ảnh hưởng của các cơ sở đào tạo. Việc xây dựng chương trình đào tạo thuộc về chức năng của các trường dưới sự chỉ đạo, giám sát và phê duyệt của các cơ quan quản lý nhà nước.

Để có chương trình đào tạo có chất lượng, nhà nước có thể tổ chức xây dựng các chương trình chuẩn theo từng cấp đào tạo nghề, có phần để từng cơ sở ĐTN bổ sung, lựa chọn cho phù hợp với điều kiện từng cơ sở và yêu cầu sử dụng lao động của từng vùng, miền.

Tuy nhiên, chương trình ĐTN cho LĐNT so với chương trình ĐTN nói chung, cần cụ thể và dễ hiểu hơn. Thậm chí ĐTN cho LĐNT vùng sâu, vùng xa, cho đồng bào dân tộc thiểu số cần theo phương thức cầm tay, chỉ việc, hết sức cụ thể, không tách rời mà gắn lý thuyết với thực hành theo từng kỹ năng nghề. Thời gian tổ chức các lớp dạy nghề thường ngắn hạn, vào những thời điểm thích hợp, thường là những lúc nông nhàn.

Việc nghiên cứu, xây dựng các chương trình, giáo trình sao cho hợp lý và sát với nhu cầu đào tạo cũng như sát với nghề đào tạo để học viên có thể nắm vững được nghề sau khi tốt nghiệp là vấn đề rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng đào tạo nghề.

1.5.4. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề

Chất lượng của một nền giáo dục phụ thuộc trước hết vào chất lượng của những người thầy, cô giáo và thành công của các cuộc cải cách giáo dục luôn phụ thuộc vào ý chí muốn thay đổi của người giáo viên. Ray Roy Singh (Ấn Độ) khẳng định rằng: *“Không một hệ thống giáo dục nào có thể vươn cao quá tầm những giáo viên làm việc cho nó”*. Ở đâu có người thầy giỏi ở đó sẽ có những người trò giỏi. Đội ngũ giáo viên là yếu tố cơ bản có tính chất quyết định, tác động trực tiếp lên chất lượng đào tạo: là người giữ trọng trách truyền đạt kiến thức kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm cho các học viên trên cơ sở thiết bị dạy học.

Đào tạo nghề có những nét khác biệt so với các cấp học khác trong nền giáo dục quốc dân, đó là ngành nghề đào tạo rất đa dạng, yêu cầu kỹ thuật cao, thường xuyên phải cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề để phù hợp với tiến bộ KH-KT; học viên vào học nghề có rất nhiều cấp trình độ văn hóa, độ tuổi khác nhau. Sự khác biệt đó làm cho đội ngũ giáo viên dạy nghề cũng rất đa dạng với nhiều trình độ khác nhau.

Đội ngũ cán bộ ĐTN bao gồm các cán bộ quản lý ở cơ sở ĐTN và đội ngũ giáo viên dạy nghề. Đối với đội ngũ giáo viên dạy nghề, đây là những cái máy, trực tiếp truyền đạt các kiến thức cơ bản về nghề; đồng thời là những người hướng dẫn nghề và rèn luyện tay nghề. Vì vậy, đội ngũ giáo viên dạy nghề là những người phải nắm vững lý thuyết và rất giỏi về thực hành. Để có được đội ngũ giáo viên dạy nghề đáp ứng yêu cầu, các cơ sở dạy nghề phải có chế độ tuyển dụng những người đủ tiêu chuẩn về chuyên môn (có nền tảng lý thuyết vững và trình độ tay nghề giỏi), đặc biệt là có lòng yêu nghề. Không những thế, các cơ sở ĐTN cần có chế độ thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và có chính sách sử dụng

đội ngũ giáo viên theo hướng khuyến khích, tạo sự yên tâm với nghề, nhất là ở những nơi có sự cạnh tranh cao giữa các CSDN.

Một nguồn nhân lực khác cũng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề đó là đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề. Chất lượng cán bộ quản lý có ảnh hưởng rất lớn đến đào tạo nghề, thể hiện qua khả năng tổ chức, quản lý, điều phối, quá trình đào tạo; định hướng, tìm kiếm cơ hội hợp tác, liên kết đào tạo...

Vì vậy, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề phải có đủ cả về số lượng và chất lượng thì mới có thể tận tình hướng dẫn, theo sát học viên và đặc biệt là đội ngũ giáo viên phải có chất lượng thì mới có thể giảng dạy và truyền đạt cho các học viên học nghề, quản lý dạy nghề một cách hiệu quả.

1.5.5. Nguồn tài chính đầu tư cho công tác đào tạo nghề

Nguồn tài chính đầu tư công tác đào tạo nghề có vị trí hết sức quan trọng, có tính chất quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở đào tạo nghề. Tài chính bao gồm các khoản chi cho việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chi phí công tác quản lý, tiền lương và các hoạt động khác của các cơ sở dạy nghề. Có thể thấy được đào tạo nghề là hình thức đào tạo tốn kém nên rất cần sự đầu tư đúng mức của chính phủ và hỗ trợ kinh phí từ các nguồn khác.

1.5.6. Nhận thức của người học và xã hội về đào tạo nghề

Học viên học nghề là nhân tố trung tâm, có tính chất quyết định đối với công tác đào tạo nghề, nó ảnh hưởng toàn diện tới công tác đào tạo nghề. Trình độ văn hóa, sự hiểu biết, tâm lý, cá tính, khả năng tài chính, quỹ thời gian,... của bản thân người học viên đều có ảnh hưởng sâu sắc tới quy mô và chất lượng đào tạo nghề.

Nhận thức của xã hội về đào tạo nghề tác động mạnh đến công tác đào tạo nghề, ảnh hưởng rõ rệt nhất của nó là tới lượng học viên đầu vào cho các cơ sở dạy nghề. Thực tế công tác đào tạo nghề hiện nay chưa được xã hội nhận thức đầy đủ và đúng đắn. Thứ nhất, vì những hạn chế, những rào cản của đào tạo nghề. Thứ hai, do tâm lý ưa chuộng khoa bảng, bằng cấp của gia đình, người học nghề và xã hội. Không ít các gia đình coi việc vào đại học như là con đường duy nhất để tiến thân, kiếm được việc nhàn hạ.

Nếu mọi người lao động trong xã hội đánh giá được đúng đắn hơn tầm quan trọng của việc học nghề thì lượng lao động tham gia học nghề sẽ chiếm một tỷ lệ lớn hơn so với toàn bộ số lao động trên thị trường và sẽ có cơ cấu trẻ hơn, đa dạng hơn. Hơn nữa, nếu người lao động nhận thức được rằng giới nghề là một phẩm chất quý giá của mình, là cơ sở vững chắc để có việc làm và thu nhập ổn định thì công tác đào tạo nghề sẽ nhận được thêm nhiều nguồn lực hỗ trợ cần thiết từ xã hội.

1.6. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở một số địa phương nước ta trong thời gian qua

1.6.1 Kinh nghiệm của thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

Thị xã Tân Châu - tỉnh An Giang hiện có gần 113.407 người trong độ tuổi lao động, trong đó lao động thành thị 42.237 người chiếm 37,25%; LĐNT 71.170 người chiếm 62,75%. Trước tình hình đó Thị ủy nhiệm kỳ 2016 - 2020 đã đề ra nhiệm vụ trong 5 năm tới thị xã Tân Châu từng bước gắn công tác tư vấn giới thiệu việc làm với đào tạo nghề, nâng cao chất lượng lao động; số lao động qua đào tạo năm 2018 chiếm tỷ lệ 51,05% so với năm 2015 chỉ đạt 45,22%; tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, chú trọng đào tạo nghề cho người lao động phù hợp với nhu cầu xã hội. Do vậy để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho LĐNT, đòi hỏi các cấp các ngành trong toàn thị xã phải có nhiều chương trình, kế hoạch thực hiện nghiêm túc, thực tế, khách quan; có đề ra chỉ tiêu cụ thể, đồng thời phải có sơ kết, tổng kết, kịp thời rút ra kinh nghiệm để thực hiện công tác đào tạo nghề ở địa phương, đơn vị ngày càng hiệu quả, chất lượng.

Với sự quan tâm của cấp ủy, sự chỉ đạo quyết liệt và sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên, ... công tác đào tạo nghề cho lao động ở thị xã đã từng bước được triển khai đồng bộ, đúng hướng, mạng lưới dạy nghề phát triển và đạt được kết quả bước đầu, đã lan tỏa tới từng khóm, ấp, từng khu dân cư, đến mọi đối tượng lao động chưa có công ăn việc làm.

Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 01 trường trung cấp nghề, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên và 14 trung tâm học tập cộng đồng ở 14 xã, phường. Hằng năm,

số lượng học viên theo học ở các trường và trung tâm tham gia các lớp trung cấp, sơ cấp và bồi dưỡng ngắn hạn. Công tác đào tạo nghề cho LĐNT ở thị xã được triển khai theo hướng đa dạng các loại hình đào tạo nghề. Dạy nghề tại cộng đồng theo nhu cầu lao động, dạy nghề theo địa chỉ, liên kết với một số trường dạy nghề. Các chương trình đào tạo được biên soạn nội dung theo đúng quy định của Tổng cục dạy nghề và Bộ LĐ TB và XH, đáp ứng nhu cầu người học. Qua đó, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động, đồng thời giải quyết việc làm ngay cho một số học sinh vừa tốt nghiệp THPT, các lao động là chủ hộ, chủ cơ sở, người lao động ở nông thôn.

Một trong những hướng đào tạo của trường trong thời gian qua, cũng như trong năm 2018 đã và đang phát huy hiệu quả, đó là: Trường phối hợp các đoàn thể tổ chức các buổi thông tin tư vấn về dạy nghề và giải quyết việc làm đến tận xã, phường. Có nơi lồng ghép với các phong trào, kế hoạch vận động gia đình văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự xã hội, xây dựng nông thôn mới, phòng chống tệ nạn xã hội,... tuyên truyền vận động nhân dân từng bước nâng cao nhận thức về học nghề, gắn với tạo việc làm và giảm nghèo. Những lớp dạy nghề ngắn hạn phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của từng nhóm đối tượng, từng địa phương, giúp người dân ngày càng nâng cao kiến thức trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của mình như: Ương cá tra giống, nuôi lươn, nuôi cá tra thịt, cá lóc; trồng nấm các loại, hoa kiểng, làm vườn. Hoặc các nhóm nghề phi nông nghiệp: Lái xe hạng B2, may công nghiệp, xây dựng, điện dân dụng, đan ghế giả mây xuất khẩu, kỹ thuật phục vụ quán ăn nông thôn, kỹ thuật phục vụ nhà hàng, khách sạn, bảo mẫu, quản gia, ...

Thực tế cho thấy, người lao động sau khi học nghề năng suất và hiệu quả sản xuất tăng lên rõ rệt, đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh tại chỗ, cũng như yêu cầu sử dụng lao động của một số DN trong và ngoài thị xã. Năm 2018, toàn thị xã đã tổ chức dạy nghề cho 780 lao động; giải quyết việc làm cho 5.130 lao động, trong đó lao động ngoài tỉnh 54 người, có 02 lao động đi làm việc nước ngoài, giải quyết việc làm mới cho 95 lao động.

1.6.2. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Trị

Thực hiện các nghị quyết của Trung ương, ngay từ rất sớm, Tỉnh ủy tỉnh Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/4/2007 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2007-2015. Cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp tỉnh Quảng Trị đã tập trung tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác đào tạo nghề cho người lao động, đặc biệt là LĐNT nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người lao động, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn” phù hợp với tình hình của mỗi địa phương trong tỉnh; bổ sung nội dung công tác đào tạo nghề cho LĐNT vào định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và các năm tiếp theo của địa phương. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề cho LĐNT nên tỉnh Quảng Trị không ngừng tăng cường và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về dạy nghề trên địa bàn tỉnh; có kế hoạch sử dụng hiệu quả các trang thiết bị dạy nghề được đầu tư tại các trung tâm dạy nghề ở các huyện, thị xã, thành phố, bên cạnh đó có những hướng dẫn, hỗ trợ và có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy nghề và triển khai dạy nghề cho LĐNT theo hình thức đặt hàng dạy nghề qua hợp đồng giữa các bên có liên quan theo hướng xã hội hóa; thực hiện có hiệu quả chính sách đào tạo nghề cho LĐNT nhằm thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu xây dựng mô hình dạy nghề phù hợp cho LĐNT tại các địa phương trong tỉnh, sau đó tổ chức nhân rộng.

Từ những chỉ đạo và quan tâm sát sao trong công tác đào tạo nghề, tỉnh Quảng Trị đã thu được những kết quả đáng được khích lệ trong công tác đào tạo nghề tại địa phương:

+ Các trung tâm dạy nghề ở các huyện, thị xã, thành phố được đầu tư đáng kể về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề, tăng cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng một phần yêu cầu đào tạo nghề cho người lao động, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Toàn tỉnh có 24 cơ sở là trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề, các DN và các cơ sở giáo dục đào tạo tham gia hoạt động dạy nghề; hàng năm đào tạo trên 7.000 lao động, góp phần nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng từ 13% năm 2005 lên 24,42% năm 2010, bình quân tăng 2,28%/năm, bổ sung nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn và xuất khẩu lao động.

1.6.3. Kinh nghiệm của tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Đề án 1956 của Thủ tướng Chính phủ, Thanh Hóa đã sớm thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh, xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, lựa chọn huyện triển khai thí điểm, chỉ đạo việc tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của LĐNT, xử lý cung, cầu lao động và dạy nghề.

Đến nay, 27/27 huyện, thị xã, thành phố đã và đang tích cực triển khai thực hiện đề án của tỉnh. Trong đó có 4 mô hình dạy nghề hiệu quả có thể nhân rộng, đó là: mô hình dạy nghề kỹ thuật sản xuất lúa F1 tại huyện Yên Định, kỹ thuật trồng lúa cao sản tại xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân; mô hình dạy nghề thêu ren - đính cườm tại xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân; mô hình dạy nghề dệt chiếu cải tại Khu làng nghề thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn; mô hình dạy nghề mây giang xiên tại xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa.

Theo đánh giá, sau khi được triển khai, các mô hình này đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn, thu nhập của người nông dân được nâng lên rõ rệt, bình quân người lao động thu nhập từ 40.000 đồng đến 90.000 đồng/người/ngày. Thanh Hóa là 1 trong 2 tỉnh thực hiện thí điểm dạy nghề cho LĐNT theo hình thức cấp thẻ học nghề nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ dự án. Tính đến cuối năm toàn tỉnh đã có 54.680 LĐNT được hỗ trợ dạy nghề theo Quyết định 1956, trong đó tổ chức được 591 lớp đào tạo nghề cho 16.849 LĐNT theo đề án của tỉnh.

1.6.4. Bài học kinh nghiệm

Từ kết quả đào tạo nghề tại một số địa phương trên ta có thể đưa ra được một số những vấn đề cần thực hiện khi triển khai công tác đào nghề và nâng cao chất lượng người lao động trong thời gian tới

Một là: Cần thực hiện theo sát đề án mà các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương đã đề, đồng thời phải có các chính sách phát triển công tác đào tạo nghề phù hợp với thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Hai là: Tăng cường công tác tuyên truyền sâu, rộng hơn nữa về công tác đào tạo nghề cho người lao động đến toàn thể lực lượng lao động của địa phương.

Ba là: Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở, trang thiết bị dạy nghề, cũng như tăng cường nâng cao năng lực của cán bộ, giáo viên tham gia công tác đào tạo nghề.

Bốn là: Tập trung đào tạo nghề theo nhu cầu của người học và nhu cầu của các doanh nghiệp, đồng thời cần xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo nghề với các doanh nghiệp sử dụng lao động.

Năm là: Cần có chính sách tạo việc làm cho người lao động sau khi tham gia học nghề.

1.7. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số nước Châu Á

Nhiều nước ở khu vực Châu Á đã nỗ lực đầu tư cho đào tạo nghề, đây là một trong những bí quyết thành công về phát triển kinh tế thần kỳ của các quốc gia này.

1.7.1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hàn Quốc nằm trên bán đảo Triều Tiên, một nước từng bị đô hộ từ cuối thế kỷ 19, xuất phát điểm là một trong những quốc gia nghèo đói. Cuối thập kỷ 60, GDP bình quân đầu người chỉ có 85 USD, phần lớn người dân không đủ ăn, 80% người dân nông thôn vẫn không có điện thắp sáng và phải dùng đèn dầu, ở trong những căn nhà lợp bằng lá. Lúc ấy, nền kinh tế của Hàn Quốc phải dựa vào nông nghiệp trong khi khắp đất nước, lũ lụt và hạn hán lại xảy ra thường xuyên. Nhưng hiện nay Hàn Quốc đã trở thành một quốc gia có nền kinh tế hùng hậu đứng thứ 11 trên thế giới với thu nhập bình quân đầu người đạt 20.600 USD/người (*số liệu thống*

kê năm 2010). Bí quyết thành công của Hàn Quốc là dựa vào phát triển nguồn nhân lực trong một nước nghèo tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế. Giáo dục là nhân tố chủ yếu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chính sách về giáo dục luôn được xây dựng phù hợp với đòi hỏi của nền kinh tế. Chính phủ Hàn Quốc đưa ra một chiến lược tham gia toàn diện vào quá trình toàn cầu hóa vào giữa thập kỷ 1990, mà quan trọng là hệ thống giáo dục phải được cải thiện triệt để, để đào tạo một số lượng đủ những công dân trẻ, sáng tạo và dám làm, những nhà lãnh đạo tương lai của đất nước. Phong trào Saemaul là phong trào phát triển nông thôn mới của Hàn Quốc trong đó có chương trình đào tạo nguồn nhân lực mà Hàn Quốc thực hiện đã thành công rất lớn trong công tác đào tạo, hỗ trợ cho người lao động cụ thể: Chính phủ Hàn quốc đóng vai trò cốt yếu trong việc phát triển hạ tầng và tăng cường các cơ sở đào tạo nghề nông, đưa tiến bộ KHKT, các loại giống mới như nấm, cây thuốc lá... vào sản xuất. Các làng xã và xí nghiệp đều được trang bị thư viện Saemaul và các phương tiện vui chơi giải trí khác. Đặc biệt, thư viện ở nông thôn đều có sách về các phương pháp canh tác mới. Đây là bước đột phá lớn ở nông thôn và là nguyên nhân chính gia tăng thu nhập. Năm 1974, sản lượng lúa tăng đến mức độ có thể tự cấp tự túc. Phổ biến kiến thức nông nghiệp đã tạo nên một cuộc cách mạng trong phương pháp canh tác. Nuôi lợn, bò, gà cũng đem lại lợi nhuận đáng kể. Các làng chài cũng chuyển từ đánh bắt sang nuôi trồng thủy sản. Tập quán trồng lúa và lúa mạch xưa kia đã được thay thế triệt để bằng các phương pháp canh tác tổng hợp; tăng cường năng lực lãnh đạo của địa phương bằng cách thành lập Học viện Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo Saemaul. Mỗi xã được phép cử một cán bộ đi học. Khóa học bồi dưỡng lãnh đạo nhấn mạnh vào sự cống hiến quên mình và nêu gương cho quần chúng. Họ học trong một lán trại chung, do đó hiểu được cách làm việc theo nhóm trên tinh thần hợp tác. Trong mỗi buổi thảo luận nhóm, các thành viên chia sẻ kinh nghiệm làm việc và do đó có thể học tập lẫn nhau bên cạnh sự hướng dẫn và trợ giúp của giáo viên. Chính những học viên này sẽ là những người lãnh đạo và hướng dẫn cho dân làng. Tại thời điểm bấy giờ, khi vai trò của phụ nữ còn chưa được coi trọng thì sự tham gia của một bộ phận nữ giới trong khóa học đã tạo ra sự khác biệt căn bản. Phụ nữ đứng ra gây quỹ cho địa phương, họ tiết kiệm

thực phẩm và tham gia vào phong trào giữ sạch đẹp làng xã. Ngoài ra, họ còn góp phần tích cực trong việc ngăn ngừa nạn rượu chè, cờ bạc. Số lượng các quán rượu bắt đầu giảm hẳn trong thời gian này. Phương pháp đào tạo cán bộ cho các dự án Saemaul đã có ảnh hưởng nhất định đến các chính trị gia, lãnh đạo các tôn giáo, giới báo chí và cả người nước ngoài. Những chính trị gia trước kia vẫn không mấy mặn mà lắm với phong trào Saemaul cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi phương pháp đào tạo Saemaul.

Bảng 1.1. Kết quả hoạt động đào tạo trong phong trào Saemaul Udong

Phân loại	Số lượng (lượt người)	Tổng số (lượt người)
Đào tạo lãnh đạo		272.000
Lãnh đạo nam	145.000	
Lãnh đạo nữ	127.000	
Đào tạo kỹ thuật		2.862.000
Xây dựng	30.000	
Lập kế hoạch gia đình	649.000	
Nông nghiệp	2.183.000	
Trồng cây		3.213.000
Trường học		470
Trường mùa hè	224	
Trường mùa đông	246	

(Nguồn SUCTI, 1999 trang 124)

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực sự là tiền đề để phong trào Saemaul phát triển trên khắp đất nước Hàn Quốc; cùng với việc đào tạo cho cán bộ thì Hàn Quốc cũng có các chính sách hỗ trợ cho người nông dân như chính sách miễn thuế xăng dầu, máy nông nghiệp, điện giá rẻ cho chế biến nông sản, cho nông dân thuê

máy nông nghiệp, giảm lãi suất tiền vay, ban hành đạo Luật “Các ngành phải trợ giúp nông nghiệp, nâng cao đời sống nông dân và ngư dân”.

Trong bản báo cáo của Chính phủ về giáo dục mang tên “Hình ảnh Hàn Quốc trong thế kỷ XXI” đã khẳng định: “Giáo dục và Đào tạo phải hướng tới mục tiêu bồi dưỡng tính sáng tạo, tinh thần kỷ luật tự giác, tính cạnh tranh, phát triển khả năng và nhân cách bảo vệ, phát huy sức mạnh, ý chí dân tộc, năng lực trí tuệ của người Hàn Quốc lên những trình độ cao nhất, đưa Hàn Quốc trở thành một quốc gia có vai trò chủ chốt trong các vấn đề của thế giới”. Trong những năm gần đây, tỷ lệ ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo ở Hàn Quốc luôn ở mức 18 - 20%. Hướng tới tương lai đó là mục tiêu của nền giáo dục Hàn Quốc hiện đại. Cùng với sự phát triển kinh tế, người Hàn Quốc đang cố gắng tạo ra những điều kiện tốt nhất có thể cho việc đào tạo thế hệ trẻ.

1.7.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc - từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1949, Giáo dục nghề nghiệp đã trải qua một quá trình điều chỉnh sửa đổi, cải cách, hoàn thiện và phát triển vững chắc. Từ khi Trung Quốc bước vào kỷ nguyên lịch sử mới của cải cách và mở cửa với thế giới bên ngoài vào năm 1978, giáo dục nghề nghiệp rất được coi trọng để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và hiện đại hoá đất nước. Năm 1991, Hội đồng Nhà nước đưa ra “Quyết định về phát triển nghề và giáo dục kỹ thuật một cách mạnh mẽ” xác định nhiệm vụ và mục tiêu để phát triển dạy nghề. “Đề cương về cải cách và phát triển giáo dục tại Trung Quốc” do Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản và Hội đồng Nhà nước đồng soạn thảo năm 1993 yêu cầu chính quyền địa phương các cấp nhận thức tầm quan trọng to lớn của Giáo dục nghề nghiệp, đề ra những kế hoạch tổng quát và phát triển giáo dục nghề nghiệp một cách mạnh mẽ nhằm động viên mọi sáng kiến của tất cả các ngành, xí nghiệp, cơ sở và mọi thành phần xã hội cung cấp dạy nghề dưới các hình thức và trình độ khác nhau. Năm 1996, “Luật dạy nghề” đầu tiên được chính thức thực hiện, đưa ra cơ sở pháp lý để bảo vệ phát triển và hoàn chỉnh dạy nghề. “Quyết định tăng cải cách giáo dục và quảng bá chất lượng giáo dục” của

Hội đồng Nhà nước năm 1999 nhấn mạnh hệ thống giáo dục áp dụng trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Ngoài ra, kinh phí cho giáo dục nghề nghiệp được bố trí thông qua nhiều nguồn khác nhau: phân phối ngân sách của chính phủ, quỹ tự lập của các xí nghiệp, quỹ tài trợ, tiền quyên góp, vốn vay không lãi, phí tự nguyện do học viên đóng góp... Nhà nước quy định bắt buộc dùng 1,5% số tiền phải trả cho công nhân trong xí nghiệp vào việc huấn luyện công nhân. Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào nói: “Nhân lực là nguồn lực chủ yếu của Trung Quốc và đất nước Trung Quốc phải biến dân số hùng mạnh của mình thành một nguồn lực lớn với nguồn nhân tài phong phú”.

Với chiến lược này Trung Quốc đã đạt những thành tựu đáng kể đó là:

- Triển khai nhanh chóng mô hình dạy nghề: trong 15 năm, từ năm 1986 đến năm 2001, tỉ lệ học sinh chính qui cấp 3, trong số học sinh trung học, giảm từ 81% xuống còn 54,7%, trong khi tỉ lệ học sinh trung học nghề tăng từ 19% lên 45,3%; các cơ sở dạy nghề cấp 2 đã cho tốt nghiệp 50 triệu học sinh, bồi dưỡng hàng triệu công nhân kỹ thuật, nhà quản lý và các lao động khác có trình độ cấp hai và sơ cấp với tay nghề và kỹ thuật cao;

- Có bước tiến lớn trong cấu trúc đội ngũ giáo viên dạy nghề, về cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy nghề nhiều dạng khác nhau với trình độ khu vực và quốc tế

- Tăng chất lượng dạy nghề

- Phát triển nhanh chóng dạy nghề tại vùng nông thôn

- Hợp tác và trao đổi quốc tế về dạy nghề được đẩy mạnh

Thành tựu sau những năm đổi mới, Trung Quốc đã có nền kinh tế phát triển nhanh chóng và bền vững, GDP trong năm 2010 là 6,04 ngàn tỉ USD, GDP tăng trưởng hàng năm với tỉ lệ bình quân 10,8%. Hiện Trung Quốc đã vươn lên vị trí thứ 2 trong top 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới.

1.7.3. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản từ một xã hội phong kiến tập quyền khép kín, kinh tế tiểu nông, công nghệ lạc hậu, tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn..., đã mở cửa ra thế giới bên

ngoài với những quyết sách cải cách mạnh mẽ của Minh trị Thiên hoàng (1872-1912) trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Với tư tưởng “Tinh thần Nhật Bản - Công nghệ phương Tây”, tiếp thu các giá trị văn minh của nhân loại, đất nước Nhật Bản đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt là trong phát triển kinh tế, Nhật Bản đã trở thành một nền kinh tế thị trường phát triển. Quy mô nền kinh tế hiện nay tính theo thước đo GDP với tỷ giá thị trường lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ, còn theo thước đo GDP ngang giá sức mua lớn thứ ba sau Mỹ và Trung Quốc. Trong chiến lược phát triển của mình Nhật Bản luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố quyết định tương lai của đất nước. Từ đầu thập niên 1980, Nhật Bản đã đề ra mục tiêu: đào tạo những thế hệ mới có tính năng động, sáng tạo, có kiến thức chuyên môn sâu, có khả năng suy nghĩ và làm việc độc lập, khả năng giao tiếp quốc tế để đáp ứng những đòi hỏi của thế giới, với sự tiến bộ không ngừng của khoa học và xu thế cạnh tranh - hợp tác toàn cầu. Luật Dạy nghề được ban hành năm 1958, được chỉnh sửa vào năm 1978, hướng vào thiết lập và duy trì hệ thống huấn luyện nghề nghiệp, bao gồm hệ thống “dạy nghề công” mang tính hướng nghiệp và “dạy nghề được cấp phép” là giáo dục và huấn luyện nghề cho từng nhóm công nhân trong hãng xưởng do các công ty đảm nhiệm và được chính quyền công nhận là dạy nghề. Các hình thức huấn luyện nghề gồm: “dạy nghề cơ bản” cho giới trẻ mới ra trường; “dạy tái phát triển khả năng nghề nghiệp” chủ yếu cho những công nhân không có việc làm; và “nâng cao tay nghề” cho công nhân đang làm việc trong các hãng xưởng. Những thay đổi về cấu trúc kinh tế - xã hội, sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học công nghệ đã tác động đến nhiều lĩnh vực và nội dung huấn luyện làm mở rộng khung dạy nghề truyền thống. Kết quả là đến năm 1985, Luật Dạy nghề được chỉnh sửa và đổi tên thành Luật Khuyến khích Phát triển Nguồn nhân lực và cụm từ “phát triển nguồn nhân lực” được dùng để chỉ quan niệm mới về dạy nghề. Hiện nay, Nhật Bản thực hiện phát triển nguồn nhân lực theo một hệ thống huấn luyện suốt đời.

1.7.4. Bài học kinh nghiệm

Qua tìm hiểu một số nước, ta thấy rằng Chính phủ các nước đều quan tâm đến việc xác định nhu cầu học nghề của người lao động trước khi đưa ra các quyết

sách cho việc dạy nghề, đặc biệt là công tác hoạch định chính sách đối với dạy nghề cho lực lượng LĐNT. Từ những thành quả đạt được của các nước chúng ta rút ra một số bài học kinh nghiệm cho công tác đào tạo nghề tại Việt Nam trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất: hình thức và nội dung đào tạo được xác định thông qua việc nghiên cứu nhu cầu học nghề kết hợp định hướng theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia.

Thứ hai: cần phân cấp rõ vai trò của việc quản lý đào tạo nghề theo ngành dọc, bảo đảm tính chủ động trong việc triển khai công tác dạy nghề gắn với nhu cầu người học đồng thời tạo việc làm cho người LĐNT sau khi ra trường.

Thứ ba: chương trình đào tạo nghề phát triển nguồn nhân lực có sự cân đối giữa số lượng dạy nghề với việc sử dụng lao động tạo ra sự cân đối cung - cầu trong đào tạo nghề.

Thứ tư: công tác đào tạo nghề cho LĐNT được triển khai trên các mặt hoạt động đồng thời theo các hướng đào tạo gồm: đào tạo chuyển dịch cơ cấu lao động đi đôi với quá trình CNH; có sự phân phối giữa đào tạo lý thuyết với thực hành tại nơi sử dụng lao động.

Những kinh nghiệm này cần được vận dụng linh hoạt ở Việt Nam trong quá trình phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhằm tạo ra nguồn nhân lực đạt trình độ cao có thể đáp ứng được sứ mạng CNH, HĐH đất nước.

Chương 2.

THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2018

2.1. Tổng quan về thành phố Châu Đốc

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý, địa hình

Châu Đốc là thành phố trực thuộc tỉnh An Giang, là đô thị loại hai, sát biên giới Việt Nam với Vương quốc Campuchia, với diện tích tự nhiên 105,23 km² nằm ở phía Tây Nam Tổ quốc, có chiều dài biên giới giáp với nước bạn Campuchia 15,4km; là vùng đồng bằng có núi; cách thành phố Long Xuyên 54km theo Quốc lộ 91.

Đông bắc tiếp giáp huyện An Phú;

Tây bắc giáp Campuchia;

Phía Đông giáp huyện Phú Tân và thị xã Tân Châu;

Phía Nam giáp huyện Châu Phú;

Phía Tây giáp huyện Tịnh Biên.

Dân cư thành phố Châu Đốc sinh sống tập trung ở khu vực ven sông Hậu, ven Quốc lộ 91, tại các phường trung tâm thành phố, tại các khu dân cư ... với cơ cấu dân số trẻ, dân cư đô thị chiếm gần 80%. Hiện nay, thành phố Châu Đốc có 07 phường, xã (05 phường: Phường Châu Phú A, phường Châu Phú B, phường Vĩnh Mỹ, phường Núi Sam, phường Vĩnh Ngươn và 02 xã nông thôn mới: Xã Vĩnh Châu, xã Vĩnh Tế) với 52 khóm, ấp (45 khóm và 07 ấp).

Bảng 2.1: Mật độ dân số năm 2018 (Phân theo xã - phường)

	Diện tích tự nhiên (km²)	Dân số trung bình năm 2018	Mật số dân số (người/km²)	Số hộ gia đình (hộ)	Đơn vị xóm, ấp
Toàn thành phố	105,23	111.731	1.062	28.920	52
Phường Châu Phú A	5,24	26.941	5.138	6.867	11
Phường Châu Phú B	11,54	28.826	2.498	7.633	14
Phường Vĩnh Mỹ	7,99	15.633	1.956	3.951	6
Phường Núi Sam	13,93	21.996	1.579	5.620	10
Phường Vĩnh Ngươn	9,43	7.446	790	1.936	4
Xã Vĩnh Tế	34,21	6.723	197	1.793	4
Xã Vĩnh Châu	22,89	4.166	182	1.120	3

(Nguồn: Chi Cục Thống kê thành phố Châu Đốc)

Châu Đốc có vị trí địa lý khá đặc biệt nằm ở ngã ba sông, nơi sông Hậu và sông Châu Đốc gặp nhau; giữa 3 cửa khẩu kinh tế sầm uất là: Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên - huyện Tịnh Biên, cửa khẩu quốc gia Khánh Bình - huyện An Phú và cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương - thị xã Tân Châu. Từ vị trí này, thành phố Châu Đốc được xem là cửa ngõ giao thương quan trọng của tỉnh An Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là nơi tập trung hàng hoá buôn bán với Vương quốc Campuchia qua cả hai đường thủy và đường bộ.

Thành phố Châu Đốc thuộc vùng đồng bằng của tỉnh An Giang do phù sa sông Hậu bồi đắp. Địa hình thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Ở trung tâm có Núi Sam đột khởi lên giữa đồng bằng tạo nên cảnh quan độc đáo. Phía đông có sông Châu Đốc và sông Hậu chảy theo chiều Bắc - Nam. Phía Tây có kênh Vĩnh Tế chạy song song với biên giới Campuchia, nối liền với thị xã Hà Tiên. Địa hình chia cắt bởi các kênh rạch ngang dọc. Với địa hình đa dạng, Châu Đốc có điều kiện phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp.

2.1.1.2. Thời tiết khí hậu

Thành phố Châu Đốc nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, mang những đặc tính chung của khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nóng ẩm quanh năm.

- Nhiệt độ:

+ Nhiệt độ bình quân hàng năm 25°C - 29°C .

+ Nhiệt độ cao nhất từ 36°C - 38°C .

+ Nhiệt độ thấp nhất hàng năm thường xuất hiện vào tháng 10, dưới 18°C .

- Khí hậu: Hàng năm chia làm 2 mùa rõ rệt.

+ Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 trùng với gió mùa Tây Nam.

+ Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau trùng với gió mùa Đông Bắc.

- Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1500mm.

Khí hậu, thời tiết thành phố Châu Đốc có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, thích nghi với các loại cây trồng; đặc biệt là cây lúa và cây màu. Thành phố ít chịu ảnh hưởng của gió bão nhưng chịu sự tác động mạnh của chế độ thủy văn gây nên hiện tượng ngập lụt, sạt lở đất bờ sông...

Theo đặc điểm thổ nhưỡng, Châu Đốc có 6 nhóm đất chính; trong đó nhóm phù sa ngọt và phù sa có phèn chiếm 72% diện tích tự nhiên. Phần lớn đất đai của Châu Đốc rất màu mỡ, có độ thích nghi để canh tác, phù hợp với nhiều loại cây lương thực, cây ăn trái, một số cây công nghiệp nhiệt đới và một phần diện tích có khả năng dành cho chăn nuôi. Trữ lượng nguồn nước của thành phố khá dồi dào, có thể khai thác và phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt.

Rừng ở Châu Đốc đa phần là rừng đồi núi với diện tích 210ha, tập trung chủ yếu ở Núi Sam. Trong đó, rừng trồng khoảng 99ha, còn lại là rừng tự nhiên thuộc rừng ẩm nhiệt đới, đa số là cây lá rộng với 154 loài cây quý hiếm, thuộc 54 họ.

2.1.2. Đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội

Hiện nay, Châu Đốc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông, đô thị, văn hoá, du lịch gắn với các dự án đầu tư xây dựng, chỉnh trang nâng cấp các xã nông thôn mới.

2.1.2.1. Giao thông vận tải

Thành phố Châu Đốc có hơn 15 km Quốc lộ 91 chạy ngang. Năm 2011, Bộ trưởng Bộ GTVT ký quyết định cho nâng cấp tỉnh lộ 956 tại An Giang (nối Châu Đốc - Long Bình) lên thành quốc lộ 91C. Đây là một thuận lợi để thành phố giao lưu, buôn bán với các địa phương trong tỉnh, trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và nước bạn Campuchia. Ngoài ra, còn có tuyến đường vành đai chạy qua ngoại ô. Khu vực trung tâm thành phố và khu Thương mại Dịch vụ (phường A, phường B, phường Núi Sam) có hệ thống giao thông nội ô tương đối hoàn thiện.

Thành phố có các tuyến đường nội ô gồm: Lê Lợi, Nguyễn Văn Thoại, Thủ Khoa Nghĩa, Thủ Khoa Huân, Bạch Đằng, Chi Lăng, Trưng Nữ Vương, Phan Văn Vàng, Núi Sam-Châu Đốc, Phan Đình Phùng, Hậu Miếu Bà, Cừ Trị, Quang Trung.

Quy hoạch giao thông thành phố đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông nội ô, nâng cấp, mở rộng, nối dài các tuyến đường trong trung tâm thành phố. Thành phố sẽ nâng cấp Quốc lộ 91 từ 4 làn xe lên 10 làn xe. Quy hoạch tuyến N1 nối kết thành phố với các tỉnh, thành khu vực Nam Bộ. Trong tương lai gần sẽ có tuyến cao tốc Sóc Trăng - Cần Thơ - Khánh Bình đi qua thành phố.

2.1.2.2. Kinh tế

Kinh tế Châu Đốc tăng trưởng nhanh và mạnh. Năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố Châu Đốc đạt 16,10%; thu nhập bình quân đầu người trên 35,36 triệu đồng, tổng vốn đầu tư phát triển gần 2.720 tỷ đồng, lĩnh vực thương mại - dịch vụ - du lịch tiếp tục phát huy thế mạnh, với mức tăng trưởng đạt 18,01% và chiếm 70,47% tỷ trọng cơ cấu kinh tế địa phương. Ngoài ra, thành phố cũng tập trung phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phường Vĩnh Mỹ, xã Vĩnh Châu, ...

Năm 2013, tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố Châu Đốc đạt 16,29%, thu nhập bình quân đầu người trên 41,05 triệu đồng, tổng vốn đầu tư phát triển gần 2.719 tỷ đồng, giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh, tăng dần qua các năm. Đây không phải là một ngành trọng điểm của thành phố nhưng cũng đóng góp một phần vào sự phát triển của thành phố. Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thành phố quan tâm đầu tư và phát triển đã giải quyết một phần cho lao động nhàn rỗi nông thôn.

Năm 2014, tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố Châu Đốc đạt 15,70%, thu nhập bình quân đầu người của thành phố Châu Đốc đạt 47,85 triệu đồng và tăng trưởng kinh tế 3 năm gần nhất đạt 16,03%; tỷ lệ hộ nghèo là 1,0%.

Năm 2017, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm của thành phố Châu Đốc là 19.675,5ha, tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người 993kg/người.

Bảng 2.2: Một số chỉ tiêu chủ yếu

	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Diện tích tự nhiên (km ²)	105,29	105,29	105,23	105,23	105,23	105,23
Dân số trung bình (người)	110.972	111.097	111.253	111.445	111.577	111.731
Dân số trong độ tuổi lao động (nam 15-60 tuổi và nữ 15-55 tuổi) (người)	71.065	71.109	71.226	71.349	71.434	71.542
Mật độ dân số (người/km ²)	1.054	1.055	1.057	1.059	1.060	1.062
Tăng trưởng GDP (%)	16,29	15,70	-	-	-	-
GDP bình quân đầu người (triệu)	41,05	47,85	-	-	-	-

đồng/người)						
Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm (ha)	20.221,6	20.138,0	19.511,2	20.047,5	19.675,5	
Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (tính cả diện tích sản xuất giống) (ha)	42,53	43,86	44,34	51,13	62,67	68,52
Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố định 1994) (triệu đồng)	355.240	371.316	385.040	403.208	426.137	479.337
Giá trị sản xuất công nghiệp (giá thực tế) (triệu đồng)	860.562	972.474	1.134.466	1.297.573	1.498.131	1.563.247

(Nguồn: Chi Cục Thống kê thành phố Châu Đốc)

Nông nghiệp là một ngành đã hình thành và phát triển từ rất lâu đời ở thành phố. Loại hình nông nghiệp đô thị là một thế mạnh của thành phố. Các cánh đồng đã được cơ giới hóa trong công tác trước, trong và sau thu hoạch do đó năng suất không ngừng tăng và chất lượng nông phẩm cũng tăng lên.

Thành phố Châu Đốc ngày nay còn là trung tâm du lịch của tỉnh An Giang và Đồng bằng sông Cửu Long, là thành phố đồng bằng đặc biệt có sông, có núi với phong cảnh tự nhiên hấp dẫn và nhiều di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng cấp Quốc gia và cấp địa phương (cấp Tỉnh); địa điểm du lịch phong phú đa dạng được trải đều và liên hoàn trên toàn thành phố. Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư mới, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển; thu nhập bình quân đầu người tăng, đời sống nâng cao, nhu cầu vui chơi giải trí từng bước được phát triển đã tạo điều kiện cho ngành du lịch thu

hút khách đến tham quan ngày càng đông, nhu cầu vui chơi giải trí tăng đã tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển. Du khách phần lớn là viếng Miếu bà Chúa Xứ Núi Sam (khu di tích được xếp hạng cấp Quốc gia), hàng năm có trên 4 triệu lượt khách đến tham quan, hành hương. Châu Đốc còn có chiều dài lịch sử gắn liền với những sự kiện trong công cuộc giữ nước nhất là sự kiện Thoại Ngọc Hầu huy động sức dân đào kênh Vĩnh Tế, vừa phục vụ công tác thủy lợi, vừa có ý nghĩa về mặt quân sự.

Với tiềm năng là một thành phố du lịch nên thương mại - dịch vụ của thành phố là một ngành mũi nhọn trong phát triển kinh tế thành phố. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, các trung tâm mua bán phân bố rộng khắp trên địa bàn thành phố. Hàng hóa phân bố rộng khắp đến các địa bàn trong thành phố. Dịch vụ nhà hàng khách sạn cũng phát triển, với một chuỗi các khách sạn, nhà hàng lớn như Victoria Châu Đốc, Victoria Núi Sam, Châu Phố, Bến Đá Núi Sam, ...

Ngoài ra, du khách còn có thể ngồi thuyền tham quan dòng sông Hậu, dạo quanh làng bè, khu chợ nổi trên sông và sang Cồn Tiên tham quan thánh đường Hội Giáo, xem nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Chăm An Giang và mua sắm hàng hoá, đặc sản tại chợ Châu Đốc như: Mắm thái, đường thốt nốt, khô bò, khô cá tra phòng, ...

2.1.3. Tình hình triển khai chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc trong thời gian qua

2.1.3.1. Sự chỉ đạo của chính quyền trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ/TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và căn cứ vào sự chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, UBND thành phố Châu Đốc đã xây dựng đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc giai đoạn 2016 - 2018, định hướng đến 2020. Trong đó, đề án giao cho Phòng Lao động - TB&XH thành phố là cơ quan thường trực và chủ trì đề án, phối hợp với các phòng ban, hội, đoàn thể, UBND các xã, phường quy hoạch và xây dựng kế hoạch về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong giai đoạn 2016 - 2018 nhằm đảm bảo

được công tác đào tạo nghề trong địa bàn thành phố phát triển đúng hướng, củng cố và phát triển hệ thống cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố.

2.1.3.2. Kết quả đạt được từ công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố trong thời gian qua

Trong 03 năm tính từ năm 2016 đến 2018, số lao động của thành phố được đào tạo nghề và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trên địa bàn thành phố đạt bình quân 1.300 người/năm. Tính đến tháng 31/12/2018, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lũy kế so với tổng lực lượng lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc đạt 68% (theo nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc).

Theo báo cáo tiến độ thực hiện Đề án 1956 của UBND thành phố Châu Đốc năm 2016 thì sau khi đào tạo xong số lao động có việc làm ổn định chiếm trên 80% số lao động được đào tạo, số lao động có việc làm nhưng không thường xuyên chiếm dưới 20%, số còn lại trong tình trạng không có việc làm hoặc rất khó tìm được việc do không đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Qua 03 năm triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố đã có những chuyển biến tích cực, có xu hướng chuyển dần lao động ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp, dịch vụ du lịch, góp phần tích cực giải quyết việc làm, nâng cao tay nghề, xóa đói giảm nghèo, giúp ổn định trật tự xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Các loại hình và ngành nghề đào tạo từng bước được bổ sung, bám sát vào nhu cầu thực tế tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố. Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng và có việc làm tăng hơn; ý thức tự đào tạo, tự bồi dưỡng của một bộ phận người lao động có chuyển biến.

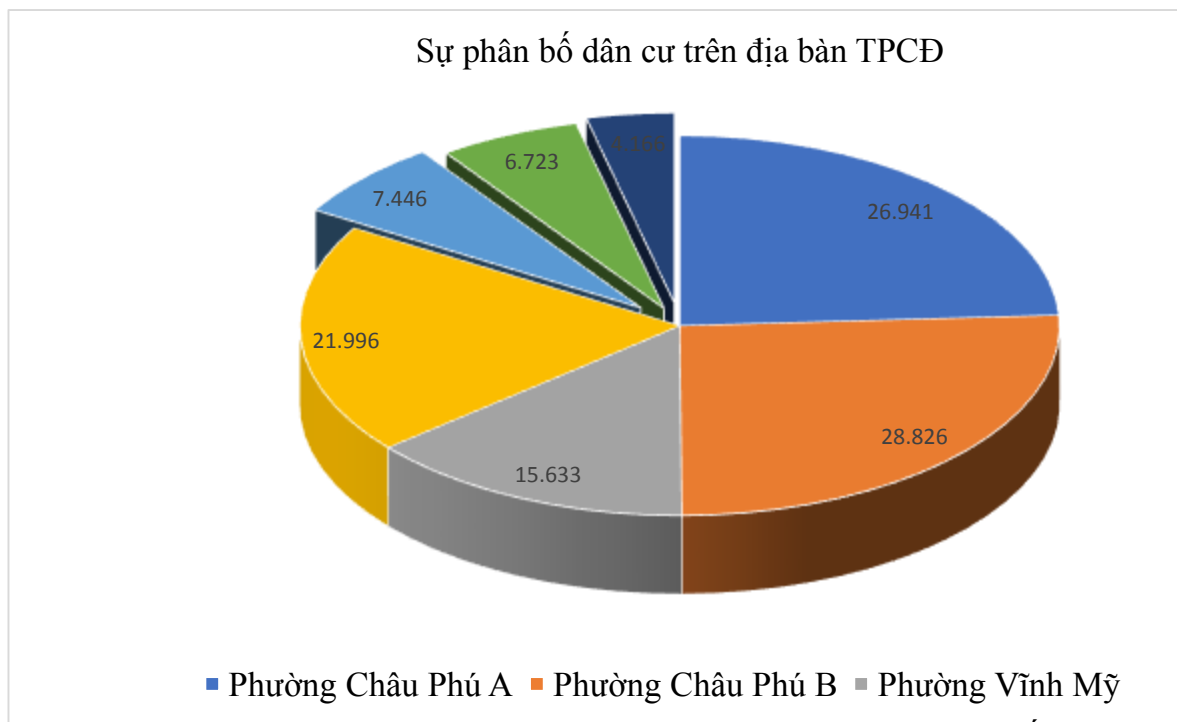
Các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc các đối tượng ưu tiên như: Hộ nghèo, cận nghèo, người thuộc gia đình chính sách được triển khai rộng. Công tác quản lý Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm ngày càng chặt chẽ. Công tác hướng nghiệp và tổ chức hội chợ việc làm, ... bước đầu được quan tâm;

chủ trương đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài được quán triệt và thực hiện từ thành phố đến tận cơ sở bước đầu có kết quả.

Song song với công tác đào tạo nghề, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động cũng được thành phố quan tâm và triển khai theo hướng tích cực. Bình quân hằng năm tạo việc làm mới cho khoảng 6.400 lao động, trong đó lao động ở các ngành công nghiệp, dịch vụ du lịch chiếm trên 60% tổng số lao động. Công tác xuất khẩu lao động được tập trung chỉ đạo và bình quân hằng năm có khoảng 07 lao động đi xuất khẩu lao động.

Bằng sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, sự quyết tâm của các cấp, chính quyền và tổ chức đoàn thể cùng với sự vươn lên của bản thân người lao động, đặc biệt là lao động trong độ tuổi thanh niên, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm sau đào tạo nghề của thành phố thời gian qua đã đạt được những kết quả bước đầu, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2.1.4. Đặc điểm của LĐNT ở thành phố Châu Đốc



Hình 2.1. Sự phân bố dân cư trên địa bàn thành phố Châu Đốc

Theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thì đối tượng LĐNT ở thành phố Châu Đốc chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị, chỉ một số ít là

ở nông thôn (thuộc 02 xã nông thôn mới Vĩnh Tế, Vĩnh Châu và phường Vĩnh Ngươn). Vì Châu Đốc là một thành phố du lịch, tâm linh từ xưa đến nay nên hầu hết LĐNT ở thành phố Châu Đốc thường sinh sống bằng các nghề phục vụ cho thương mại - dịch vụ - du lịch như: Mua bán nhỏ, phục vụ buồng, bàn, lễ tân ở các nhà trọ, khách sạn, nhà hàng hoặc các quán ăn, uống trên địa bàn. Và đặc biệt là làm theo thời vụ Lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam. Còn đối với ở vùng nông thôn thì chủ yếu làm nông nghiệp, các đối tượng trong độ tuổi lao động thường đi lao động ở các tỉnh khác như: Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, ... nơi có nhiều khu công nghiệp, ở lại chỉ còn người già và trẻ em. Và lại, Châu Đốc cũng là thành phố có chiều dài biên giới giáp với nước bạn Campuchia nên việc đi lại mua bán qua biên giới cũng khá thuận lợi, vì thế một số LĐNT cũng sinh sống bằng nghề này.

Nhìn chung, trên địa bàn thành phố Châu Đốc, việc tìm kiếm công việc để sinh sống hàng ngày cho LĐNT không thiếu, thu nhập lại cao, tuy nhiên không mang tính lâu dài, nhưng đại đa số LĐNT chỉ nhận thấy cái lợi trước mắt chứ không dự tính cho tương lai, chính vì thế việc tham gia học nghề còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn. Đây chính là vấn đề nan giải của chính quyền địa phương thành phố Châu Đốc cũng như các cơ sở dạy nghề hiện nay. Vì vậy, việc vận động, làm thay đổi nhận thức người dân, cũng như nâng cao chất lượng công tác ĐTN cho LĐNT trên địa bàn Châu Đốc hiện nay và những năm tiếp theo là hết sức cần thiết.

2.2. Thực trạng về công tác đào tạo nghề cho LĐNT ở thành phố Châu Đốc

2.2.1. Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho LĐNT

Thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, thời gian qua địa phương đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn. Theo đó, hoạt động tuyên truyền, tư vấn về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn luôn được quan tâm và duy trì thực hiện. Cấp ủy, chính quyền các địa phương thường xuyên quán triệt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các tổ chức, đoàn thể, các cơ quan thông tấn báo chí và các địa phương đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò, vị trí của đào tạo nghề; vận

động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia học nghề, tạo việc làm; tuyên truyền các mô hình đào tạo nghề gắn với việc làm có hiệu quả và giới thiệu những gương tiêu biểu, điển hình trong phát triển kinh tế để nhân dân biết và tích cực tham gia học nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập góp phần cải thiện đời sống.

Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh đã tổ chức hàng chục phiên giao dịch việc làm tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, qua đó đã tổ chức tư vấn học nghề, việc làm và các chính sách liên quan cho hàng ngàn lượt lao động nông thôn.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của thành phố đang triển khai đúng hướng, phù hợp với nhu cầu tạo nguồn lao động cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nông thôn mới của các địa phương. Đồng thời, hoạt động này cũng đã thu hút được nhiều cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đã có sự gắn kết giữa địa phương với cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc tuyển sinh đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động sau học nghề. Nhiều địa phương, đơn vị đã chủ động lồng ghép các nguồn kinh phí của Trung ương, địa phương, các doanh nghiệp và các chương trình, dự án khác để thực hiện hỗ trợ ĐTN cho LĐNT trên địa bàn.

Sắp tới, thành phố sẽ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động; về vai trò, tầm quan trọng của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập để người lao động biết và tích cực tham gia học nghề. Đồng thời, thực hiện quảng bá những mô hình hay, những gương điển hình lập nghiệp, giải quyết việc làm mới sau khi học nghề để nhân rộng học tập. Xây dựng, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh,

2.2.2. Nhu cầu đào tạo nghề của địa phương

Trong thời gian qua, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là lao động ở các xã vùng sâu, vùng xa luôn được các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền quan tâm. Tùy theo nhu cầu, thế mạnh của mỗi địa phương, các lớp đào tạo nghề do các cơ sở đào tạo nghề tổ chức đã đáp ứng được nguyện vọng học nghề của bà con nông thôn.

Trước khi tổ chức lớp, thành phố đã chỉ đạo các phường - xã rà soát, khảo sát nhu cầu học nghề để xây dựng kế hoạch sát với tình hình thực tế tại địa phương. Chủ động, linh hoạt lựa chọn ngành nghề, mở các lớp đào tạo nghề phù hợp với điều kiện, thế mạnh của địa phương đã giúp công tác dạy nghề trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực. Cùng với đó, các địa phương cũng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, góp phần tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân.

Ở nông thôn nguồn thu nhập chính của bà con chủ yếu từ trồng trọt, chăn nuôi, nhưng do nhận thức của người dân trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp và chăn nuôi còn hạn chế, nên hiệu quả chưa cao. Vì vậy, những năm qua, các ngành, các cấp, đoàn thể thành phố cũng như chính quyền địa phương đã tích cực chủ động phối hợp với các cơ sở dạy nghề mở các lớp dạy nghề sửa chữa máy nông nghiệp, chăn nuôi, thú y, ... cho người dân.

Hiện nay, việc đào tạo nghề được thực hiện theo phương châm “cầm tay chỉ việc”, tức là dạy nghề giữa lý thuyết và thực hành song song với nhau, thực hành chiếm trên 70% thời gian học nên các học viên đều dễ hiểu, dễ áp dụng kiến thức đã học vào thực tế. Cùng với đó, đào tạo nghề theo nhu cầu của người học, gắn với những tiềm năng thế mạnh của địa phương. Từ đó, tạo cơ hội cho người lao động sau khi học nghề xong có thể áp dụng ngay những kiến thức đã học để phát triển kinh tế gia đình. Kinh tế phát triển giúp các hộ dân giảm nghèo bền vững, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

2.2.3. Quy mô và cơ cấu ngành nghề đào tạo

2.2.3.1. Quy mô tuyển sinh

Hàng năm, các cơ sở đào tạo nghề đều đăng ký quy mô tuyển sinh về Sở Lao động và Thương binh xã hội An Giang. Sau khi được phê duyệt, dựa vào đó các cơ sở đào tạo nghề thực hiện tuyển sinh theo quy mô mà mình đăng ký.

Quy mô tuyển sinh của Trường trung cấp nghề Châu Đốc từ 2016 - 2018 (chia theo trình độ đào tạo) như sau:

STT	Nghề đào tạo	2016	2017	2018
1	Sơ cấp	80	60	60
2	Dạy nghề dưới 3 tháng	459	456	520
	Tổng số	539	516	580

2.2.3.2. Cơ cấu ngành nghề đào tạo

Hiện nay tình trạng tuyển sinh đối với các cơ sở đào tạo nghề không ổn định, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Hàng năm, cơ cấu ngành nghề đào tạo luôn được điều chỉnh theo sự phát triển của xã hội, mở một số ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển của đất nước. Tuy nhiên, việc điều chỉnh cơ cấu ngành nghề đào tạo còn chậm, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu của quá trình đổi mới, chưa gắn với nhu cầu đào tạo. Bởi, mỗi khi phát sinh ngành nghề mới phải tiến hành mọi thủ tục xin phép trong thời gian dài mới được mở lớp, nên làm cho công tác tuyển sinh gặp không ít khó khăn, đây là vấn đề đang được các cơ sở đào tạo nghề, cũng như các hệ thống chính trị địa phương quan tâm.

Đối với đặc thù của thành phố Châu Đốc, cơ cấu ngành nghề chủ yếu tập trung cho các ngành nghề phi nông nghiệp, đặc biệt là phục vụ cho du lịch địa phương, các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ... chỉ một số ít ngành nghề nông nghiệp như: Kỹ thuật sản xuất lúa, kỹ thuật trồng và thiết kế vườn, kỹ thuật nuôi lợn, ...

2.2.4. Hình thức đào tạo

Căn cứ vào sự chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương và căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, hiện nay trên địa bàn thành phố Châu Đốc đang tiến hành triển khai một số loại hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố được trình bày trong bảng 2.3:

Bảng 2.3: Các hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc (2016 - 2018)

STT	Hình thức	Cơ sở đào tạo	Đối tượng được học nghề	Thời gian học nghề	Địa điểm	Nguồn kinh phí
1	Dạy nghề ngắn hạn (gồm: Dạy nghề thường xuyên và sơ cấp)	Trường Trung cấp nghề; Trung tâm dịch vụ việc làm	Lao động nông thôn có nhu cầu học nghề	- Từ 01 tháng đến dưới 03 tháng (DNTX);	Tại trường; tại địa phương; tại DN hoặc tại làng nghề	Theo QĐ 1956 của Thủ tướng Chính phủ
2	Dạy nghề tại DN và làng nghề	Trường Trung cấp nghề; Trung tâm dịch vụ việc làm	Lao động của DN; lao động của làng nghề; lao động có nhu cầu	- Từ 03 tháng đến dưới 01 năm (Sơ cấp)	Tại DN; tại làng nghề	Theo QĐ 1956 của Thủ tướng Chính phủ

(Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH thành phố Châu Đốc)

2.2.4.1. Đào tạo trình độ sơ cấp

Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp từ 3 tháng đến dưới 01 năm. Riêng tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc thời gian đào tạo là 03 tháng, với thời gian thực học từ 480 - 500 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

2.2.4.2. Đào tạo thường xuyên

Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, thời gian đào tạo dưới 3 tháng và được thực hiện linh hoạt về chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm đào tạo, phù hợp với yêu cầu của người học.

Đây là hình thức phù hợp với đa số đối tượng là LĐNT. Tuy nhiên, đối với bộ phận LĐNT này cần được phân rõ đối tượng để hình thức dạy nghề phù hợp với nguyện vọng học nghề và độ tuổi lao động. Triển khai nhân rộng hình thức này nhằm khai thác tối đa năng lực và chức năng hoạt động của cơ sở dạy nghề phục vụ nhu cầu đa số đối tượng trên địa bàn thành phố. Với việc phân rõ đối tượng và độ tuổi lao động sẽ là một giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động, đáp ứng được đòi hỏi của thị trường lao động.

2.2.4.3. Tổ chức thực hành tại doanh nghiệp

Chương trình đào tạo gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết được giảng dạy tập trung tại trường. Còn phần thực hành thì được tiến hành tại doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ nhằm mục đích giúp học sinh có điều kiện tiếp xúc với máy móc, thiết bị của doanh nghiệp.

Đây là hình thức đào tạo phù hợp với đối tượng lao động trẻ có khả năng tiếp thu nhanh, sau khi được đào tạo tại các DN lao động sẽ có tay nghề để phục vụ cho khu công nghiệp.

2.2.4.4. Đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp

Trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp và người học được doanh nghiệp đảm bảo việc làm sau khi tốt nghiệp.

2.2.4.5. Đào tạo nghề tại Trung tâm dịch vụ việc làm

Trung tâm dịch vụ việc làm Châu Đốc tổ chức tuyển sinh đào tạo nghề cho người lao động có nhu cầu, đồng thời giới thiệu cho những doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng.

2.2.4.6. Đào tạo nghề lưu động tại phường - xã

Các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố phối hợp cùng với UBND phường - xã và các tổ chức đoàn thể địa phương tổ chức chiêu sinh các lớp nghề ngắn hạn dành cho lao động nông thôn sau đó phân công giáo viên và vận chuyển thiết bị đến tận địa bàn để tổ chức giảng dạy nhằm giúp cho lao động nông thôn có cơ hội tham gia học nghề, tìm được việc làm tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, xóa đói, giảm nghèo.

Hình thức này phù hợp với đại bộ phận LĐNT sản xuất nông nghiệp và gắn bó với nông thôn. Vì vậy, cần triển khai nhân rộng hình thức này trên địa bàn thành phố. Cần thay đổi những nội dung phù hợp với điều kiện và lợi thế trong sản xuất nông nghiệp của thành phố nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp: Nội dung là phổ biến kiến thức về kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cây, con giống, các kiến thức về kinh tế, sử dụng phân bón, kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh, bảo quản và chế biến sản phẩm nông sản sau thu hoạch.

2.2.4.7. Đào tạo với hình thức truyền nghề

Các hình thức trên đều là ĐTN dưới hình thức dạy nghề. Dạy nghề là truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để người LĐNT có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH nông thôn. Dạy nghề gắn với các tổ chức chuyên hoạt động dạy nghề.

Truyền nghề là truyền bá kỹ năng thực hành để những người LĐNT có một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp. Dạy nghề và truyền nghề thường áp dụng trong ĐTN cho các lao động trực tiếp với các kỹ năng nghề nghiệp mang tính kỹ thuật.

Truyền nghề có ưu điểm là nội dung đào tạo rất sát với môi trường và tính chất nghề người đó hoạt động, vì người được đào tạo được đào tạo các nghề chuyên sâu mà người đó sẽ làm ở chính cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, truyền nghề diễn ra với quy mô nhỏ, tính chất nghề đa dạng theo từng người hoặc nhóm người theo yêu cầu

đào tạo ở từng cơ sở. Vì vậy, xét trên phương diện của ĐTN hiệu quả của truyền nghề không cao.

Người học được dạy những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc thông qua thực tế thực hiện công việc dưới sự hướng dẫn của những người lao động có trình độ cao hơn và chủ yếu dạy thực hành ngay trong quá trình sản xuất, dịch vụ của cơ sở, doanh nghiệp.

Hình thức này cũng phù hợp với đối tượng LĐNT muốn gắn bó với làng nghề truyền thống. Hình thức này phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch đào tạo nghề thành phố đề ra, đồng thời góp phần trong việc giải quyết việc làm cho bộ phận lao động qua đào tạo.

2.2.5. Tổ chức và quản lý đào tạo nghề ở thành phố Châu Đốc

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang là cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề. Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang đều xây dựng kế hoạch đào tạo nghề trình UBND tỉnh An Giang phê duyệt và triển khai đến các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh, trong đó có Trường trung cấp nghề Châu Đốc.

Đồng thời, nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề được chuẩn hóa về kiến thức cũng như nâng cao trình độ trong công tác quản lý đạt hiệu quả, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang cũng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề quốc gia, kiểm định viên dạy nghề, ... Hầu hết đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề đều có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn sư phạm, có kinh nghiệm làm quản lý giáo dục. Tuy nhiên, so với nhu cầu ngày càng phát triển của mạng lưới dạy nghề thì đội ngũ này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và đôi lúc còn hạn chế về năng lực chuyên môn và một số cán bộ lại kiêm nhiệm quá nhiều nên chưa thật sự đầu tư cho công tác dạy nghề.

Cơ cấu tổ chức của các cơ sở dạy nghề được thực hiện theo quy định và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Công tác tổ chức quản lý đào tạo nghề tại các cơ sở dạy nghề là triển khai thực hiện quản lý đào tạo theo chương trình, kế hoạch và quy chế đào tạo của khóa học đã được duyệt.

Thực hiện tốt quy trình đào tạo là yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là công tác kiểm tra quá trình giảng dạy của giáo viên, quá trình học của học viên và tổ chức tốt việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học viên.

2.2.6. Kết quả đào tạo

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành cùng với sự chủ động đầu tư trang thiết bị, mở rộng các ngành nghề, hình thức đào tạo và đặc biệt là sự chuyển biến tâm lý về nghề nghiệp của người dân và lao động nên số lượng và chất lượng đào tạo nghề của thành phố Châu Đốc được tăng lên qua các năm. Kết quả đào tạo nghề qua các năm được thể hiện trong bảng 2.4:

Qua bảng ta thấy số lượng lao động được đào tạo dài hạn trên địa bàn thành phố là chưa có. Đây là một bất cập cần sớm được giải quyết. Hiện nay những lao động có nhu cầu học nghề dài hạn phải đi đến các cơ sở đào tạo bên ngoài thành phố làm cho chi phí học tập cũng như khả năng quay về làm việc tại thành phố sau khi tốt nghiệp là rất thấp. Lao động qua đào tạo nghề ngắn hạn năm 2016 là 1.204 lao động, năm 2017 đào tạo nghề cho 1.251 lao động, năm 2018 là 1.408 lao động, tăng bình quân là 8,2%/năm. Số lao động được đào tạo tại doanh nghiệp bình quân hằng năm tăng 39,65% với số lao động được đào tạo năm 2016 là 403 lao động, năm 2018 tăng lên 747 lao động.

Kết quả đào tạo nghề cho thấy lao động qua đào tạo nghề dài hạn là chưa có và thành phố cần sớm khắc phục tình trạng này. Số lượng lao động qua đào tạo nghề ngắn hạn bao gồm đào tạo nghề tại Trường trung cấp nghề Châu Đốc, Trung tâm dịch vụ việc làm, tại các cơ sở sản xuất của DN năm 2016 chiếm 103,8% và đến năm 2018 chiếm 102,77%. Trong đó chủ yếu lao động được đào tạo tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố. Số lượng lớn lao động còn lại chỉ dừng lại ở tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng ở các lớp học tại cộng đồng.

Mặc dù qua mỗi năm, lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn thành phố có tăng lên về số lượng, tuy nhiên chất lượng thì chưa đáp ứng được cho thị trường lao động. Đào tạo nghề ngắn hạn mặc dù được triển khai ở nhiều cơ sở đào tạo với số

lượng đông nhưng nếu nhìn mặt bằng chung thì con số này khá khiêm tốn. Nhiệm vụ chính của Trường trung cấp nghề Châu Đốc là đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nhưng do điều kiện của trường còn hạn chế nên số lượng lao động được đào tạo ở trường còn khá thấp. Các lao động được đào tạo nghề ngắn hạn ở đây chủ yếu được đào tạo tại các DN sản xuất hoặc các địa phương trên địa bàn thành phố.

Bảng 2.4: Số lượng lao động được đào tạo trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (2016- 2018)

STT	Chỉ tiêu	2016		2017		2018		Tốc độ phát triển (%)		
		SL (người)	CC (%)	SL (người)	CC (%)	SL (người)	CC (%)	17/16	18/17	Bình quân
	Tổng số lao động qua đào tạo	1.204	103,8	1.251	102,54	1.408	102,77	103,9	112,5	108,2
1	Dạy nghề dài hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Dạy nghề ngắn hạn	1.204/1.160	103,8	1.251/1.220	102,54	1.408/1.370	102,77	103,9	112,5	108,2
	Dạy tại trường trung cấp nghề	544/440	123,64	475/500	95	528/450	117,33	87,32	111,16	99,24
	Dạy tại Trung tâm dịch vụ việc làm	167/120	139,2	88/120	73,33	133/120	110,83	52,69	151,14	143,42
	Dạy tại doanh nghiệp	403/600	67,17	688/600	114,67	747/800	93,38	170,72	108,58	139,65

(Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH thành phố Châu Đốc)

Đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, trong những năm qua đã đào tạo một số lượng lao động khá lớn, góp phần không nhỏ trong tổng số lao động qua đào tạo nghề của thành phố. Qua 03 năm, nhìn chung số lượng đào tạo nghề ở các doanh nghiệp giữ ở mức ổn định khoảng 180 lao động/năm, với các nghề đào tạo như: May công nghiệp, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ bếp, nghiệp vụ phục vụ buồng, nghiệp vụ phục vụ các nhà hàng, quán ăn ở nông thôn, ... Với hình thức dạy nghề ở các doanh nghiệp đã góp phần không nhỏ trong công tác giải quyết việc làm cho người LĐNT, tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân có thể kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại địa phương.

Ngoài dạy nghề tại các cơ sở đào tạo nghề, tại các doanh nghiệp, thì tại các phường, xã của thành phố hằng năm đã tổ chức nhiều lớp học tại cộng đồng để người nông dân có thể trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất và được tập huấn chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ mới vào sản xuất nhằm đạt năng suất, hiệu quả cao. Kết quả, hằng năm bình quân đã bồi dưỡng được cho khoảng 450 LĐNT.

2.2.7. Đánh giá hiệu quả và chất lượng đào tạo

2.2.7.1. Đánh giá chung về công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố

LĐNT hiện nay có nhu cầu học nghề ở các cơ sở dạy nghề với mục đích là sau khi học nghề xong họ sẽ có trong tay một nghề với trình độ tay nghề, chuyên môn vững vàng để có thể tự lập nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm ở thị trường lao động. Do đó, chất lượng đào tạo nghề ở các cơ sở dạy nghề cũng được bộ phận lao động quan tâm trước khi lựa chọn ngành nghề và cơ sở học nghề.

Kết quả điều tra 60 LĐNT ở hai xã Vĩnh Tế, Vĩnh Châu và phường Châu Phú A trên địa bàn thành phố về công tác đào tạo nghề và chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT thành phố Châu Đốc được tổng hợp ở bảng 2.5:

Kết quả điều tra cho thấy vẫn có tới 38,3% lao động không muốn đi học nghề và có tới 34,8% cho rằng đào tạo nghề vẫn chưa gắn với việc làm hoặc nếu có thì thu nhập của họ sau khi được đào tạo vẫn chưa cao như họ mong muốn. Như vậy, mục đích của người lao động là sau khi tham gia vào lớp học nghề thì họ phải

có việc làm với thu nhập cao và ổn định, đồng thời nâng cao được trình độ. Tuy kinh phí không phải là nguyên nhân chính khi chỉ có 8,7% đánh giá là do điều kiện về kinh phí, song trong điều kiện thu nhập hạn hẹp họ sẵn sàng không đi học nghề để sử dụng số tiền đó vào mục đích khác có lợi hơn.

Bảng 2.5: Đánh giá chung của người lao động về chất lượng đào tạo nghề

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Tổng số lao động điều tra	60	100
1	Nguyện vọng học nghề		
	- Muốn học nghề	37	61,7
	- Không muốn học nghề	23	38,3
	+ Do đào tạo chưa gắn với việc làm	8	34,8
	+ Do tâm lý	4	17,4
	+ Do điều kiện kinh phí	2	8,7
	+ Do chất lượng đào tạo nghề không đảm bảo	9	39,1
	<i>Về cơ sở vật chất</i>	4	44,5
	<i>Về trang thiết bị dạy học</i>	2	22,2
	<i>Về đội ngũ giáo viên</i>	2	22,2
	<i>Về chương trình đào tạo</i>	1	11,1
2	Ý kiến đề xuất		
	- Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm	41	68,3
	- Mở rộng hình thức, nội dung, nâng cao chất lượng đào tạo.	19	31,7
	- Không có ý kiến	-	-

(Nguồn: Kết quả điều tra LĐNT thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang)

Có một bộ phận khác không muốn đi học nghề là do tâm lý chiếm 17,4%. Đó là do sự coi trọng của xã hội về bằng cấp khoa cử nên tâm lý thanh niên muốn nhất thiết phải vào học tại các trường cao đẳng, đại học để sau khi tốt nghiệp có thể dễ dàng kiếm được việc làm tốt với lương cao ở thành phố lớn.

Tuy nhiên, nguyên nhân chính khiến cho LĐNT không muốn đi học nghề đó là do chất lượng đào tạo nghề. Có tới 39,1% số lao động cho rằng chất lượng đào

tạo nghề ở các cơ sở dạy nghề của thành phố chưa đáp ứng được nhu cầu học nghề của họ, trong đó hai yếu tố được đánh giá ảnh hưởng nhất đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT thành phố trong thời gian hiện nay đó là cơ sở vật chất của nơi học và trang thiết bị dạy học.

Nếu ngành nghề đào tạo đáp ứng được đòi hỏi của thị trường lao động thì người lao động sẵn sàng bỏ kinh phí để học, để kiếm cho mình một ngành nghề có thu nhập. Ngược lại, nếu ngành nghề không đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động, không gắn với việc làm, chất lượng đào tạo nghề không đảm bảo thì sẽ không thu hút được người lao động muốn tham gia học nghề. Do đó, muốn cho người lao động nhận thức được vai trò của việc học nghề cải thiện cuộc sống của chính họ và giá trị nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường; song song với việc phát triển các hình thức dạy nghề thì việc cải thiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề là việc làm hết sức cần thiết. Phần lớn các ý kiến đề xuất đều mong muốn đào tạo nghề cần phải gắn với việc làm, phát triển các hình thức, chương trình đào tạo phù hợp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo có như vậy mới thu hút được bộ phận LĐNT theo học nghề.

2.2.7.2. Đánh giá về hình thức và nội dung chương trình đào tạo nghề hiện tại của địa phương

Kết quả khảo sát 60 lao động về hình thức và nội dung chương trình đào tạo nghề cho người lao động nông thôn trên địa bàn thành phố được thể hiện trong bảng 2.6:

Bảng 2.6: Đánh giá của người lao động về hình thức và nội dung chương trình đào tạo

STT	Mức độ đánh giá	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)
1	Đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động	17	28,3
2	Phù hợp với nhu cầu học nghề và xu thế phát triển	15	25,0
3	Chưa phù hợp cần bổ sung thêm	28	46,7
	Tổng số:	60	100

(Nguồn: Kết quả điều tra LĐNT thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang)

Kết quả điều tra cho thấy rằng có 46,7% ý kiến của người lao động cho rằng hình thức và nội dung chương trình đào tạo nghề hiện nay được triển khai trên địa bàn thành phố là chưa phù hợp và cần bổ sung thêm để phù hợp với tình hình phát triển chung của toàn thành phố và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố cũng như các địa bàn xung quanh. Có 25% số ý kiến cho rằng nội dung và hình thức chương trình đào tạo trên địa bàn thành phố đã phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động. Còn lại 28,3% ý kiến cho rằng với các hình thức và nội dung đào tạo nghề trên địa bàn thành phố như hiện nay thì sau khi được đào tạo nghề người lao động có thể đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp tuyển dụng lao động trên địa bàn.

2.2.7.3. Đánh giá của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Kết quả điều tra cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tất cả các ý kiến đều cho rằng công tác dạy nghề hiện nay chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và nhu cầu học nghề của người LĐNT. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng kém hiệu quả trong dạy nghề đó là do công tác đào tạo nghề trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức, mức đầu tư còn hạn hẹp, cơ chế quản lý lỏng lẻo, ...

Ngành nghề đào tạo là vấn đề hết sức quan trọng trong đào tạo nghề. Ngành nghề phải đa dạng, phong phú, phù hợp với thị trường lao động mới thu hút được các học viên tham gia học. Theo đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên mặc dù đã có nhiều cố gắng để mở rộng ngành nghề đào tạo, tuy nhiên vẫn còn nhiều nghề phù hợp với nhu cầu học của người lao động và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động nhưng vẫn chưa mở lớp. Nguyên nhân chính là do cơ sở vật chất chưa đủ khả năng mở rộng ngành nghề đào tạo. Các ngành nghề được Trường Trung cấp nghề và Trung tâm Dịch vụ việc làm mở hiện nay mới chỉ có: May công nghiệp, sửa chữa xe gắn máy, điện lạnh, xây dựng dân dụng và một số ngành nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch, ... Điều này làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng bộ phận lao động.

Hình thức đào tạo nghề cho người lao động cũng được đánh giá là đơn điệu, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng về thời gian, trình độ của nhiều đối tượng khác nhau.

Bảng 2.5: Kết quả điều tra cán bộ, giáo viên về công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố năm 2016

STT	Nội dung	Số ý kiến	%
	Tổng số	10	100
1	Phát triển công tác dạy nghề		
	- Rất cần thiết	8	80
	- Cần thiết	2	20
	- Không cần thiết	-	-
2	Ngành nghề đào tạo		
	- Đa dạng	3	30
	- Chưa đa dạng	7	70
	+ Do cơ sở vật chất nghèo nàn	8	80
	+ Do lao động không có nhu cầu	2	20
	+ Do nghề học không có tính cạnh tranh	4	40
3	Hình thức đào tạo		
	- Đa dạng	2	20
	- Chưa đa dạng	8	80
	+ Thiếu kinh phí	6	60
	+ Chưa quan tâm mở rộng	4	40
	+ Nguyên nhân khác	-	-

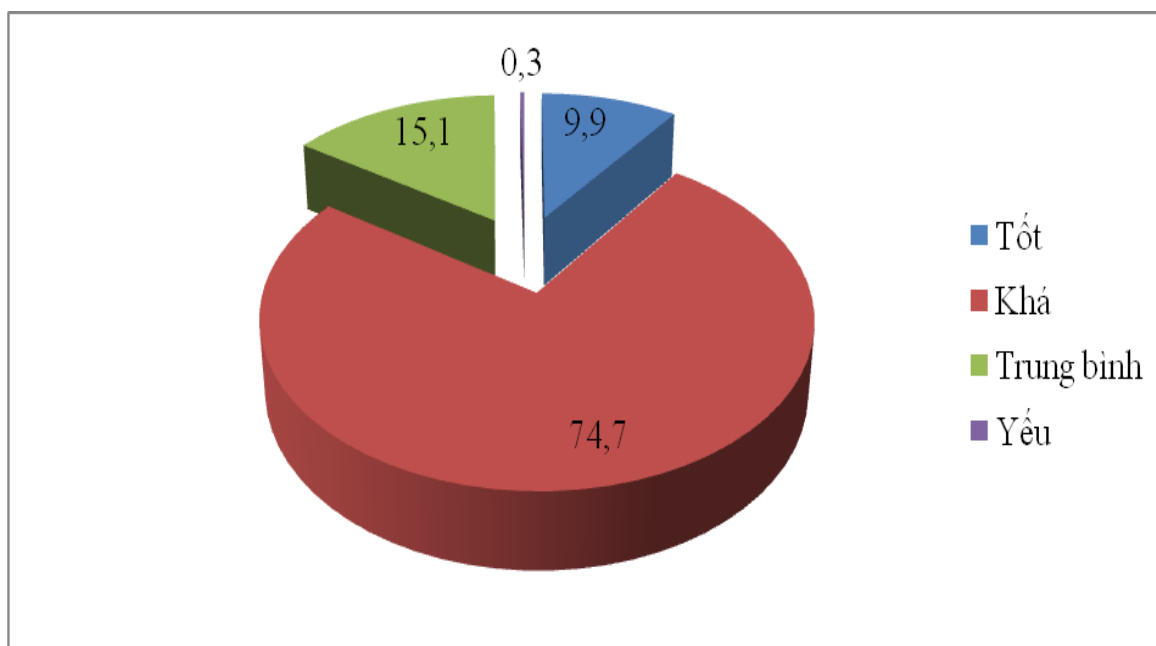
(Nguồn: Kết quả điều tra cán bộ, giáo viên dạy nghề thành phố Châu Đốc)

Theo ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề thì có 80% ý kiến cho rằng phát triển công tác dạy nghề là một việc làm hết sức cần thiết, nó không chỉ đáp ứng được nhu cầu học nghề của lao động địa phương mà còn là một biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT. Nhiều ý kiến cho rằng, trong quá trình phát triển đào tạo nghề cần linh hoạt và phát triển đa dạng các ngành nghề đào tạo cho LĐNT ở địa phương. Muốn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố,

một biện pháp quan trọng là cần giải quyết việc làm cho bộ phận LĐNT, đặc biệt là với bộ phận lao động bị mất đất sản xuất nông nghiệp bằng hình thức đào tạo nghề một cách bài bản, khoa học để có thể lập nghiệp sau khi kết thúc khóa đào tạo.

Với tình hình trên, để công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố phát triển và nâng cao được chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT thì cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho đào tạo nghề, cần mở rộng và phát triển quy mô ngành nghề, hình thức đào tạo cần đa dạng và linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu của LĐNT và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tình hình mới.

Trong 3 năm từ 2016 đến 2018 Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đã đào tạo được tổng số 570 lao động học trong 03 ngành là: Kỹ thuật phục vụ nhà hàng, quán ăn nông thôn; xây dựng dân dụng và may công nghiệp. Tay nghề của người lao động được Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đánh giá được thể hiện trong đồ thị 2.1:



Hình 2.2. Đánh giá tay nghề của người lao động tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc sau các khóa đào tạo.

Ta thấy trong tổng số lao động đã qua đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc trong 3 năm 2016 - 2018 có kết quả sau khi học được đánh giá khá tốt. Số lao động được đánh giá có chất lượng tay nghề sau đào tạo Khá và tốt chiếm 84,6%

trong tổng số lao động được đào tạo. Số lao động có tay nghề được đánh giá là trung bình chiếm 15,1% và số lao động có tay nghề yếu chiếm 0,3%. Kết quả đó đạt được là nhờ sự cố gắng học tập của người lao động cũng như sự cố gắng của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc trong quá trình truyền đạt kiến thức cho học viên.

Các học viên sau khi kết thúc khóa học được giới thiệu việc làm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh của thành phố do trường giới thiệu. Anh Quách Văn Hiền - Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố nhận định rằng: Trên 90% số lao động được đào tạo nghề tại trường sau khi kết thúc khóa đào tạo đều được nhận vào làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nếu có nhu cầu. Số còn lại thì tự kiếm việc làm tại các tổ chức khác hoặc tự nhận hàng về nhà làm (đối với nghề Kỹ thuật làm hoa giả và may công nghiệp). Thu nhập của người lao động cũng tăng hơn so với trước đó, đối với nghề may người lao động có thu nhập từ 2 đến 2,5 triệu đồng/ tháng, còn đối với nghề Kỹ thuật làm hoa giả thu nhập có thấp hơn chỉ từ 0,8 đến 1,2 triệu đồng/tháng.

2.2.7.4. Đánh giá về tác dụng của tham gia học nghề đối với người lao động

Đào tạo nghề có tác dụng rất lớn cho người lao động sau khi được đào tạo. Do đó chúng tôi đã tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến của người lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc để đánh giá về tác dụng của công tác đào tạo nghề đối với người lao động . Kết quả được thể hiện ở bảng 2.7:

Bảng 2.7: Đánh giá của người lao động về việc tham gia học nghề

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức và tay nghề được nâng lên	45/60	75
2	Khả năng giải quyết công việc tốt hơn	28/60	46,7
3	Thu nhập tăng lên	25/60	41,7
4	Khả năng kiếm được việc làm cao hơn	18/60	30
5	Ứng dụng được vào trong lao động, sản xuất	36/60	60

(Nguồn: Kết quả điều tra LĐNT thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang)

Kết quả điều tra được cho thấy 75% người lao động được hỏi cho rằng sau khi tham gia vào các lớp học nghề thì kiến thức và tay nghề của người lao động sẽ được nâng lên so với trước khi tham gia học và từ đó kỹ năng giải quyết công việc sẽ tốt hơn. Có 41,7% ý kiến đồng ý với việc sau khi học nghề thu nhập của họ tăng lên do tay nghề tăng và mức độ hoàn thành công việc của người lao động sẽ tốt hơn. Khả năng ứng dụng các kiến thức khi được học vào trong sản xuất của người lao động sau khi được đào tạo được đánh giá ở mức độ 60% ý kiến.

Điều đó cho thấy đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động là một việc làm hết sức quan trọng và đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc nói riêng và của cả nước nói chung.

2.2.7.5. Chất lượng lao động được đào tạo qua đánh giá của các doanh nghiệp sử dụng lao động trên địa bàn thành phố

Để đánh giá tay nghề và khả năng làm việc cũng như ý thức kỷ luật của người lao động sau khi tham gia các lớp đào tạo nghề, chúng tôi đã tiến hành điều tra về chất lượng của người LĐNT tại 05 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Châu Đốc có sử dụng một số lao động đã qua đào tạo nghề. Kết quả điều tra được tổng hợp ở bảng 2.8:

Bảng 2.8: Đánh giá của các cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Châu Đốc

Chỉ tiêu	Số lượng (cơ sở)	Tỷ lệ (%)
Tổng số cơ sở điều tra	12	100
Đánh giá của cơ sở về chất lượng lao động đạt mức độ:	-	-
1. Tốt:	2	16,7
2. Trung bình, là do:	7	58,3
LĐ có tay nghề chưa cao	5	71,4
LĐ chưa linh hoạt áp dụng kiến thức đã học vào công việc	3	42,9
LĐ có ý thức kỷ luật, ý thức làm việc chưa cao	1	14,3
Nguyên nhân khác	-	-

3. Kém, là do:	3	25
LĐ không có tay nghề và chuyên môn vững	2	66,7
LĐ không biết áp dụng kiến thức vào thực tế	2	66,7
LĐ không chấp hành kỷ luật của cơ sở	1	33,3
Nguyên nhân khác	1	33,3

(Nguồn: Kết quả điều tra các cơ sở SXKD ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang)

Các cơ sở SXKD được điều tra chủ yếu là những cơ sở sản xuất có quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu sử dụng lao động làm việc trong các ngành may, dịch vụ du lịch (Quản lý nhà hàng - khách sạn, Kỹ thuật phục vụ nhà hàng - quán ăn nông thôn, chế biến chả lụa heo, chế biến khô cá các loại, chế biến mắm, ...). Kết quả điều tra cho thấy, trong tổng số đơn vị SXKD được hỏi thì có 02 cơ sở cho rằng chất lượng lao động đã qua đào tạo đang làm việc ở mức độ tốt, chiếm 16,7%. Theo các cơ sở này cho biết, số lao động mà họ nhận vào làm chủ yếu là lao động thanh niên; do đó chuyên môn và tay nghề làm việc của bộ phận này thường đạt trình độ cao hơn; đồng thời nhận thức của bộ phận lao động thanh niên nhạy bén với sự đòi hỏi của thị trường lao động ngày nay nên ý thức kỷ luật của họ cũng cao hơn và chấp hành tốt các quy định của cơ sở nơi họ làm việc.

Trong tổng số cơ sở được điều tra có 58,3% các cơ sở cho rằng chất lượng của lực lượng lao động mới ở mức trung bình, tức là mới đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của cơ sở. Trong đó có 71,4% ý kiến cho rằng số lao động làm việc tại cơ sở của họ có tay nghề chưa cao và có 42,9% số ý kiến cho rằng lao động sau khi được đào tạo chưa linh hoạt áp dụng các kiến thức đã học vào công việc. Họ cho rằng không phải số lao động này có tay nghề kém mà là họ chưa thực sự cố gắng phát huy hết khả năng cũng như chuyên môn của mình. Nguyên nhân khác dẫn tới việc chất lượng của bộ phận lao động này bị đánh giá trung bình là do việc thực hành ở các cơ sở đào tạo khác so với thực tế công việc đòi hỏi nên họ vẫn chưa quen và việc sử dụng các máy móc, thiết bị tại cơ sở làm việc còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Ngoài ra, một số cơ sở khác cho rằng chất lượng lao động chưa cao một phần là do ý thức của người lao động, họ chưa thực sự coi trọng nghề

ng nghiệp của mình và chưa thực sự muốn gắn bó với công việc mà họ đang làm dẫn đến tình trạng một bộ phận nhỏ lao động không tuân thủ đầy đủ các nội quy của công ty.

Có 03 cơ sở trong tổng số 12 cơ sở điều tra cho rằng chất lượng lao động đang làm việc tại các cơ sở có chất lượng kém, chiếm 25%. Theo các nhà quản lý thì nguyên nhân đó là số lao động này vẫn mang nặng tính chất lao động nông nghiệp, khả năng tiếp thu của họ chậm và nhận thức về nghề nghiệp của họ còn rất hạn chế, do đó ý thức kỷ luật về nghề nghiệp còn yếu. Họ có mong muốn tìm được một công việc để tăng thêm thu nhập lúc nông nhàn nhưng họ lại không hiểu rõ giá trị nghề nghiệp mà mình đang làm, nên họ vẫn có tư tưởng coi thường nghề mà mình đã lựa chọn, dẫn đến tình trạng họ là việc không hăng say, ý thức chấp hành các nội quy, quy định của công ty kém; điều này gây ảnh hưởng tới uy tín về công tác nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT thành phố Châu Đốc. Ngoài ra, một nguyên nhân nữa cũng khiến cho chất lượng LĐNT bị đánh giá thấp đi đó là nội dung đào tạo nghề chưa phù hợp với công việc họ đang làm, điều này gây tâm lý chán nản đến một bộ phận lao động đang làm việc tại các cơ sở SXKD này.

Như vậy, mặc dù trong những năm qua, chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT không ngừng được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần quan tâm và khắc phục. Điều đáng chú ý nhất hiện nay chính là ý thức của bộ phận LĐNT. Các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố ngoài việc không ngừng trau dồi kiến thức và tay nghề cho họ thì cần phải nâng cao ý thức và văn hóa nghề nghiệp cho người lao động để họ có thể hiểu được giá trị nghề nghiệp trong cơ chế thị trường hiện nay. Làm tốt công tác này sẽ giúp cho chất lượng lao động được cải thiện một cách đáng kể, từ đó chất lượng đào tạo nghề cũng được đánh giá cao hơn và tạo niềm tin vững vàng hơn cho LĐNT.

2.3. Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở thành phố Châu Đốc

2.3.1. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trên địa bàn thành phố Châu Đốc có 01 cơ sở đào tạo nghề công lập là Trường Trung cấp nghề Châu Đốc trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang; Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Châu Đốc trực thuộc UBND thành phố Châu Đốc có chức năng đào tạo nghề. Ngoài ra, trên địa bàn còn có nhiều cơ sở dạy nghề theo hình thức truyền nghề.

Ngoài nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc, Trường Trung cấp nghề Châu Đốc còn tập trung đào tạo các trình độ dành cho lao động nông thôn như: Trình độ sơ cấp (Điện lạnh; sửa chữa xe gắn máy; xây dựng dân dụng); dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng (may công nghiệp; nghiệp vụ lễ tân; nghiệp vụ phục vụ buồng; nghiệp vụ phục vụ bàn; quản lý nhà hàng - khách sạn; nghiệp vụ bếp; bảo mẫu; cấp dưỡng;...)

2.3.2. Hệ thống cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo nghề

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của cơ sở đào tạo nghề được đầu tư đầy đủ và hiện đại sẽ nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời tạo niềm tin của người học với cơ sở đào tạo nghề từ đó chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề ngày được nâng cao.

Trên địa bàn thành phố Châu Đốc có 02 cơ sở đào tạo nghề công lập là Trường Trung cấp nghề Châu Đốc và Trung tâm Dịch vụ việc làm Châu Đốc có chức năng đào tạo nghề ngắn hạn, với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề như sau:

- Trường Trung cấp nghề Châu Đốc có diện tích là 14.769 m², trong đó diện tích xây dựng là 11.927 m², với 19 phòng học lý thuyết; 04 xưởng (gồm 11 phòng học thực hành) và khu hành chính quản trị. Trang thiết bị đào tạo nghề của Trường được đầu tư từ năm 2006 đến nay với tổng kinh phí trên 07 tỷ đồng (nguồn báo cáo nội bộ) đã cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy của trường.

- Trung tâm Dịch vụ việc làm Châu Đốc với diện tích xây dựng là 640,5m² (có chức năng đào tạo nghề ngắn hạn) với tổng mức đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề là 4,6 tỷ đồng (nguồn báo cáo nội bộ).

2.3.3. Chương trình, giáo trình đào tạo

2.3.3.1. Chương trình đào tạo

Việc xây dựng chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo thường xuyên.

Chương trình đào tạo nghề xuất phát từ nhu cầu của người học, nhu cầu của xã hội; đào tạo lao động có tay nghề cho các khu, cụm công nghiệp và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc thường xuyên điều chỉnh chương trình nghề đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

2.3.3.2. Về giáo trình và tài liệu học tập

Giáo trình, bài giảng và các tài liệu học tập khác được coi là nội dung chi tiết của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, đối việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn thì tài liệu học tập chỉ là những tài liệu đơn giản do giáo viên tự biên soạn sao cho phù hợp với kiến thức, trình độ của người học, chủ yếu là cập nhật từ những kiến thức mới kết hợp với những kinh nghiệm vốn có của người dân từng địa phương tuy nhiên phải đảm bảo đúng theo quy định. Vì vậy, mỗi lớp học ở mỗi địa phương khác nhau tài liệu học tập có thể khác nhau.

2.3.4. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề

Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên là một trong những tiêu chí quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

Bảng 2.9: Kết quả thống kê đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở dạy nghề công lập

S T T	Chức danh	Số lượng	Trình độ chuyên môn				Nghịệp vụ sư phạm	Kỹ năng nghề quốc gia
			Thạc sĩ	Đại học	Trung cấp	Thợ lành nghề		
I	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	67	7	52	1	7	66	
1	Cán bộ quản lý	14	1	12	1		13	
2	Giáo viên cơ hữu	29	4	25			29	
3	Giáo viên thỉnh giảng	24	2	15		7	24	
II	Trung tâm dịch vụ việc làm	15	1	4		10	2	
1	Cán bộ quản lý	5	1	4			2	
2	Giáo viên cơ hữu							
3	Giáo viên thỉnh giảng	10				10		

(Nguồn báo cáo nội bộ)

Qua số liệu thống kê về hiện trạng đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở dạy nghề công lập trên địa bàn thành phố Châu Đốc (Bảng 2.9) có thể đánh giá như sau:

- Số lượng và cơ cấu giáo viên:

Các cơ sở dạy nghề chưa đảm bảo về số lượng giáo viên cơ hữu, nhất là giáo viên dạy các nghề ngắn hạn. Để đáp ứng nhu cầu giảng dạy cho các lớp nghề ngắn hạn đào tạo cho lao động nông thôn, các cơ sở dạy nghề phải ký hợp đồng với các thợ lành nghề, có kinh nghiệm, hoặc người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và đối với các lớp nông nghiệp thì phối hợp cùng các trung tâm khuyến nông, trạm bảo vệ thực vật, nông dân sản xuất giỏi,...

điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý đào tạo, cũng như chất lượng giảng dạy của các cơ sở dạy nghề.

- Trình độ chuyên môn:

Đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn thì trình độ chuyên môn của giáo viên còn rất hạn chế, chủ yếu là từ những tiến bộ của khoa học công nghệ kết hợp với những kinh nghiệm vốn có và những kinh nghiệm từ thực tiễn của địa phương (đối với những lớp nông nghiệp). Đối với một số giáo viên từng gắn bó nhiều năm, các cơ sở đào tạo đã gửi tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm để đáp ứng nhu cầu giảng dạy của đơn vị, hầu hết các giáo viên đều có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Trình độ tin học và ngoại ngữ:

Hầu hết giáo viên dạy nghề ngắn hạn đều là thợ lành nghề, nghệ nhân, nông dân sản xuất giỏi, ... nên trình độ tin học và ngoại ngữ còn rất hạn chế. Vì thế nhiệm vụ đặt ra đối với các cơ sở đào tạo nghề là từng bước nâng cao, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên giảng dạy và là nền tảng đưa chất lượng đào tạo nghề đi lên.

2.3.5. Tài chính cho đào tạo nghề

Nguồn tài chính là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả và chất lượng đào tạo nghề. Hàng năm, nguồn ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo nghề theo Đề án 1956 còn rất hạn chế và chậm so với tiến độ mở lớp, làm ảnh hưởng đến quá trình đào tạo, chỉ tiêu mở lớp, ...

Chính sách đặc thù về chế độ tiền lương cho giáo viên dạy nghề ngắn hạn còn rất thấp để khuyến khích họ gắn bó với nghề, cũng như việc mời thỉnh giảng luôn gặp khó khăn về định mức giảng dạy và chế độ hỗ trợ dành cho các học viên thuộc đối tượng chính sách cũng còn thấp.

Với thực tế kinh phí đào tạo như trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo nghề, các cơ sở đào tạo nghề gặp khó khăn trong việc mua sắm thiết bị, vật tư phục vụ cho công tác đào tạo.

2.3.6. Nhận thức của người dân và xã hội về việc học nghề

Nhận thức của toàn xã hội nói chung và người dân lao động nói riêng về việc tham gia học nghề chưa thật sự đúng đắn, là do một số nguyên nhân như: Trình độ dân trí, tâm lý, tài chính, ...

Đối với LĐNT là những đối tượng mà bản thân họ đã nghèo khó, trình độ học vấn lại thấp và thường là lao động chính trong gia đình nên việc tham gia học nghề đối với họ thật sự là điều hết sức khó khăn, không chỉ cho bản thân họ mà còn cho cả gia đình. Chính vì thế, đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng đầu vào của công tác ĐTN cho LĐNT, vận động không hiệu quả, hạn chế về thời gian, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

2.4. Đánh giá chung về chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc

2.4.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

2.4.1.1. Kết quả đạt được

Sau khi thực hiện Đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cả nước nói chung và thành phố Châu Đốc nói riêng đã tiến hành triển khai thực hiện rộng khắp trên cả nước, đã đạt được những kết quả tích cực, nổi bật một số ưu điểm như sau:

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng và người dân đã "vào cuộc", sự phối hợp nhịp nhàng trong quá trình triển khai, thông báo và tổ chức các khóa, các lớp dạy nghề phù hợp với yêu cầu lao động từng địa phương.

Các cơ sở dạy nghề đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các phường - xã triển khai thực hiện Đề án 1956 của Chính phủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn và gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới với mục tiêu: "*Dạy nghề gắn với việc làm cho nông dân*". Các cơ sở dạy nghề đã tuyên truyền, khảo sát nhu cầu học nghề để xây dựng các mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Đa dạng các hình thức dạy nghề, linh hoạt gắn với tạo việc làm cho nông dân nhất là nông dân nghèo, dân tộc

thiếu số tại địa bàn nông thôn. Đó cũng là những hoạt động đáng được biểu dương và khen thưởng của một số cơ quan, ban ngành khi thực hiện đề án.

- Nhiều địa phương đã quan tâm tuyên truyền, vận động, huy động học viên đến lớp học nghề, ... công tác ĐTN cho LĐNT được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú đã tạo điều kiện thuận lợi để người lao động đăng ký tham gia học nghề ... Nhiều lao động học nghề xong đã tự tạo được việc làm tại địa phương hoặc được tư vấn giới thiệu việc làm ở các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Các chính sách hỗ trợ học nghề được thực hiện khá tốt, hỗ trợ đúng đối tượng, đúng định mức.

- Gắn đào tạo nghề với chiến lược quy hoạch kinh tế - xã hội của thành phố, với chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

- Hiệu quả đào tạo nghề nói chung được nâng cao.

- Đào tạo nghề phù hợp đặc điểm lao động của từng khu vực.

- Phần lớn người lao động nông thôn nắm rõ quyền lợi và trách nhiệm trong việc học nghề, cơ hội học được tìm việc làm tốt.

- Công tác dạy nghề tạo việc làm cho người lao động gắn kết làng nghề với doanh nghiệp đạt nhiều hiệu quả, làm tăng thu nhập của người lao động, tạo sự thuận lợi cho công tác xóa đói giảm nghèo. Đặc biệt công tác tổ chức đào tạo nghề tạo công ăn việc làm cho người dân, giúp cho nhiều hộ gia đình thoát khỏi tình trạng khó khăn.

- Nhờ đào tạo nghề, giá trị sản phẩm người lao động tạo ra được tăng cao, góp phần tăng giá trị xuất khẩu các sản phẩm của tỉnh.

- Mức sống người lao động sau đào tạo tăng khi áp dụng kiến thức đào tạo vào sản xuất nâng cao đời sống, góp phần nâng cao mức sống người dân trong tỉnh nói chung.

- Các cán bộ ban, ngành, đoàn thể triển khai đào tạo được hướng dẫn rõ về chính sách và nội dung đào tạo qua những buổi tập huấn cán bộ, đi theo đúng đề án của Chính Phủ và của thành phố. Góp phần đưa nội dung đào tạo một cách đúng đắn và tiếp cận vào nhu cầu của người lao động ở nông thôn.

- Nhìn chung, chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn đã được triển khai thực hiện đến các địa phương. Các chính sách theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg đã hỗ trợ cho nhiều đối tượng, từ đó đã khuyến khích nhiều người dân đăng ký học nghề.

- Danh mục nghề ngày càng phong phú và đa dạng, từ đó giúp cho lao động nông thôn lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, tạo được việc làm tại gia đình tăng thu nhập, đời sống người dân ổn định hơn trước.

- Cơ sở dạy nghề năng động tích cực mở nhiều lớp dạy nghề để cung ứng nguồn lao động cho doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Số lượng lao động tham gia học nghề ngày càng nhiều, góp phần nâng chất nguồn nhân lực và nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

- Chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn đã mang lại một số kết quả khả quan: Góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng nguồn lực lao động tại địa phương, tạo điều kiện cho người trong độ tuổi lao động thuộc nhiều trình độ đều được học nghề.

Kết quả hoạt động dạy nghề cho lao động tại thành phố Châu Đốc trong 3 năm qua như sau:

Năm	Số học viên		
	Tổng số học viên	Theo cấp trình độ	
		Sơ cấp	Dạy nghề dưới 3 tháng
2016	1.204	75	1.129
2017	1.251	60	1.191

2018	1.408	60	1.348
Tổng	6.041	195	3.668

Đến cuối năm 2018, tỷ lệ lao động nông thôn đã qua đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc là 68%.

2.4.1.2. Nguyên nhân đạt được

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố Châu Đốc, cùng với sự hỗ trợ, phối hợp của các phòng, ban, Đảng ủy, UBND các phường, xã trong công tác đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Nhờ công tác tuyên truyền, vận động luôn được tăng cường trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin về các chế độ chính sách hỗ trợ người lao động học nghề, giải quyết việc làm, cụ thể như: Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo đơn đặt hàng; chính sách hỗ trợ học nghề ngắn hạn cho các đối tượng đặc thù theo quy định, ...

Từ đó, giúp cho nhận thức của người dân về đào tạo nghề có sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực hơn, người dân tham gia học để có kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp đúng đắn nhằm tạo việc làm ổn định.

- Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên, đã góp phần quan trọng nâng cao tay nghề người học, tìm kiếm việc làm, tạo thu nhập và nâng cao mức sống cho người lao động.

- Công tác đào tạo nghề được thực hiện đa dạng dưới nhiều hình thức nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Khi học nghề xong, người học có thể tự tạo việc làm tại địa phương hoặc được tư vấn giới thiệu việc làm ở các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Bên cạnh đó, đào tạo nghề ngày càng được quan tâm nhiều hơn, cũng như đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao nguồn nhân lực, giải quyết tình trạng thất nghiệp và giảm nghèo.

- Công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm hơn; chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề nghiệp được nâng cao.

- Danh mục nghề ngắn hạn ngày càng phong phú và đa dạng giúp người lao động dễ chọn lựa ngành nghề phù hợp năng lực và trình độ học vấn.

2.4.2. Những hạn chế và những vấn đề đặt ra

Bên cạnh những ưu điểm, thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc vẫn còn một số hạn chế, yếu kém chậm khắc phục nên đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả dạy nghề, cụ thể như:

- Tuy bước đầu có kết quả, song dạy nghề cho lao động nông thôn nói chung chưa hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra. Việc triển khai đặt hàng dạy nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho một số đối tượng đạt thấp. Kết quả, hiệu quả dạy nghề cho lao động nông thôn chưa đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Việc xác định danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn, nhất là danh mục nghề nông nghiệp còn dàn trải, chưa xuất phát từ quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và yêu cầu làm nông nghiệp tiên tiến hiện đại gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đối tượng lao động nông thôn học nghề và lao động nông thôn sau khi học nghề được vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm còn rất hạn chế.

- Kinh phí hỗ trợ ĐTN lao động nông thôn từ Chương trình MTQG, Chương trình MT từ năm trước chuyển sang năm sau chậm nên đa số các huyện, thị, thành phố không chủ động được việc thực hiện ký hợp đồng ĐTN lao động nông thôn.

- Một số địa phương chưa quan tâm gắn ĐTN với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chưa gắn với giải quyết việc làm cho người lao động; chương trình đào tạo và thời gian đào tạo ở một số lớp nghề chưa đảm bảo nên một số lao động sau đào tạo chưa tìm được việc làm phù hợp; cơ sở đào tạo không thường xuyên kiểm tra, giám sát lớp, kiểm tra đầu ra của học viên ... nên chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu, hiệu quả ĐTN ở một số địa phương chưa cao.

Trình độ đào tạo nghề cho lao động nông thôn chủ yếu sơ cấp nghề và dạy nghề ngắn hạn nên sau khi học xong người lao động không đáp ứng được nhu cầu

tuyển dụng của doanh nghiệp. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề của địa phương, cả ngắn hạn và dài hạn, chưa theo kịp yêu cầu thực tế, nhất là với những nghề phi nông nghiệp. Dẫn đến tình trạng nhiều lao động nông thôn không mặn mà với việc học tập và chuyển đổi nghề mới. Nhiều địa phương còn lúng túng trong việc xác định nghề, định hướng đào tạo nghề chưa thật sự phù hợp với người học và chuyển dịch cơ cấu lao động. Việc cung cấp cho người học thông tin về khả năng làm việc, tạo việc làm sau đào tạo và thu nhập tối thiểu khi tuyển dụng, hoặc doanh nghiệp tạo việc làm gia công cho người lao động còn mang tính hình thức. Việc thẩm định nghề đào tạo và khả năng của người học của các xã chưa sâu sát. Thực tế này không chỉ xảy ra ở riêng thành phố Châu Đốc. Bởi qua giám sát của các cơ quan chức năng, đây là những hạn chế đang diễn ra tại không ít địa phương trong quá trình triển khai thực hiện đề án. Đó là chưa kể đến sự thiếu gắn kết giữa việc thực hiện đề án với các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác có dạy nghề cho lao động nông thôn ở địa phương, dẫn đến chồng chéo trong thực hiện, không quản lý, theo dõi, thống kê được số lao động nông thôn, thiếu quy định cụ thể như thế nào là có việc làm và tỷ lệ có việc làm sau học nghề.

Ở thành phố Châu Đốc, doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là vừa và nhỏ nên sức hút lao động còn thấp, chủ yếu là sử dụng lao động phổ thông nên việc phối hợp giải quyết việc làm sau đào tạo còn gặp khó khăn. Dù đơn vị chức năng đã nhiều lần làm cầu nối với các doanh nghiệp trên địa bàn và vùng lân cận nhưng nhu cầu tuyển dụng không cao. Trong khi đó nguồn kinh phí đào tạo có hạn nên chỉ đủ để học viên biết việc chứ không thể giỏi nghề, còn việc tự túc học để nâng cao tay nghề rất ít học viên thực hiện. Rồi thời gian đào tạo nghề cho lao động nông thôn hiện nay quá ngắn. Trong khi, một số công ty, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đòi hỏi trình độ kỹ thuật ngành nghề cao hơn chứng chỉ 6 tháng như: Điện, gia công sắt thép, ... nhưng đào tạo lao động nông thôn chỉ đào tạo 3 tháng, không phù hợp với yêu cầu của công ty. Chi phí thuê mướn các cơ sở đào tạo cao, không đủ trang thiết bị để giảng dạy, phương tiện thực hành chưa phù hợp với trình độ hiện nay để tạo điều kiện cho các học viên sau đào tạo có thể sử dụng.

- Công tác thống kê, báo cáo về thực trạng nhu cầu việc làm và số lượng cần đào tạo chưa kịp thời.

- Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác dạy nghề chưa đáp ứng so với nhu cầu kế hoạch. Vốn đầu tư cho các chương trình dự án bị lãng phí do công tác đào tạo nghề cho lao động còn nhiều bất cập, hiệu quả đầu tư chưa cao. Chậm trễ và thiếu hụt trong việc đưa các trang thiết bị đầu tư cho đào tạo nghề vào sử dụng.

Một số cơ sở ĐTN đã được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề từ ngân sách Trung ương và địa phương nhưng chưa có kế hoạch đưa vào khai thác, sử dụng phục vụ giảng dạy để phát huy hiệu quả trong đào tạo.

- Các ngành nghề tuy đã xây dựng được mô hình tạo việc làm sau học nghề, nhưng quy mô còn nhỏ, chưa thật sự bền vững.

- Lao động nông thôn chủ yếu ghi danh để lấy tiền hỗ trợ, người lao động được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn và đi lại theo thực tế ngày học khi đủ các điều kiện sau: Tham gia khóa học đạt 75% số tiết của nghề đào tạo, phải tham gia thi kiểm tra cuối khóa học được thông báo trước khi khai giảng khóa học.

Ngoài ra, có một số lao động ở các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp, do trình độ văn hóa thấp, ý thức chấp hành kỷ luật kém đã bỏ học giữa chừng, tham dự khóa học không đủ thời gian quy định, do đó không đủ điều kiện để được tham dự kiểm tra cuối khóa dẫn đến không được cấp chứng chỉ nghề. Điều này ảnh hưởng chung đến kế hoạch đề án 1956 đã đặt ra.

- Nhiều lao động nông thôn có trình độ học vấn thấp phải làm thuê kiếm sống hàng ngày, nên rất khó trong việc vận động tham gia học nghề, chỉ có thể tham gia học các lớp nghề ngắn hạn nên sĩ số lớp học luôn biến động, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo; một số đối tượng đặc thù khó huy động đến lớp như: Người tàn tật, lao động hộ nghèo, lao động dân tộc thiểu số ...

- Công tác tuyên truyền vận động ở một số địa phương chưa được thường xuyên, sâu rộng; nhận thức về học nghề để có việc làm của người lao động chưa cao.

- Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Nhà nước về xuất khẩu lao động sau đào tạo chưa được thường xuyên, do đó hiệu quả chưa cao và chưa có sức lan tỏa sâu rộng.

- Các Cơ sở giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, sau khi hợp nhất lại, hầu hết thừa giáo viên dạy văn hóa, nhưng thiếu giáo viên dạy nghề. Hầu hết các cơ sở hợp đồng giáo viên bên ngoài theo tiến độ mở lớp, đa số là người có tay nghề đang hành nghề (thợ lành nghề), chưa đạt chuẩn theo quy định đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

- Sự phối hợp giữa các ngành chức năng với cơ sở ĐTN và các doanh nghiệp có lúc chưa chặt chẽ; một số địa phương không có doanh nghiệp để phối hợp ký kết 3 bên nên việc ĐTN chưa gắn kết được với giải quyết việc làm hoặc bao tiêu sản phẩm cho người lao động đã ảnh hưởng đến hiệu quả ĐTN. Cơ sở ĐTN ngoài công lập và doanh nghiệp tham gia đào tạo còn ít.

2.4.3. Bài học kinh nghiệm

- Phường, xã nào có sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, UBND thì nơi đó hiệu quả học nghề cao hơn.

- Các đoàn thể như: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên tích cực tham gia thì công tác vận động tốt hơn.

- Củng cố và hoàn chỉnh cơ cấu, thành phần Ban chỉ đạo thực hiện Đề án các cấp, quán triệt quy chế hoạt động Ban chỉ đạo, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp giữa các thành viên để việc triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động của Đề án được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

- Công tác tuyên truyền tư vấn về học nghề và việc làm cho lao động, cho các đối tượng như học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông, thanh niên, hội viên các đoàn thể ở cơ sở; sự phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể, cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, ... là cơ sở để đẩy mạnh công tác dạy nghề, giải quyết việc làm trong nhân dân.

- Cần liên kết đào tạo với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, cơ hội có việc làm của người lao động sẽ cao. Ngoài công tác tuyên truyền trên thông tin đại chúng, cần phát huy thêm công tác tư vấn trực tiếp theo nhóm hộ để người dân tìm hiểu kỹ hơn không bỡ ngỡ trước khi đăng ký học nghề. Tùy theo tình hình sinh hoạt của các hội đoàn thể mà lồng ghép vào cho phù hợp với đối tượng, để cho lao động nông thôn nắm rõ được chính sách, biết được quyền lợi của mình nên tự chọn ngành nghề phù hợp với điều kiện cá nhân và gia đình.

- Cần nâng cao công tác tuyên truyền để làm thay đổi nhận thức của người lao động về học nghề tạo việc làm và thu nhập cho bản thân và gia đình, nhất là đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

Chương 3.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC HIỆN NAY

3.1. Định hướng và mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời gian tới

3.1.1. Định hướng phát triển của thành phố trong thời gian tới

Với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị thành phố và sự đồng tình, thống nhất của nhân dân đã nỗ lực, phấn đấu khắc phục mọi khó khăn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đạt và vượt 16/16 chỉ tiêu, chủ yếu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; an ninh quốc phòng được bảo đảm; đời sống người dân ngày càng được nâng lên, tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của thành phố trong thời gian tới.

Năm 2018 tiếp tục được xác định là “Năm Du lịch và Văn minh đô thị”, thành phố Châu Đốc tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, cùng với thuận lợi được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2098/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia (KDLQG) Núi Sam tỉnh An Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Quyết định 2098), nhằm khai thác hợp lý thế mạnh về du lịch văn hóa - tâm linh, kết hợp đầu tư khai thác phát triển các loại hình du lịch vui chơi, giải trí, khám phá, thể thao và nghỉ dưỡng để trở thành một điểm đến du lịch có chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao và khắc phục tính thời vụ trong hoạt động du lịch, gắn với bảo tồn nghiêm ngặt và phát huy giá trị hệ thống di tích và thắng cảnh, phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc phòng, ..., phấn đấu đến trước năm 2025, phát triển KDL Núi Sam đáp ứng các tiêu chí của Khu DLQG, đến năm 2030, KDLQG Núi Sam trở thành trung tâm du lịch đặc sắc về văn hóa tâm linh của vùng Đồng bằng

sông Cửu Long và cả nước, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc đã đề ra một số giải pháp thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý Nhà nước, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm có tính đột phá, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, có sức cạnh tranh cao, thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố.

- Phát triển đồng bộ mạng lưới kết cấu hạ tầng du lịch, dịch vụ, thương mại trên cơ sở thực hiện đồng bộ hệ thống giao thông đô thị, xây dựng cảnh quan môi trường; triển khai thực hiện tốt Kế hoạch truyền thông, xúc tiến, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng thương hiệu du lịch Châu Đốc giai đoạn 2018 - 2025; gắn phát triển du lịch kết hợp với đảm bảo an ninh quốc phòng; thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định thị trường, tăng cường kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường.

- Trên cơ sở Quyết định 2098 của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra 7 định hướng phát triển và 8 nhóm giải pháp thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xây dựng kế hoạch phân kỳ thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị tham mưu, ưu tiên để thực hiện hoàn thành Quy hoạch.

- Triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 59/CTr-UBND ngày 13/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phát triển hạ tầng du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện hoàn chỉnh quy hoạch và lập dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Vĩnh Tế; tập trung nguồn lực phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế nhằm phục vụ du lịch; đẩy mạnh công tác khuyến công; nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo quy hoạch.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch không còn phù hợp và lập mới các đồ án phân khu cũng như chi tiết để đáp ứng kịp thời tình hình phát triển kinh tế - xã hội thành phố;

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng giá trị và chất lượng nông sản đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, khuyến khích tổ chức sản xuất theo hướng quy hoạch lại các tiểu vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa, mà trọng tâm là mở rộng

diện tích ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nhân rộng thực hiện mô hình “cánh đồng lớn” tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Song song với việc nâng chất các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng Đề án thành lập phường Vĩnh Tế và phường Vĩnh Châu.

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở các cấp học; chú trọng công tác đào tạo nghề đặc biệt là đối với nghề trọng điểm mà Tổng cục dạy nghề đã giao cho tỉnh An Giang và đặt tại trường Trung cấp nghề Châu Đốc, đó là Nghề nghiệp vụ Nhà hàng. Trong đó, có hàng loạt ngành nghề phục vụ cho ngành du lịch nhằm giúp Châu Đốc phát huy thế mạnh phát triển lĩnh vực dịch vụ thương mại du lịch. Đồng thời góp phần cho thành phố thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, giải quyết việc làm tại địa phương, thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo.

- Tăng cường thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết, chính sách về tôn giáo, dân tộc; Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới, ổn định trật tự an toàn xã hội, phòng chống các loại tội phạm, kiên quyết xử lý các tệ nạn xã hội, triển khai có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và đảm bảo an ninh nông thôn; phát triển tốt mối quan hệ hữu nghị truyền thống với phía bạn Campuchia; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước; Triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án phát triển nguồn nhân lực.

Năm 2018, tỉnh An Giang xác định du lịch là khâu đột phá, thành phố Châu Đốc cũng xác định đây chính là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, hiện có nhiều doanh nghiệp đã và đang triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn. Do đó, cần tập trung phát triển, nâng cao hiệu quả, chất lượng các nguồn lực đầu tư, nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án, tăng cường kỷ luật kỷ cương, đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ... Do đó, đòi hỏi sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự vận dụng linh hoạt các chính sách, chủ trương, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn, sự đồng hành của doanh nghiệp và sự đồng tình của người dân, từng ngành, từng cấp chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết và đề ra giải pháp thực hiện khả thi, phù hợp thực tiễn, tận

dụng tốt thời cơ, vượt qua thách thức, khó khăn để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

Đặc biệt, trong những năm tới chiến lược phát triển đào tạo nghề cho LĐNT phải gắn với nhu cầu lao động của từng ngành nghề cả về số lượng và chất lượng, có như vậy mới đảm bảo tính hiệu quả của công tác đào tạo nghề.

3.1.2. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố trong thời gian tới

Căn cứ Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2016 - 2020 cả nước phải đào tạo nghề cho 6.000.000 lao động nông thôn, trong đó:

+ Khoảng 5.500.000 lao động nông thôn được đào tạo nghề (1.400.000 người học nghề nông nghiệp; 4.100.000 người học nghề phi nông nghiệp). Sau đào tạo, ít nhất 80% số người học có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn;

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho khoảng 500.000 lượt cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.”

Căn cứ vào phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Châu Đốc; căn cứ nguyện vọng, nhu cầu học nghề của LĐNT trong thành phố, các cấp, các ngành của thành phố đã có chiến lược phát triển công tác đào tạo nghề và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT phù hợp với nội dung và nhu cầu thực tế của từng đối tượng.

Trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Châu Đốc nhiệm kỳ 2016 - 2020 của UBND thành phố Châu Đốc, dự báo đến năm 2020 dân số toàn thành phố vào khoảng 112.059 người và lực lượng lao động trong độ tuổi dự kiến khoảng 76.441 người và có khoảng trên 9.000 người bước vào độ tuổi lao động có nhu cầu đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

Theo đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc, đến năm 2020 Châu Đốc phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, theo cơ cấu đào tạo, cấp đào tạo: Trung cấp nghề trở lên đạt 15%, sơ cấp nghề đạt 25%, dạy nghề thường xuyên đạt 60%. Đối với nghề Quản lý Nhà hàng - khách sạn tập trung đào tạo các nghề như: Quản lý nhà hàng - khách sạn; Kỹ thuật phục vụ nhà hàng, quán ăn nông thôn; Nghiệp vụ chế biến món ăn, ... được thể hiện trong bảng 3.1:

Bảng 3.1. Hướng đào tạo nghề dịch vụ du lịch cho lao động thành phố đến năm 2020

STT	Ngành nghề đào tạo	Số lượng học viên	Thời gian đào tạo
1	Quản lý nhà hàng - khách sạn	30 - 60 học viên/năm	1 - 3 tháng
2	Kỹ thuật phục vụ nhà hàng, quán ăn nông thôn	30 - 60 học viên/năm	1 - 3 tháng
3	Nghiệp vụ chế biến món ăn	20 - 40 học viên/năm	1 - 3 tháng
4	Nghiệp vụ lễ tân	20 - 30 học viên/năm	1 - 3 tháng
5	Nghiệp vụ phục vụ buồng	20 - 40 học viên/năm	1 - 3 tháng
6	Nghiệp vụ pha chế cocktail	20 - 40 học viên/năm	1 - 3 tháng
7	Nghiệp vụ Nhà hàng	30 - 60 học viên/năm	Trung cấp 2 năm

(Nguồn: Đề án ĐTN cho LĐNT thành phố Châu Đốc đến năm 2020)

Bên cạnh hướng đào tạo nghề cho ngành dịch vụ du lịch thì đề án cũng đưa ra hướng đào tạo nghề cho các ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp khác trong thời gian tới được thể hiện trong bảng 3.2:

Bảng 3.2. Hướng đào tạo các nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp khác cho lao động thành phố đến 2020

STT	Ngành nghề đào tạo	Số lượng học viên	Trình độ đào tạo
	Ngắn hạn		
1	Máy công nghiệp	150	Dưới 3 tháng
2	Kỹ thuật làm hoa voan	30	
3	Chế biến chả lụa heo	60	
4	Chế biến khô cá các loại	60	
5	Kỹ thuật trồng rau màu an toàn	60	
6	Kỹ thuật trồng và thiết kế vườn	30	
7	Sửa chữa xe gắn máy	30	Sơ cấp nghề
8	Xây dựng dân dụng	60	
9	Các nghề khác	90	Dưới 3 tháng
	Dài hạn		
1	Nghiệp vụ Nhà hàng	60	Trung cấp nghề
2	Kỹ thuật sửa chữa, cài đặt, lắp ráp máy tính	60	
3	Kỹ thuật điện lạnh	60	

(Nguồn: Đề án ĐTN cho LĐNT thành phố Châu Đốc đến năm 2020)

LĐNT hiện nay của thành phố Châu Đốc chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lao động trên địa bàn thành phố, đồng thời với nhu cầu phát triển kinh tế thành phố nên một phần diện tích đất nông nghiệp chuyển sang quy hoạch xây dựng khu dịch vụ thương mại, du lịch khiến cho lực lượng lao động bị mất đất sản xuất gây ra tình trạng thiếu việc làm, do đó hướng dạy nghề của UBND thành phố đề ra là cần chú trọng đào tạo nghề cho LĐNT để rút bớt lao động nông nghiệp, nông thôn chuyển sang các ngành kinh tế khác, đồng thời một số doanh

nghiệp đóng trên địa bàn thành phố cần phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề để đào tạo và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

Phát triển các hình thức dạy nghề là một biện pháp nhằm tăng quy mô đào tạo nghề cho LĐNT và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT. Thành phố đã đưa ra kế hoạch để nhân rộng các mô hình tiên tiến về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho LĐNT trên địa bàn thành phố. Trước hết là cần phát triển và nhân rộng các hình thức dạy nghề đã thực hiện tốt trên địa bàn thành phố trong thời gian qua và tiếp tục mở thêm các hình thức dạy nghề mà thành phố chưa triển khai để phục vụ cho nhu cầu học nghề của người lao động trong thành phố. Đồng thời, khắc phục những yếu kém còn tồn tại trong quá trình dạy nghề cho người lao động để nâng cao được chất lượng các khóa đào tạo nghề.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn của thành phố Châu Đốc hiện nay và trong những năm tiếp theo

Tình hình kinh tế - xã hội tuy có những mặt tiến bộ và phát triển tốt nhưng bên cạnh đó còn không ít khó khăn và thách thức. Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn, thất nghiệp ở khu vực thành thị còn nhiều; trình độ dân trí, tay nghề và chất lượng nguồn lao động còn hạn chế; quan hệ lao động chưa thật sự ổn định; đảm bảo an sinh xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc, ... Đào tạo nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm, ổn định đời sống người lao động là một trong những nhiệm vụ trọng tâm luôn được lãnh đạo thành phố, các ngành chức năng quan tâm và cũng là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của ngành luôn được quan tâm thực hiện. Vì vậy, một số nhiệm vụ và giải pháp cơ bản cần triển khai thực hiện là:

3.2.1. Các giải pháp từ phía Nhà nước và chính quyền địa phương

- Tuyên truyền sâu rộng về vai trò, ý nghĩa của đào tạo nghề đối với sự phát triển của xã hội... là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cấp ủy, Đảng, chính quyền và toàn xã hội.

- Các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các hội, đoàn thể nghề nghiệp tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về

đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động các thành viên của mình tham gia học nghề.

- Đài truyền thanh thành phố, kết hợp với đài truyền thanh các phường, xã trong thành phố có chuyên mục sâu rộng về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề, vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập để người dân biết và tích cực tham gia học nghề; tuyên truyền, phổ biến các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội, của cán bộ, công chức xã và lao động nông thôn về vai trò của đào tạo nghề đối với việc tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền các cấp trong việc triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề ở địa phương, phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể trong công tác đào tạo nghề.

- Tăng cường công tác hướng dẫn quản lý nghiệp vụ quản lý đào tạo nghề đối với cán bộ Lao động - Thương binh và xã hội các phường, xã trong thành phố. Thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo nghề, công nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nghề.

- Triển khai thực hiện tốt và kịp thời các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nhằm tạo điều kiện cho người lao động thuộc hộ nghèo, LĐNT, người dân tộc thiểu số, bộ đội, công an phục viên, xuất ngũ, người thuộc đối tượng chuyển đổi nghề, phụ nữ mất việc làm, lao động các xã đặc biệt khó khăn, ... có điều kiện tham gia học nghề.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo đã đề ra; tình hình quản lý và sử dụng kinh phí đầu tư để nâng cao chất lượng và hiệu quả GDNN.

3.2.2. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đề án sâu rộng đến người lao động ở khắp các vùng nông thôn của thành phố, đặc biệt là ở vùng đặc biệt khó khăn.

- Nâng cao trình độ văn hóa và định hướng nghề cho lao động nông thôn

- Cần điều tra, thống kê số lượng lao động nông thôn cần đào tạo, số lượng nghề có thể đào tạo.

- Điều tra, xác định rõ nhu cầu, mong muốn được đào tạo của người lao động nông thôn. Gắn kết nhu cầu với kế hoạch đào tạo giúp người lao động hiểu rõ quyền và lợi ích họ có được sau khi được đào tạo.

- Chính sách tạo việc làm cho người lao động sau đào tạo cần được tính hỗ trợ hơn nữa, tăng cường triển khai thường xuyên các chương trình về đào tạo nghề cho người lao động.

3.2.3. Mở rộng hình thức và ngành nghề đào tạo; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với tình hình phát triển hiện nay của địa phương

Hiện nay, nhu cầu học nghề của bộ phận LĐNT bao gồm nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi khác nhau với mong muốn được học những ngành nghề sau này có cơ hội tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao. Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề cho LĐNT cần tích cực rà soát, tìm hiểu nhu cầu đối tượng, lứa tuổi có nhu cầu học nghề, đồng thời cần phải nắm bắt rõ nhu cầu tuyển dụng lao động của DN trên địa bàn và các vùng lân cận để có chiến lược phát triển các hình thức và ngành nghề đào tạo đáp ứng được nhu cầu đó.

Bên cạnh đó nội dung, hình thức đào tạo nghề cũng cần thay đổi sao cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Có như vậy mới tạo sự tin tưởng và thu hút được lực lượng LĐNT đến học nghề, góp phần vào giải quyết vấn đề đào tạo nghề cho LĐNT.

Trong giai đoạn tới các CSDN của thành phố có một số giải pháp sau để phát triển công tác đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động của thành phố:

+ Điều tra, khảo sát, thu thập, xác định nhu cầu, ngành nghề đào tạo phù hợp về số lượng và cơ cấu nghề nghiệp, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh, ngoài nước; khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân có sử dụng lao động tham gia đào tạo nghề nghiệp cho lao động, đào tạo phải gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; đào tạo phải đáp ứng nhu cầu học nghề của người dân, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

+ Tiếp tục công tác khảo sát nhu cầu học nghề của lao động đặc biệt là các lao động trong các hộ gia đình bị thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp, giao thông hay các công trình phúc lợi; khảo sát để nắm bắt tình hình của học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường. Phân luồng đối tượng học nghề, ngành nghề và hình thức học nghề của từng đối tượng để từ đó lên kế hoạch triển khai mở rộng ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo, nội dung đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền thông qua nhiều kênh thông tin, trên mọi phương tiện thông tin đại chúng về công tác đào tạo nghề để người lao động có thể hiểu rõ giá trị nghề nghiệp trong cơ chế thị trường hiện nay; động viên, khuyến khích bộ phận LĐNT đi học nghề để có cơ hội tìm kiếm việc làm mới có thu nhập cao nhằm nâng cao mức sống cho bản thân và gia đình.

+ rà soát, cập nhật và đổi mới nội dung chương trình, giáo trình theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất; đảm bảo đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ. Thường xuyên chủ động mở các mã ngành nghề đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương và của thị trường lao động.

- Các CSDN cần định kỳ điều chỉnh lại chương trình đào tạo theo hướng xác định mục tiêu đào tạo phù hợp với yêu cầu TTLĐ; xác định tỷ lệ phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, đặc biệt ưu tiên nhiều thời gian dạy thực hành để nâng cao kỹ năng nghề cho người học. Một số lĩnh vực sản xuất (chủ yếu là nông nghiệp) mang

tính thời vụ chỉ diễn ra ở thời điểm nhất định trong năm hoặc chu kỳ sản xuất kéo dài... nên sẽ khó khăn cho việc thực hiện các phần thực hành, tham quan, trải nghiệm thực tế. Do đó, trong chương trình đào tạo cần căn cứ đặc thù nghề để xác định thời gian, phương pháp và hình thức đào tạo để quá trình đào tạo luôn gắn liền với thực tế lao động sản xuất.

- Giáo trình, tài liệu học tập cũng là một trong những hạn chế trong ĐTN cho LĐNT, không chỉ thiếu về số lượng mà ngay cả những giáo trình, tài liệu hiện tại phần lớn chưa phù hợp với đối tượng sử dụng là LĐNT học nghề do nội dung trình bày vẫn nặng tính hàn lâm, trong khi người học nghề có trình độ văn hóa khá thấp. Chính vì thế, ngoài đảm bảo cung cấp đủ số lượng giáo trình, tài liệu các môn học của mỗi chương trình đào tạo cho các học viên, cần phải thay đổi cách xây dựng, cách trình bày nội dung để người học dễ tiếp cận và tiếp thu được kiến thức, như: Biên tập thành những cuốn cẩm nang về nghề, có hình vẽ minh họa, chỉ dẫn chi tiết hoặc dưới dạng video clip hay băng cát sét, ...

- Kiểm duyệt nội dung đào tạo sao cho phù hợp với trình độ dân trí, khả năng tiếp thu của người lao động nông thôn. Phải có những phương pháp đào tạo cụ thể, đa dạng hóa hình thức đào tạo phù hợp với nội dung, đối tượng giảng dạy.

3.2.4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho giảng dạy, học tập

Đặc thù của đào tạo nghề là thời gian thực tập và thực hành nghề chiếm khoảng 70% quỹ thời gian đào tạo. Hiện nay, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho dạy nghề của Trường trung cấp nghề Châu Đốc cũng như các CSDN khác trên địa bàn thành phố (lớp học cộng đồng và các doanh nghiệp, ...) đang trong tình trạng thiếu hụt và chưa được đầu tư đúng mức. Học viên ít được tiếp xúc với máy móc thiết bị mới, công nghệ tiên tiến để thực hành, thực tập. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho đào tạo nghề là một giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động, tạo điều kiện cho học viên có thể học tập, phát huy được năng lực bản thân, nhờ đó chất lượng lao động được nâng lên, đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Tiếp tục hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được Bộ Lao động - Thương binh và xã hội lựa chọn ngành, nghề trọng điểm và dạy nghề cho LĐNT; thực hiện chủ trương xã hội hóa, gắn kết với doanh nghiệp để đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp bằng hình thức góp vốn hay đầu tư trang thiết bị đáp ứng trình độ kỹ thuật cao, hiện đại của xã hội.

Ngoài ra, việc mua sắm thiết bị vật tư phục vụ thực hành thường có độ trễ giữa nhu cầu và thời gian để thực hiện việc mua sắm; do đó cần xây dựng được định mức sử dụng vật tư, xây dựng quy trình mua sắm vật tư để giảm thời gian trễ trong thực hiện việc mua sắm đối với từng nghề nhằm đáp ứng kịp thời cho ĐTN cho LĐNT. Tăng cường xã hội hóa hoạt động ĐTN cho LĐNT bằng việc huy động các nguồn đầu tư từ XH cho các CSDN; hợp tác với DN trong ĐNT để tận dụng cơ sở vật chất, máy móc thiết bị để vừa giảm chi phí đầu tư, vừa gắn đào tạo với nhu cầu thực tế của bên sử dụng LĐ.

3.2.5. Nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đào tạo nghề

Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ở các cơ sở đào tạo nghề đáp ứng chuẩn nhà giáo GDNN theo từng cấp độ đúng quy định.

Giáo viên là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo. Do đó muốn nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải pháp quan trọng là phải nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ giáo viên. Cần lên kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học... cho đội ngũ giáo viên. Hiện nay số lượng giáo viên của trường vẫn chưa đảm bảo, chủ yếu là giáo viên hợp đồng, kinh nghiệm trong thực tế còn hạn chế; đội ngũ cán bộ hành chính còn trẻ, kinh nghiệm trong công tác còn hạn chế. Do đó muốn nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT cần phải tăng thêm chỉ tiêu biên chế cán bộ, giáo viên dạy nghề cho trường có trình độ đạt tiêu chuẩn. Trong giai đoạn 2016 - 2018, trường có kế hoạch:

+ Bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng nâng cao cho đội ngũ giáo viên dạy nghề.

+ Xây dựng các chương trình bồi dưỡng và cải tiến nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề cho giáo viên dạy nghề.

+ Tiếp tục ký hợp đồng dài hạn với những giáo viên có trình độ, có kinh nghiệm giảng dạy, nhiệt tình tâm huyết với nghề và cần có chế độ tiền lương thỏa đáng để họ yên tâm công tác. Ký hợp đồng với các giáo viên thỉnh giảng tham gia các lớp thuộc lĩnh vực dịch vụ thương mại du lịch trên địa bàn thành phố Châu Đốc nói riêng và tỉnh An Giang nói chung.

Để thực hiện được các giải pháp trên thì cần có nguồn kinh phí để đầu tư và phát triển. Hiện nay trường thực hiện đào tạo hoàn toàn miễn phí cho người lao động tại địa phương nên tất cả các khoản chi phí và hoạt động của trường hoàn toàn đến từ nguồn hỗ trợ đầu tư của Nhà nước và đầu tư của tỉnh, thành phố.

3.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình đào tạo nghề

Cần có sự quan tâm và giám sát chặt chẽ từ các cấp lãnh đạo. Luôn theo dõi và kiểm tra thường xuyên công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nhanh chóng rút kinh nghiệm những mặt chưa tốt trong quá trình đào tạo để kịp thời có những phương án hiệu quả hơn.

3.2.7. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động

Tạo việc làm mới và giải quyết việc làm thêm cho người lao động chịu tác động trực tiếp của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ. Yêu cầu về chất lượng lao động của các DN cũng ngày càng khắt khe hơn, do đó để có thể giải quyết việc làm cho LĐNT cần tiến hành nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT. Muốn thực hiện tốt giải quyết việc làm cần thực hiện:

+ Tham mưu với Thường trực Thành ủy, lãnh đạo UBND chỉ đạo Đảng ủy, UBND các phường, xã, các tổ chức, đoàn thể tuyên truyền về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm; đặc biệt tập trung tuyên truyền ở các địa phương có người nông dân bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố.

+ Phối hợp với các doanh nghiệp đẩy mạnh tổ chức thực hiện đào tạo nghề nghiệp gắn với đơn đặt hàng, các mô hình sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng theo công nghệ cao của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

+ Nhân rộng mô hình tiên tiến về đào tạo nghề và giải quyết việc làm: Đào tạo nghề ngắn hạn, đào tạo định hướng xuất khẩu lao động, đào tạo tại các trung tâm học tập cộng đồng, đào tạo tại các DN, cơ sở sản xuất và truyền nghề tại các làng nghề trên địa bàn.

+ UBND thành phố tổ chức chỉ đạo học tập các điển hình tiên tiến trong thành phố.

+ UBND các phường, xã liên kết với các công ty xuất khẩu lao động dưới sự chỉ đạo của UBND thành phố đào tạo, định hướng, tư vấn, hỗ trợ vay vốn và đưa lao động đi xuất khẩu lao động.

Lao động thanh niên là một bộ phận quan trọng không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của từng địa phương nói riêng. Do đó, giải quyết được tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm trong thanh niên; nâng cao thu nhập cho thanh niên đặc biệt là thanh niên nông thôn là một việc hết sức cần thiết và là một giải pháp trong công tác xóa đói giảm nghèo của huyện cũng như công tác chuyển dịch cơ cấu LĐNT sang các ngành nghề khác. Ngoài các giải pháp tạo việc làm cho lao động thanh niên ngay tại địa phương bằng cách khuyến khích, hướng nghiệp cho thanh niên đi vào các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp và tại các làng nghề truyền thống thì việc giải quyết việc làm cho lao động thanh niên trong khu vực công nghiệp, dịch vụ là một giải pháp quan trọng và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của thành phố. Ngoài ra, một giải pháp nữa là giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động cho thanh niên để họ có cơ hội đi làm việc và học hỏi ở các nước trên thế giới.

Trong thời gian tới cần có chính sách thu hút đầu tư các DN trong và ngoài nước đầu tư vào thành phố, mở mang các ngành dịch vụ, cung ứng đầy đủ số lao động có tay nghề, được dạy nghề để đáp ứng yêu cầu tuyển dụng lao động của các

DN. Khuyến khích LĐNT học nghề để tìm việc làm tại các DN; đôn đốc các DN thực hiện cam kết tuyển dụng lao động vào làm việc trong DN.

Mở rộng tiếp nhận các công ty về tuyển lao động đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài; Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện ưu tiên cho vay vốn đối với những người đi xuất khẩu lao động.

Giải quyết được việc làm cho người lao động sau khi đào tạo là một việc làm hết sức có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và trong thời gian tới của thành phố. Công tác đào tạo nghề gắn liền với giải quyết việc làm sẽ là động lực thúc đẩy người lao động có nhu cầu học nghề cao hơn, họ có thể yên tâm học tập, phát huy hết khả năng và ý thức, trách nhiệm của bản thân, từ đó chất lượng lao động sẽ được nâng cao; các cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ tận dụng được nguồn nhân lực tại địa phương đảm bảo về số lượng và chất lượng giúp yên tâm sản xuất kinh doanh.

3.2.8. Xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động

Tăng cường hoạt động tư vấn lựa chọn nghề học và coi hoạt động này là yêu cầu bắt buộc trong quy trình tuyển sinh, đào tạo nghề cho LĐNT; tuy nhiên các địa phương cần sớm có quy hoạch chi tiết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cơ cấu kinh tế, cơ cấu LĐ để làm cơ sở tư vấn lựa chọn nghề sát với thực tế. Đồng thời, tăng cường hoạt động thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm; yêu cầu CSDN phải thiết lập mối quan hệ với DN trong đào tạo và sử dụng LĐ qua đào tạo đối với ít nhất 30% số chương trình đào tạo mà CSDN đăng ký tổ chức đào tạo; mở rộng các chi nhánh sàn giao dịch việc làm tới các phường, xã hoặc các huyện, thị lân cận, ... Tổ chức định kỳ hội chợ việc làm tại các huyện, thị xã, các xã để LĐNT dễ dàng tiếp cận. Xác định chính sách sử dụng LĐNT là một trong những tiêu chí đóng góp với XH, địa phương khi DN đăng ký đầu tư và có cơ chế hỗ trợ thỏa đáng cho những DN tích cực đóng góp vào đào tạo, sử dụng LĐNT qua đào tạo nghề.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề tài góp phần hệ thống hóa lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, khẳng định vai trò quan trọng của công tác đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong công cuộc CNH- HĐH nông nghiệp, nông thôn của đất nước. Thực tiễn hoạt động đào tạo nghề ở một số quốc gia trong khu vực và một số địa phương trong cả nước đã minh chứng cho điều đó. Sự thành công trong công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã đóng góp rất lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước và mỗi địa phương. Ở Việt Nam, công tác đào tạo nghề cho người lao động đặc biệt là lực lượng lao động nông thôn đã có những chuyển biến rõ nét và thu được những kết quả ban đầu đáng khích lệ, nhất là từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1956 về Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến 2020” thì sự quan tâm của các cấp, các ngành đến công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo nghề càng được quan tâm, chỉ đạo sát sao hơn nữa.

Từ quá trình nghiên cứu và tìm hiểu về công tác đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Châu Đốc tôi có một số kết luận như sau:

Thứ nhất: Vai trò của nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đặc biệt là nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn là vô cùng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc.

Thứ hai: Những năm qua, công tác đào tạo nghề của thành phố Châu Đốc đã đạt được những kết quả nhất định. Trong 3 năm 2016 - 2018 bình quân mỗi năm thành phố đào tạo nghề cho khoảng 1.204 lao động nông thôn, tăng bình quân 11,2%/năm. Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề cho LĐNT cũng còn rất nhiều tồn tại, yếu kém cần sớm giải quyết. Hiện nay, các cơ sở dạy nghề của thành phố chưa mở rộng các hình thức dạy nghề nhất là dạy nghề dài hạn hiện nay chưa mở lớp; các ngành nghề đào tạo còn rất hạn chế, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Hình thức đào tạo dài hạn của thành phố hiện nay vẫn chưa được triển khai, lao động của thành phố được đào tạo tại các lớp học sơ cấp từ 1 đến 3 tháng và các lớp học tại cộng đồng với thời gian dưới 3 tháng chiếm tỷ lệ trên 90%.

Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc.

Thứ ba: Đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc - Tỉnh An Giang. Giải pháp mà đề tài đưa ra phù hợp với tình hình phát triển chung của thành phố Châu Đốc. Các giải pháp trên góp phần hạn chế những tồn tại, khó khăn, yếu kém mà công tác đào tạo nghề trên địa bàn đang gặp phải. Khi triển khai công tác đào tạo nghề trong những năm tới thì cần lựa chọn và ưu tiên những giải pháp trọng yếu và phù hợp với tình hình cụ thể của từng giai đoạn phát triển.

2. Kiến nghị

**** Với Nhà nước***

Đề nghị Chính phủ, Nhà nước và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành chính sách, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động về lĩnh vực dạy nghề theo quy định của pháp luật để thuận lợi cho địa phương trong quá trình chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề. Bên cạnh đó, cần tiếp tục cấp vốn theo chương trình mục tiêu hàng năm để tăng cường thiết bị dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề, đặc biệt là cấp thành phố.

**** Với chính quyền địa phương thành phố Châu Đốc***

UBND thành phố tiếp tục quan tâm đầu tư cho chương trình đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT. Cần bổ sung thêm vốn ngân sách của thành phố để tăng cường trang thiết bị dạy nghề tạo điều kiện cho các cơ sở dạy nghề của thành phố mở rộng quy mô và phát triển hình thức, ngành nghề đào tạo.

**** Với cơ sở đào tạo nghề***

Tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô và hình thức dạy nghề, xây dựng chương trình dạy nghề cho người lao động phù hợp với mô đun của Bộ giáo dục và đào tạo quy định và tình hình thực tế của người lao động tại địa phương. Liên kết

với các cơ sở đào tạo nghề khác và các DN để thực hiện đào tạo các ngành nghề cho người lao động phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương. Cần linh hoạt trong quá trình đào tạo, mở rộng các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn và các ngành nghề khác để đáp ứng được nhu cầu học tập của người lao động tại địa phương.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010), *Dự thảo “Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020”*.
2. Bùi Thị Ngọc Thoa, “*Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội*”, tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp.
3. Hoàng Văn Phai (2011), “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở nước ta hiện nay: Vấn đề cần quan tâm*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 3/2011.
4. Lê Hoàng Thuyên (2010), *Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hà Nam*, Luận văn Thạc sỹ - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
5. Lê Long, “*Thị xã Tân Châu: Với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn*” chuyên trang xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang. Nguồn <http://nongthonmoi.angiang.gov.vn/tin-cac-huyen/2011/thi-xa-tan-chau-voi-cong-tac-dao-tao-ghè-cho-lao-dong-nong-thon.aspx> truy cập ngày 22/3/2012.
6. *Niên giám thống kê thành phố Châu Đốc năm 2016, 2017 và 2018*, NXB thống kê.
7. *Nghị quyết số 04-NQ-TU ngày 24/11/2015 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Châu Đốc về đảm bảo nhà ở, xóa nghèo, đào tạo nghề và giải quyết việc làm giai đoạn 2016 - 2020*, Châu Đốc.
8. Phạm Thị Khánh Quỳnh (2010), “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam*”, khóa luận tốt nghiệp - trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
9. Phương Minh (2011), “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn*” báo Quảng Trị Online. Nguồn <http://baoquangtri.vn/default.aspx?TabID=75&modid=386&ItemID=47231> ngày truy cập 22/3/2012.

10. Sở Lao động - TB&XH An Giang (2018), *Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.*

11. Thành ủy Châu Đốc (2017), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn”.*

12. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”*

13. Trần Thị Thu (2010), *“Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định”* khóa luận tốt nghiệp - trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

14. Từ Lương (2012) *“Đề án 1956: Hiệu quả rõ nét sau 2 năm thực hiện”.* Báo điện tử nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nguồn <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/De-an-1956-Hieu-qua-ro-net-sau-2-nam-thuc-hien/20121/106258.vgp> truy cập ngày 18/3/2012.

15. UBND tỉnh An Giang (2010), *Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 28/12/2010 về phê duyệt việc triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.*

16. UBND thành phố Châu Đốc (2010), *Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 30/12/2010 về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.*

17. <https://ngaymoionline.com.vn/thi-xa-tan-chau-tinh-an-giang-dat-nhieu-ket-qua-tot-trong-cong-tac-phat-trien-nguon-nhan-luc-va-cai-cach-hanh-chinh-4138.html>

18. <http://baoangiang.com.vn/no-luc-dao- tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-a241351.html>

19. <http://www.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1074/53455/an-giang-dao- tao-nghe-cho-gan-8000-lao-dong-nong-thon>

20. <http://nongthonmoi.angiang.gov.vn/>

21. <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=24826>
22. [http://chaudoc.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/trang-chu/cdp-tongquan/ctp-dieukientunhien!/ut/p/z1/04_iUIDgAgL9CCADyIQSuGj9qLzEssz0xJLM_LzEHP0I_cg os3hLSxdPA28TQx93V0dzA0cPH3MjH1NLQwMzQ30v_Sj8CgqyAxUBexNyGQ!//](http://chaudoc.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/trang-chu/cdp-tongquan/ctp-dieukientunhien!/ut/p/z1/04_iUIDgAgL9CCADyIQSuGj9qLzEssz0xJLM_LzEHP0I_cg os3hLSxdPA28TQx93V0dzA0cPH3MjH1NLQwMzQ30v_Sj8CgqyAxUBexNyGQ!/)
23. http://chaudoc.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/trang-chu/cdp-xem!/ut/p/z0/fYzLDoIwFAW_hmXTh8ilSxKNLz4AuiGXtkKFtBJa4-dLXLlyd2YyOVTRhiqPLzdgdMHjvHGrik7Kw4Xdcl6fjhWw6lyDqPeSsxLolar_w fbgHsuiKqp08NG-I21m13d6xGSCztiK5HdH52PSa5qc9V8xBowm-CH13ozGm4zZnRDIgRNAa0le5IxIAE16jiWUpuDibuhzUu0HSHhrvw!!/
24. <https://baomoi.com/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-can-chu-trong-chat-luong-hieu-qua/c/28002919.epi>
25. <http://baodantoc.com.vn/kinh-te-xa-hoi/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon.html>
26. <http://baovinhphuc.com.vn/kinh-te/48113/kho-khan-trong-cong-tac-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon.html>
27. <https://www.nhandan.com.vn/xahoi/item/32808202-nhung-han-che-bat-cap-trong-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon.html>
28. <http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/nang-cao-hieu-qua-thuc-hien-chinh-sach-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-o-tinh-son-la-28797.htm>
29. <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2011/12322/Dao-tao-nghe-cho-nong-dan-trong-thoi-ky-hoi-nhap-quoc.aspx>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dùng cho người lao động)

Phiếu số Ngày điều tra:.....

Thưa: Anh/chị

Tôi là học viên khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. HCM. Tôi đang thực hiện đề tài: **“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang”**. Mong anh/chị vui lòng tham gia giúp đỡ tôi trả lời các câu hỏi sau đây:

I. Thông tin chung về người lao động

Họ và tên người lao động:

Phường/xã....., thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Năm sinh:..... Giới tính: (Nam, Nữ)

II. Các thông tin cụ thể

1) Anh/chị có tham gia học tại lớp đào tạo nghề tại địa phương không?

Có

Không

Nếu không thì anh/chị có nhu cầu tham gia học nghề tại địa phương không?

Có Anh/chị muốn học ngành, nghề gì?.....

Không:

Bởi vì: + Đào tạo chưa gắn với giải quyết việc làm

+ Do tâm lý muốn học một chương trình cao hơn

+ Do điều kiện kinh phí

+ Do chất lượng đào tạo nghề không đảm bảo

2) Anh/chị có được cung cấp thông tin cho việc chọn ngành, nghề và công tác đào tạo nghề tại địa phương không?

Có

Không

Nếu có thì nguồn thông tin đó Anh/chị biết từ nguồn nào?

Do các phương tiện thông tin đại chúng (đài, báo, internet..)

Do cán bộ địa phương tuyên truyền, giới thiệu

7) Xin anh/chị cho biết khi tham gia vào các lớp đào tạo nghề, anh/chị có phải trả chi phí không?

Có Kinh phí: Không

8) Việc tiếp thu các kỹ năng nghề quá trình học tập của anh/chị như thế nào?

Tốt Trung bình Chưa tốt

9) Theo anh/chị, các khóa đào tạo nghề do địa phương tổ chức đã đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của anh/chị chưa?

.....
.....

10) Sự phù hợp của các hình thức và nội dung chương trình đào tạo nghề tại địa phương được anh/chị đánh giá như thế nào?

Đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động

Phù hợp với nhu cầu và xu thế phát triển

Chưa phù hợp cần bổ sung thêm

11) Theo anh chị khi tham gia vào các lớp học nghề thì có tác dụng như thế nào đối với người học?

Kiến thức và tay nghề được nâng lên

Khả năng giải quyết công việc tốt hơn

Thu nhập sẽ tăng lên

Khả năng kiếm được việc làm cao hơn

Ứng dụng vào trong lao động sản xuất

12) Xin anh/chị cho biết cơ sở vật chất phục vụ các lớp đào tạo nghề như thế nào?

Tốt Khá

Trung bình Kém

13) Xin anh/chị cho biết, đội ngũ giáo viên của các khóa học như thế nào?

a) Thái độ giảng dạy

Nhiệt tình Thờ ơ

b) Trình độ chuyên môn:

Tốt Trung bình Thấp

c) Khả năng truyền đạt

Khó hiểu

Trung bình

Dễ hiểu

14) Anh/chị có ý kiến đề xuất gì về các khóa đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo?

- Đối với cơ sở đào tạo nghề:

.....

.....

.....

- Đối với chính quyền các cấp:

.....

.....

.....

- Một số đề xuất khác:

.....

.....

.....

.....

XIN CẢM ƠN ANH/CHỊ VỀ SỰ HỢP TÁC!

Phụ lục 2:

Bảng hỏi

Đối với chủ/cán bộ quản lý doanh nghiệp/cơ sở sản xuất, kinh doanh

Phiếu số Ngày điều tra:.....

Thưa: Anh/chị

Tôi là học viên khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. HCM. Tôi đang thực hiện đề tài: **“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang”**. Mong anh/chị vui lòng tham gia giúp đỡ tôi trả lời các câu hỏi sau đây:

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp

Địa chỉ:

Tên người tham gia bảng hỏi:

Chức vụ:

II. Thông tin thu thập

1) Hiện nay doanh nghiệp có thực hiện công tác tập huấn/đào tạo nâng cao tay nghề/dạy nghề cho người lao động không?

.....
.....

2) Hình thức dạy nghề cho lao động là như thế nào?

.....
.....

3) Thời gian dạy là bao lâu?

.....
.....

Doanh nghiệp có hỗ trợ kinh phí, phương tiện học nghề cho người lao động không?

Cụ thể ?

.....
.....

4) Doanh nghiệp có được hỗ trợ trong công tác đào tạo cho người lao động không?
Nếu có thì từ đâu?

.....
.....

5) Doanh nghiệp có liên kết/ đặt hàng đào tạo nghề với các trung tâm hay cơ sở dạy nghề không?

.....
.....

6) Nhận định chung về chất lượng lao động của doanh nghiệp ra sao?

Tốt

Trung bình: do

Lao động có tay nghề chưa cao

Lao động chưa linh hoạt trong việc áp dụng kiến thức vào thực tế

Ý thức kỷ luật, làm việc chưa cao

Nguyên nhân khác

Kém

Lao động không có tay nghề và chuyên môn vững

Lao động không biết áp dụng kiến thức vào thực tế sx

Không chấp hành kỷ luật của cơ sở

Nguyên nhân khác

7) Kiến nghị của doanh nghiệp với các cấp về công tác đào tạo nghề cho người lao động?

.....
.....
.....
.....

XIN CẢM ƠN ANH/CHỊ VỀ SỰ HỢP TÁC!

Phụ lục 3:

Bảng hỏi

Cán bộ quản lý và giáo viên về công tác đào tạo nghề

Phiếu số Ngày:.....

Thưa: Anh/chị

Tôi là học viên khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. HCM. Tôi đang thực hiện đề tài: **“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang”**. Mong anh/chị vui lòng tham gia giúp đỡ tôi trả lời các câu hỏi sau đây:

I. Thông tin chung

1. Họ tên:

2. Chức vụ:

3. Nơi công tác:

II. Một số thông tin về công tác đào tạo nghề

1. Theo anh (chị) hiện nay công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của thành phố diễn ra như thế nào?

.....
.....
.....
.....

2. Theo anh/chị với tình hình như vậy thì việc phát triển công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố là:

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Không cần thiết

3. Về hình thức đào tạo nghề anh chị đánh giá như thế nào?

- Đa dạng
- Chưa đa dạng

Nguyên nhân là:

- Do thiếu kinh phí đầu tư cho đào tạo
- Do sự quan tâm chưa đúng mức cho đào tạo
- Nguyên nhân khác

5. Ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn huyện như thế nào?

- Đa dạng
- Chưa đa dạng

Nguyên nhân là:

- Do nhu cầu của người lao động chưa đa dạng
- Do cơ sở vật chất còn thiếu và nghèo nàn
- Do nghề đào tạo không có tính cạnh tranh
- Do nguyên nhân khác

6. Theo anh/chị trong thời gian tới cần làm gì để có thể nâng cao được chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện nhà?

.....

.....

.....

.....

XIN CẢM ƠN ANH/CHỊ VỀ SỰ HỢP TÁC!

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO
LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**
**IMPROVING THE QUALITY OF VOCATIONAL TRAINING FOR
RURAL LABORERS IN CHAU DOC CITY, AN GIANG PROVINCE**

Trần Thị Thu Trang
Học viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Chiến lược phát triển kinh tế đất nước nói chung và phát triển kinh tế nông thôn nói riêng luôn gắn với sự phát triển của nguồn lực con người. Vì vậy, nguồn nhân lực cần phải qua đào tạo để phát triển toàn diện hơn, một trong những mảng đào tạo đặc biệt cần thiết hiện nay là đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là chủ trương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2009 tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009. Đề án đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn và hoàn thành mục tiêu chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc đã có nhiều mô hình đào tạo nghề và hình thức dạy nghề phù hợp với tình hình thực tế của người dân địa phương. Thông qua nguồn số liệu thứ cấp thu thập được từ các cơ quan quản lý công tác đào tạo nghề của thành phố Châu Đốc và nguồn số liệu sơ cấp thu thập từ phỏng vấn thực tế các đối tượng có liên quan đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Từ đó, đánh giá thực trạng nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT tại thành phố Châu Đốc. Trong thời gian qua công tác đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc đã đạt được những kết quả nhất định. Bước đầu đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các lớp đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đã góp phần nâng cao trình độ tay nghề và nhận thức của lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu việc làm cho các doanh nghiệp sử dụng lao động. Từ kết quả đó làm cơ sở để đề xuất giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

Từ khóa: Đào tạo nghề; cơ sở dạy nghề; lao động nông thôn; chất lượng đào tạo nghề; giải quyết việc làm.

ABSTRACT

The national economic development strategy in general and the rural economic development in particular are always associated with the development of human resources. Therefore, human resources need to be trained to develop more comprehensively, one of the special training fields currently needed is vocational training for rural workers. Vocational training for rural labor is a policy approved by the Prime Minister in 2009 in Decision No. 1956 / QĐ-TTg of November 27, 2009. The project has contributed to creating jobs, improving the quality of human resources for rural areas and fulfilling the objectives of the national new rural construction program. Vocational training institutions in Chau Doc city have many vocational training models and vocational training forms suitable to the actual situation of the local people. Through secondary data collected from the vocational training management agencies

of Chau Doc city and primary data sources collected from actual interviews with subjects related to training craft for rural workers. Since then, assess the status of improving the quality of vocational training for rural laborers and the factors affecting the quality of vocational training for rural laborers in Chau Doc city. In the past time, vocational training in Chau Doc city has achieved certain results. Initially meeting the vocational training needs of workers, the labor use needs of production, business, service and enterprise establishments. The research results show that vocational training courses in the city have contributed to improving the skill level and awareness of rural workers to meet job requirements for employers. From these results, it is a basis for proposing solutions to contribute to improving the quality of vocational training activities for rural workers in the city in the future.

Keywords: Vocational training; vocational sites; rural labor; quality of vocational training; jobs.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một trong những chiến lược quan trọng, góp phần giảm nghèo và an sinh xã hội. Ngày nay, với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ, nhiều ngành sản xuất mới xuất hiện đòi hỏi trình độ tay nghề và độ chính xác cao. Bên cạnh việc dạy nghề ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội thì việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cũng cần được chú trọng hơn nữa. Đây là nguồn nhân lực hết sức quan trọng, có năng suất lao động và trình độ tay nghề cao, mang lại hiệu quả kinh tế lâu dài, bền vững.

Để thực hiện được mục tiêu này, ngoài việc các cơ sở đào tạo chủ động, tích cực chuẩn bị thì các cơ quan quản lý Nhà nước cũng cần có chiến lược quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề (CSDN) và xây dựng cơ cấu ngành nghề, góp phần định hướng cho cơ sở đào tạo. Đồng thời, có chính sách khuyến khích, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tránh tình trạng “*thừa thầy thiếu thợ*” như hiện nay.

Từ thực tiễn trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*”. Đề án đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn và hoàn thành mục tiêu chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đề án đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta:

“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn”.

Trong thời gian qua công tác đào tạo nghề (ĐTN) trên địa bàn thành phố Châu Đốc đã đạt được những kết quả nhất định. Bước đầu đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, doanh nghiệp. Với phương châm phát huy tối đa nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài thành phố. Châu Đốc đã triển khai nhiều giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những hạn chế về chất lượng đào tạo nghề đối với lao động nông thôn (LĐNT) như: Liên kết đào tạo nghề với các doanh nghiệp; xây dựng mô hình dạy nghề mới; tổ chức dạy nghề lưu động tại các cơ sở và phường - xã và kể cả ở các huyện, thị lân cận. Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu tiến hành đánh giá chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Từ đó, tìm ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công

tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

II. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LĐNT

- Đối với Quyết định 1956/QĐ-TTg thì lao động nông thôn là những người từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

+ Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã;

+ Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

Trong các đối tượng nêu trên, ưu tiên đào tạo nghề cho người lao động thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững.

III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LĐNT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

3.1. Tổng quan về thành phố Châu Đốc

Châu Đốc là thành phố trực thuộc tỉnh An Giang, là đô thị loại hai, sát biên giới Việt Nam với Vương quốc Campuchia. Dân cư thành phố Châu Đốc sinh sống tập trung ở khu vực ven sông Hậu, ven Quốc lộ 91, tại các phường trung tâm thành phố, tại các khu dân cư ... với cơ cấu dân số trẻ, dân cư đô thị chiếm gần 80%. Châu Đốc thuộc vùng đồng bằng của tỉnh An Giang do phù

sa sông Hậu bồi đắp. Địa hình thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Ở trung tâm có Núi Sam đột khởi lên giữa đồng bằng tạo nên cảnh quan độc đáo. Phía đông có sông Châu Đốc và sông Hậu, phía Tây có kênh Vĩnh Tế chạy song song với biên giới Campuchia, nối liền với thị xã Hà Tiên. Địa hình chia cắt bởi các kênh rạch ngang dọc. Với địa hình đa dạng, Châu Đốc có điều kiện phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp.

Nông nghiệp là một ngành đã hình thành và phát triển từ rất lâu đời ở thành phố. Loại hình nông nghiệp đô thị là một thế mạnh của thành phố. Thành phố Châu Đốc ngày nay còn là trung tâm du lịch của tỉnh An Giang và Đồng bằng sông Cửu Long, là thành phố đồng bằng đặc biệt có sông, có núi với phong cảnh tự nhiên hấp dẫn và nhiều di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng cấp Quốc gia và cấp địa phương (cấp Tỉnh); địa điểm du lịch phong phú đa dạng được trải đều và liên hoàn trên toàn thành phố.

Với tiềm năng là một thành phố du lịch nên thương mại - dịch vụ của thành phố là một ngành mũi nhọn trong phát triển kinh tế thành phố.

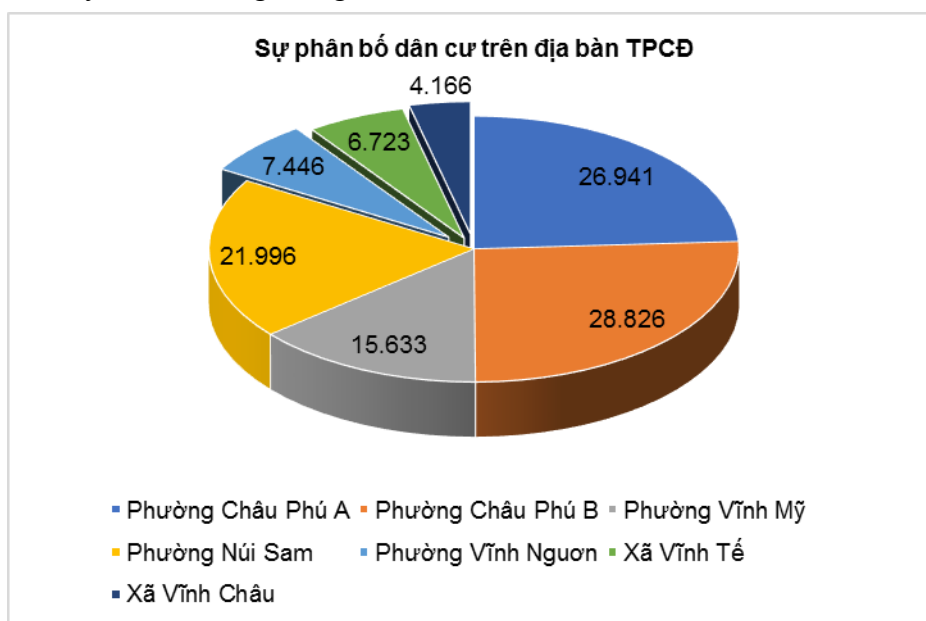
3.2. Đặc điểm của LĐNT ở thành phố Châu Đốc

Theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thì đối tượng LĐNT ở thành phố Châu Đốc chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị, chỉ một số ít là ở nông thôn (thuộc 02 xã nông thôn mới Vĩnh Tế, Vĩnh Châu và phường Vĩnh Nguơn). Vì Châu Đốc là một thành phố du lịch, tâm linh từ xưa đến nay nên hầu hết LĐNT ở thành phố Châu Đốc thường sinh sống bằng các nghề phục vụ cho thương mại - dịch vụ - du lịch như: Mua bán nhỏ, phục vụ buồng, bàn, lễ tân ở các nhà trọ, khách sạn, nhà hàng hoặc các quán ăn, uống trên địa bàn. Và đặc biệt là làm theo thời vụ Lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam. Còn đối với ở vùng nông thôn thì chủ yếu làm nông nghiệp, các

đối tượng trong độ tuổi lao động thường đi lao động ở các tỉnh khác như: Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, ... nơi có nhiều khu công nghiệp, ở lại chỉ còn người già và trẻ em. Và lại, Châu Đốc cũng là thành phố có chiều dài biên giới giáp với nước bạn Campuchia nên việc đi lại mua bán qua biên giới cũng khá thuận lợi, vì thế một số LĐNT cũng sinh sống bằng nghề này.

Nhìn chung, trên địa bàn thành phố Châu Đốc, việc tìm kiếm công việc để sinh sống hàng ngày cho LĐNT không thiếu, thu nhập lại cao, tuy nhiên không mang tính lâu

dài, nhưng đại đa số LĐNT chỉ nhận thấy cái lợi trước mắt chứ không dự tính cho tương lai, chính vì thế việc tham gia học nghề còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn. Đây chính là vấn đề nan giải của chính quyền địa phương thành phố Châu Đốc cũng như các cơ sở dạy nghề hiện nay. Vì vậy, việc vận động, làm thay đổi nhận thức người dân, cũng như nâng cao chất lượng công tác ĐTN cho LĐNT trên địa bàn Châu Đốc hiện nay và những năm tiếp theo là hết sức cần thiết.



Hình 1. Sự phân bố dân cư trên địa bàn thành phố Châu Đốc

3.3. Kết quả đào tạo

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành cùng với sự chủ động đầu tư trang thiết bị, mở rộng các ngành nghề, hình thức đào tạo và đặc biệt là sự chuyển biến tâm lý về nghề nghiệp của người dân và lao động nên số lượng và chất lượng đào tạo nghề của thành phố Châu Đốc được tăng lên qua các năm. Kết quả đào tạo nghề qua các năm thể hiện qua bảng 2.

Qua bảng ta thấy số lượng lao động được đào tạo dài hạn trên địa bàn thành phố là chưa có. Đây là một bất cập cần sớm được giải quyết. Hiện nay những lao động

có nhu cầu học nghề dài hạn phải đi đến các cơ sở đào tạo bên ngoài thành phố làm cho chi phí học tập cũng như khả năng quay về làm việc tại thành phố sau khi tốt nghiệp là rất thấp. Lao động qua đào tạo nghề ngắn hạn năm 2016 là 1.204 lao động, năm 2017 đào tạo nghề cho 1.251 lao động, năm 2018 là 1.408 lao động, tăng bình quân là 8,2%/năm. Số lao động được đào tạo tại doanh nghiệp bình quân hằng năm tăng 39,65% với số lao động được đào tạo năm 2016 là 403 lao động, năm 2018 tăng lên 747 lao động.

Kết quả đào tạo nghề cho thấy thành phố cần sớm khắc phục tình trạng đào tạo

nghe dài hạn. Số lượng lao động qua đào tạo nghề ngắn hạn bao gồm đào tạo nghề tại Trường trung cấp nghề Châu Đốc, Trung tâm dịch vụ việc làm, tại các cơ sở sản xuất của DN năm 2016 chiếm 103,8% và đến năm 2018 chiếm 102,77%. Trong đó chủ yếu lao động được đào tạo tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố. Số lượng lớn lao động còn lại chỉ dừng lại ở tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng ở các lớp học tại cộng đồng.

Mặc dù qua mỗi năm, lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn thành phố có tăng lên về số lượng, tuy nhiên chất lượng thì chưa

đáp ứng được cho thị trường lao động. Đào tạo nghề ngắn hạn mặc dù được triển khai ở nhiều cơ sở đào tạo với số lượng đông nhưng nếu nhìn mặt bằng chung thì con số này khá khiêm tốn. Nhiệm vụ chính của Trường trung cấp nghề Châu Đốc là đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nhưng do điều kiện của trường còn hạn chế nên số lượng lao động được đào tạo ở trường còn khá thấp. Các lao động được đào tạo nghề ngắn hạn ở đây chủ yếu được đào tạo tại các DN sản xuất hoặc các địa phương trên địa bàn thành phố.

Bảng 2: Số lượng lao động được đào tạo trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (2016 - 2018)

S T T	Chỉ tiêu	2016		2017		2018		Tốc độ phát triển (%)		
		SL (người)	CC (%)	SL (người)	CC (%)	SL (người)	CC (%)	17/16	18/17	Bình quân
	Tổng số lao động qua đào tạo	1.204	103,8	1.251	102,54	1.408	102,77	103,9	112,5	108,2
1	Dạy nghề dài hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Dạy nghề ngắn hạn	1.204	103,8	1.251	102,54	1.408	102,77	103,9	112,5	108,2
	Dạy tại trường trung cấp nghề	544	123,64	475	95	528	117,33	87,32	111,16	99,24
	Dạy tại Trung tâm dịch vụ việc làm	167	139,2	88	73,33	133	110,83	52,69	151,14	143,42
	Dạy tại doanh nghiệp	403	67,17	688	114,67	747	93,38	170,72	108,58	139,65

(Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH thành phố Châu Đốc)

Đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, trong những năm qua đã đào tạo một số lượng lao động khá lớn, góp phần không nhỏ trong tổng số lao động qua đào tạo nghề của thành phố. Qua 03 năm, nhìn

chung số lượng đào tạo nghề ở các doanh nghiệp giữ ở mức ổn định khoảng 180 lao động/năm, với các nghề đào tạo như: May công nghiệp, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ bếp, nghiệp vụ phục vụ buồng, nghiệp vụ

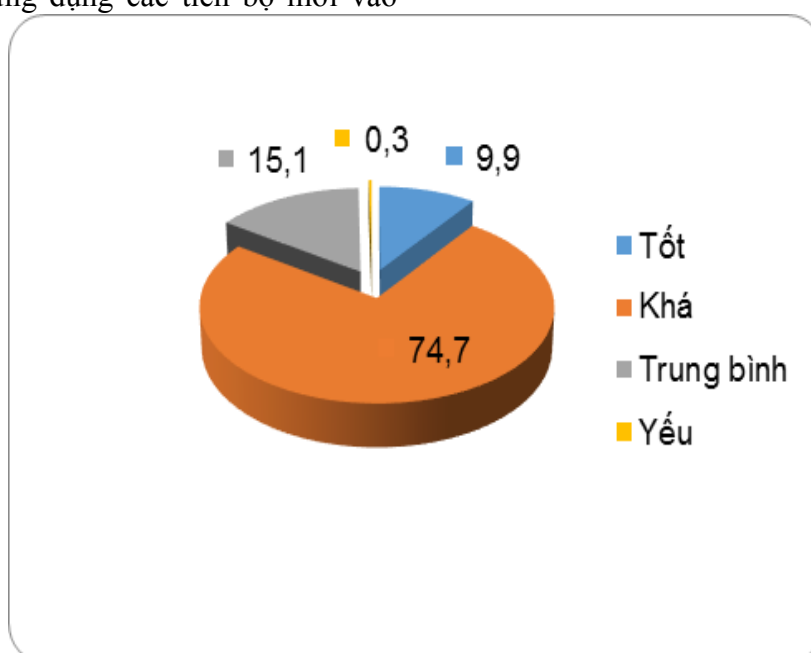
phục vụ các nhà hàng, quán ăn ở nông thôn, ... Với hình thức dạy nghề ở các doanh nghiệp đã góp phần không nhỏ trong công tác giải quyết việc làm cho người LĐNT, tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân có thể kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại địa phương.

Ngoài dạy nghề tại các cơ sở đào tạo nghề, tại các doanh nghiệp, thì tại các phường, xã của thành phố hằng năm đã tổ chức nhiều lớp học tại cộng đồng để người nông dân có thể trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất và được tập huấn chuyên giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ mới vào

sản xuất nhằm đạt năng suất, hiệu quả cao. Kết quả, hằng năm bình quân đã bồi dưỡng được cho khoảng 450 LĐNT.

3.4. Đánh giá hiệu quả và chất lượng đào tạo

Trong 3 năm từ 2016 đến 2018 Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đã đào tạo được tổng số 570 lao động học trong 03 ngành là: Kỹ thuật phục vụ nhà hàng, quán ăn nông thôn; xây dựng dân dụng và may công nghiệp. Tay nghề của người lao động được Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đánh giá được thể hiện trong hình 3:



Hình 3. Đánh giá tay nghề của người lao động tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc sau các khóa đào tạo.

Ta thấy trong tổng số lao động đã qua đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc trong 3 năm 2016 - 2018 có kết quả sau khi học được đánh giá khá tốt. Số lao động được đánh giá có chất lượng tay nghề sau đào tạo Khá và tốt chiếm 84,6% trong tổng số lao động được đào tạo. Số lao động có tay nghề được đánh giá là trung bình chiếm 15,1% và số lao động có tay nghề yếu chiếm 0,3%. Kết quả đó đạt được là nhờ sự cố gắng học tập của người lao động cũng như sự cố

gắng của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc trong quá trình truyền đạt kiến thức cho học viên.

Chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn đã mang lại một số kết quả khả quan: Góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng nguồn lực lao động tại địa phương, tạo điều kiện cho người trong độ tuổi lao động thuộc nhiều trình độ đều được học nghề.

Bảng 4: Kết quả hoạt động dạy nghề cho LĐNT tại TPCĐ từ 2016 - 2018

Năm	Số học viên		
	Tổng số học viên	Theo cấp trình độ	
		Sơ cấp	Dạy nghề dưới 3 tháng
2016	1.204	75	1.129
2017	1.251	60	1.191
2018	1.408	60	1.348
Tổng	6.041	195	3.668

Đến cuối năm 2018, tỷ lệ lao động nông thôn đã qua đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc là 68%.

Bên cạnh những ưu điểm, thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại thành phố Châu Đốc vẫn còn một số hạn chế, yếu kém chậm khắc phục nên đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả dạy nghề, cụ thể như:

- Sự phối hợp giữa các ngành chức năng với cơ sở ĐTN và các doanh nghiệp có lúc chưa chặt chẽ.

- Công tác tuyên truyền vận động ở một số địa phương chưa được thường xuyên, sâu rộng; nhận thức về học nghề để có việc làm của người lao động chưa cao.

- Nhiều lao động nông thôn có trình độ học vấn thấp phải làm thuê kiếm sống hàng ngày, nên rất khó trong việc vận động tham gia học nghề.

- Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác dạy nghề chưa đáp ứng so với nhu cầu kế hoạch. Vốn đầu tư cho các chương trình dự án bị lãng phí do công tác đào tạo nghề cho lao động còn nhiều bất cập, hiệu quả đầu tư chưa cao. Chậm trễ và thiếu hụt trong việc đưa các trang thiết bị đầu tư cho đào tạo nghề vào sử dụng.

Ở thành phố Châu Đốc, doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là vừa và nhỏ nên sức hút lao động còn thấp, chủ yếu là sử dụng lao động phổ thông nên việc phối hợp giải quyết việc làm sau đào tạo còn gặp khó khăn.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC HIỆN NAY VÀ TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

4.1. Các giải pháp từ phía Nhà nước và chính quyền địa phương

- Tuyên truyền sâu rộng về vai trò, ý nghĩa của đào tạo nghề đối với sự phát triển của xã hội... là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cấp ủy, Đảng, chính quyền và toàn xã hội.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội, của cán bộ, công chức xã và lao động nông thôn về vai trò của đào tạo nghề đối với việc tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

- Triển khai thực hiện tốt và kịp thời các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nhằm tạo điều kiện cho người lao động thuộc hộ nghèo, LĐNT, người dân tộc thiểu số, bộ đội, công an phục viên, xuất ngũ, người thuộc đối tượng chuyển đổi nghề, phụ nữ mất việc làm, lao động các xã đặc biệt khó khăn, ... có điều kiện tham gia học nghề.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo đã đề ra; tình hình quản lý và sử dụng kinh phí đầu tư để nâng cao chất lượng và hiệu quả GDNN.

4.2. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đề án sâu rộng đến người lao động ở khắp các vùng nông thôn của thành phố, đặc biệt là ở vùng đặc biệt khó khăn.

- Nâng cao trình độ văn hóa và định hướng nghề cho lao động nông thôn

- Cần điều tra, thống kê số lượng lao động nông thôn cần đào tạo, số lượng nghề có thể đào tạo. Điều tra, xác định rõ nhu cầu, mong muốn được đào tạo của người lao động nông thôn. Gắn kết nhu cầu với kế hoạch đào tạo giúp người lao động hiểu rõ quyền và lợi ích họ có được sau khi được đào tạo.

- Chính sách tạo việc làm cho người lao động sau đào tạo cần được tinh hỗ trợ hơn nữa, tăng cường triển khai thường xuyên các chương trình về đào tạo nghề cho người lao động.

4.3. Mở rộng hình thức và ngành nghề đào tạo; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với tình hình phát triển hiện nay của địa phương

Hiện nay, nhu cầu học nghề của bộ phận LĐNT bao gồm nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi khác nhau với mong muốn được học những ngành nghề sau này có cơ hội tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao. Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề cho LĐNT cần tích cực rà soát, tìm hiểu nhu cầu đối tượng, lứa tuổi có nhu cầu học nghề, đồng thời cần phải nắm bắt rõ nhu cầu tuyển dụng lao động của DN trên địa bàn và các vùng lân cận để có chiến lược phát triển các hình thức và ngành nghề đào tạo đáp ứng được nhu cầu đó.

Bên cạnh đó nội dung, hình thức đào tạo nghề cũng cần thay đổi sao cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Có như vậy mới tạo sự tin tưởng và thu hút được lực lượng LĐNT đến học nghề,

góp phần vào giải quyết vấn đề đào tạo nghề cho LĐNT.

- Các CSDN cần định kỳ điều chỉnh lại chương trình đào tạo theo hướng xác định mục tiêu đào tạo phù hợp với yêu cầu TTLĐ; xác định tỷ lệ phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, đặc biệt ưu tiên nhiều thời gian dạy thực hành để nâng cao kỹ năng nghề cho người học. Do đó, trong chương trình đào tạo cần căn cứ đặc thù nghề để xác định thời gian, phương pháp và hình thức đào tạo để quá trình đào tạo luôn gắn liền với thực tế lao động sản xuất.

- Giáo trình, tài liệu học tập cũng là một trong những hạn chế trong ĐTN cho LĐNT, ngoài đảm bảo cung cấp đủ số lượng giáo trình, tài liệu các môn học của mỗi chương trình đào tạo cho các học viên, cần phải thay đổi cách xây dựng, cách trình bày nội dung để người học dễ tiếp cận và tiếp thu được kiến thức. Phải có những phương pháp đào tạo cụ thể, đa dạng hóa hình thức đào tạo phù hợp với nội dung, đối tượng giảng dạy.

4.4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho giảng dạy, học tập

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho đào tạo nghề là một giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động, tạo điều kiện cho học viên có thể học tập, phát huy được năng lực bản thân, nhờ đó chất lượng lao động được nâng lên, đáp ứng được nhu cầu xã hội.

4.5. Nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đào tạo nghề

Giáo viên là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo. Do đó muốn nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải pháp quan trọng là phải nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ giáo viên. Cần lên kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học... cho đội ngũ giáo viên.

Để thực hiện được các giải pháp trên thì cần có nguồn kinh phí để đầu tư và phát triển. Hiện nay trường thực hiện đào tạo hoàn toàn miễn phí cho người lao động tại địa phương nên tất cả các khoản chi phí và hoạt động của trường hoàn toàn đến từ nguồn hỗ trợ đầu tư của Nhà nước và đầu tư của tỉnh, thành phố.

4.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình đào tạo nghề

Cần có sự quan tâm và giám sát chặt chẽ từ các cấp lãnh đạo. Luôn theo dõi và kiểm tra thường xuyên công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nhanh chóng rút kinh nghiệm những mặt chưa tốt trong quá trình đào tạo để kịp thời có những phương án hiệu quả hơn.

4.7. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động

Tạo việc làm mới và giải quyết việc làm thêm cho người lao động chịu tác động trực tiếp của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ. Yêu cầu về chất lượng lao động của các DN cũng ngày càng khắt khe hơn, do đó để có thể giải quyết việc làm cho LĐNT cần tiến hành nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

Giải quyết được việc làm cho người lao động sau khi đào tạo là một việc làm hết sức có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và trong thời gian tới của thành phố. Công tác đào tạo nghề gắn liền với giải quyết việc làm sẽ là động lực thúc đẩy người lao động có nhu cầu học nghề cao hơn, họ có thể yên tâm học tập, phát huy hết khả năng và ý thức, trách nhiệm của bản thân, từ đó chất lượng lao động sẽ được nâng cao; các cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ tận dụng được nguồn nhân lực tại địa phương đảm bảo về số lượng và chất lượng giúp yên tâm sản xuất kinh doanh.

V. KẾT LUẬN

Từ quá trình nghiên cứu và tìm hiểu về công tác đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

trên địa bàn thành phố Châu Đốc tôi có một số kết luận như sau:

Thứ nhất: Vai trò của nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đặc biệt là nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT là vô cùng quan trọng đối với quá trình phát triển KT - XH của thành phố Châu Đốc.

Thứ hai: Những năm qua, công tác ĐTN của thành phố Châu Đốc đã đạt được những kết quả nhất định. Trong 3 năm 2016 - 2018 bình quân mỗi năm thành phố đào tạo nghề cho khoảng 1.204 LĐNT, tăng bình quân 11,2%/năm. Tuy nhiên, công tác ĐTN cho LĐNT cũng còn rất nhiều tồn tại, yếu kém cần sớm giải quyết. Hiện nay, các CSDN của thành phố chưa mở rộng các hình thức dạy nghề nhất là dạy nghề dài hạn hiện nay chưa mở lớp; các ngành nghề đào tạo còn rất hạn chế, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Hình thức đào tạo dài hạn của thành phố hiện nay vẫn chưa được triển khai, lao động của thành phố được đào tạo tại các lớp học sơ cấp từ 1 đến 3 tháng và các lớp học tại cộng đồng với thời gian dưới 3 tháng chiếm tỷ lệ trên 90%. Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc.

Thứ ba: Đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Châu Đốc - Tỉnh An Giang. Giải pháp mà đề tài đưa ra phù hợp với tình hình phát triển chung của thành phố Châu Đốc. Các giải pháp trên góp phần hạn chế những tồn tại, khó khăn, yếu kém mà công tác đào tạo nghề trên địa bàn đang gặp phải. Khi triển khai công tác đào tạo nghề trong những năm tới thì cần lựa chọn và ưu tiên những giải pháp trọng yếu và phù hợp với tình hình cụ thể của từng giai đoạn phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Niên giám thống kê thành phố Châu Đốc năm 2016, 2017 và 2018*, NXB thống kê.
- *Sở Lao động - TB&XH An Giang (2018), Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.*
- *Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.*

Tác giả chịu trách nhiệm bài viết:

Họ tên : Trần Thị Thu Trang
Đơn vị : Trường Trung cấp nghề Châu Đốc
Điện thoại : 0939 936336
Email : tttrangcd@gmail.com

XÁC NHẬN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

TS. Trần Đăng Thịnh

